

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783 /QĐ-TĐHHN ngày 17 tháng 05 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2016

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo	1
1.2. Mục tiêu đào tạo	1
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:	1
1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.	2
1.5. Điều kiện tốt nghiệp	2
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2.1. Kiến thức	3
2.2. Kỹ năng	3
2.3. Phẩm chất đạo đức	5
2.4 Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp.....	6
PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	7
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo.....	8
4.2. Khung chương trình đào tạo.....	8
4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra.	12
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ).....	15
4.5. Đề cương các học phần	17
4.6 Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình.....	456
4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình	469

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**
 - Tiếng Anh: **Natural Resource Economics**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**
- Mã số: **52850102**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Natural resource Economics**

1.2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đạt được các mục tiêu sau:

- Mục tiêu chung: Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên có đầy đủ những kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội và chuyên môn sâu về Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; có kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong các công việc được giao trong lĩnh vực Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.

- Mục tiêu cụ thể:

a) Kiến thức

MT1: Có những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực chuyên môn sâu về Kinh tế tài nguyên thiên nhiên như khả năng phân tích, tính toán, hoạch định chính sách, quản lý và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên ở các cấp, tổ chức khác nhau của nền kinh tế

MT2: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân; có sức khỏe tốt, có khả năng tìm việc làm phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước;

MT3: Có thể học tập lên trình độ cao hơn.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Điều 28 của Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 3473/QĐ-TĐHHN ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức Đại cương

KT1: Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng;

Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên sâu.

2.1.2. Kiến thức Cơ sở ngành

KT2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về lĩnh vực kinh tế, tài chính, tài nguyên và môi trường làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

2.1.3. Kiến thức ngành

KT3: Đối với hướng chuyên sâu Kinh tế Tài nguyên và Môi trường: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kinh tế Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các công việc như: phân tích, tổng hợp thông tin và số liệu liên quan; quản lý và xây dựng kế hoạch, đề án về tài nguyên, môi trường; lượng giá giá trị tài nguyên, lập báo cáo, tư vấn, tham mưu cho các nhà quản lý để đưa ra quyết định và xây dựng chính sách sử dụng và quản lý Tài nguyên và Môi trường;

- Đối với hướng chuyên sâu Kinh tế tài nguyên biển: Hiểu và vận dụng những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kinh tế tài nguyên biển để thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp như: Thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển, đánh giá các thiệt hại tài nguyên biển, nghiên cứu, ra quyết định trong quản lý kinh tế và bảo tồn tài nguyên, hệ sinh thái và bờ biển; Thực hiện các chương trình, dự án triển khai về khai thác, sử dụng và quản lý các loại tài nguyên biển; Đề xuất các giải pháp, chính sách nhằm đánh giá hiệu quả và bền vững đối với tài nguyên biển.

2.1.4. Kiến thức Thực tập và khóa luận Tốt nghiệp

KT4: Hiểu công việc thực tế, thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường để có những phân tích, đánh giá thực trạng quản lý tài nguyên và môi trường dưới góc độ kinh tế. Hiểu và thực hành tốt kiến thức chuyên môn về khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên biển. Có kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tế hiệu quả.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- KN1: Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Tìm hiểu, xác định nguyên

nhân vấn đề, đề xuất các giải pháp, ra quyết định lựa chọn giải pháp tối ưu nhất thông qua phân tích, tính toán;

- KN2: Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: tự tìm tòi, nghiên cứu tài liệu, thu thập, xử lý thông tin về kinh tế tài nguyên và môi trường và kinh tế tài nguyên biển;

- KN3: Khả năng điều hành, quản lý công việc: Xây dựng và điều phối công việc có tính khoa học, hợp lý; tham gia tư vấn cho các cá nhân, tổ chức;

- KN4: Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn:

Đối với hướng chuyên sâu Kinh tế Tài nguyên và Môi trường: Lập kế hoạch, báo cáo về đánh giá thiệt hại môi trường; Lượng giá, định giá giá trị thiệt hại hoặc tổn thất cho xã hội để làm căn cứ cho các cơ quan quản lý môi trường xử phạt vi phạm; Lượng giá giá trị tài nguyên làm cơ sở tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo để đưa ra các chính sách sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên.

Đối với hướng chuyên sâu Kinh tế tài nguyên biển: Thực hiện điều tra cơ bản, nghiên cứu vấn đề khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên biển hiệu quả; Kiểm tra, giám sát, lập kế hoạch thực hiện các chương trình, dự án khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên và môi trường biển; Tham gia tư vấn các chính sách liên quan tới tài nguyên và môi trường biển.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- KN5: Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra;

- KN6: Kỹ năng quản lý, lãnh đạo: Có khả năng phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể; Phát triển và duy trì quan hệ tốt với các đối tác; Truyền cảm hứng, tạo động lực cho cá nhân và tập thể;

- KN7: Kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng;

2.2.3 Kỹ năng ngoại ngữ và tin học

- KN8: Có kỹ năng giao tiếp với đối tác, đồng nghiệp và cấp trên; Có kỹ năng thuyết trình và đàm phán tốt; Có trình độ giao tiếp Tiếng Anh cơ bản; Đọc và hiểu biết cơ bản các thuật ngữ chuyên môn; Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin phổ biến.

Đạt chuẩn bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc A2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt 1 trong các chứng chỉ tương đương từ A2 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
A2	3.5	400	400	96	40	45 – 64 PET 70 – 89 KET	2

- Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

Sử dụng được Internet và một số phần mềm để phục vụ tốt yêu cầu công việc.

2.3. Phẩm chất đạo đức

2.3.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân

- ĐĐ1: Có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc, chấp hành sự phân công của lãnh đạo; Khiêm tốn, ham học hỏi, tôn trọng mọi người; Sống hòa đồng với tập thể, có tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp và giữ gìn đoàn kết trong đơn vị.

2.3.2 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- ĐĐ2: Trung thực, cẩn thận; Có tinh thần trách nhiệm với công việc; Ý thức tổ chức kỷ luật tốt; Có tinh thần hòa đồng, hợp tác với đồng nghiệp.

2.3.3 Phẩm chất đạo đức xã hội

ĐĐ3: Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật, các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, có cuộc sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt công cộng, chấp hành tốt nội quy, quy chế của nơi làm việc; Thể hiện văn minh, lịch sự trong giao tiếp, ứng xử và trang phục phù hợp; Có tinh thần đấu tranh tự phê bình

và phê bình, biết đấu tranh bảo vệ lẽ phải; Có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.

2.4 Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có thể làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận, công việc sau:

- VT1: Bộ phận chuyên môn về kinh tế, quản lý tài nguyên và môi trường tại các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- VT2: Bộ phận chuyên môn về kinh tế, quản lý tài nguyên và môi trường tại các Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh; các Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp quận, huyện.

- VT3: Bộ phận chuyên môn về kinh tế, quản lý tài nguyên và môi trường tại Ban quản lý các Khu công nghiệp, Ban quản lý các Khu chế xuất, Ban quản lý các Khu bảo tồn thiên nhiên, Ban quản lý các Vườn quốc gia, Ban quản lý các Di sản thiên nhiên, Ban quản lý các dự án về tài nguyên và môi trường.

-VT4: Bộ phận nghiên cứu và giảng dạy về kinh tế, quản lý tài nguyên và môi trường tại các viện nghiên cứu, các học viện, trường đại học, trường cao đẳng.

- VT5: Bộ phận dự án/chương trình về quản lý tài nguyên và môi trường tại các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế.

- VT6: Bộ phận kế hoạch-đầu tư, kinh tế, kinh doanh tại các doanh nghiệp khai thác tài nguyên thiên nhiên, kinh doanh các dịch vụ tài nguyên và môi trường.

**PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ
CHUẨN ĐẦU RA**

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO		
		MT1	MT2	MT3
Kiến thức	KT1	x	x	x
	KT2	x	x	x
	KT3	x	x	x
	KT4	x	x	x
Kỹ năng	KN1	x		x
	KN2	x		x
	KN3	x	x	
	KN4	x		x
	KN5	x	x	
	KN6	x	x	
	KN7		x	
	KN8	x	x	x
Phẩm chất đạo đức	ĐĐ1		x	x
	ĐĐ2		x	x
	ĐĐ3		x	x

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	125
Trong đó:	
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương <i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN)</i>	28
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	97
• Kiến thức cơ sở ngành	28
+ <i>Bắt buộc:</i>	(22)
+ <i>Tự chọn:</i>	(6)
• Kiến thức ngành	57
+ <i>Bắt buộc:</i>	(51)
+ <i>Tự chọn:</i>	(6)
• Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12

4.2. Khung chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : *Lý thuyết*

- TL, TH, TT: *Thảo luận, thực hành, thực tập*

1	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần tiên quyết
				LT	TL,TH,TT	Tự học	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		28				
I.1	<i>Lý luận chính trị</i>		10				
1	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	PML201	5	54	19	150	
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	VCPR202	3	32	13	90	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM202	2	21	9	60	
I.2	<i>Khoa học xã hội</i>		4				
4	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	CTS103	2	20	10	60	
5	Pháp luật đại cương	BLA101	2	20	10	60	

1	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần tiên quyết
				LT	TL,TH,TT	Tự học	
I.3	Ngoại ngữ		6				
6	Tiếng Anh 1	ENG101	3	8	37	90	
7	Tiếng Anh 2	ENG211	3	6	39	90	ENG101
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học		8				
8	Toán cao cấp	MAT101	4	33	27	120	
9	Tin học đại cương	GEI401	2	20	10	60	
10	Xác suất thống kê	PRO221	2	15	15	60	
I.5	Giáo dục thể chất		5				
I.6	Giáo dục quốc phòng-An ninh		165 tiết				
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		97				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		28				
11	Tài chính - Tiền tệ	FIMO202	3	37	8	90	
12	Kinh tế vi mô I	MIC111	3	32	13	90	
13	Kinh tế vĩ mô	MAC201	3	35	10	90	
14	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES201	3	31	14	90	MEC101, MIC111
15	Phân tích định lượng	QNA204	3	28	17	90	PES202
16	Cơ sở khoa học môi trường	FES102	2	20	10	60	
17	Lý thuyết kế toán	ACT202	3	30	15	90	MIC111, MAC201
18	Quản trị học	MNM101	2	19	11	60	
19	<i>Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám *</i>	<i>GIRS103</i>	2	12	18	60	
	<i>Tài chính công</i>	<i>PLF203</i>	2	26	4	60	FIMO202
20	<i>Kinh tế đầu tư *</i>	<i>INE202</i>	2	22	8	60	MIC111, MAC201

1	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần tiên quyết
				LT	TL,TH,TT	Tự học	
	<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>	<i>SME203</i>	2	25	5	60	
21	<i>Lịch sử các học thuyết kinh tế*</i>	<i>HETH202</i>	2	27	3	60	LTML2101
	<i>Tâm lý quản lý</i>	<i>POM101</i>	2	20	10	60	MNM101
II.2	<i>Kiến thức ngành</i>		57				
22	Kinh tế vi mô II	IME222	3	31	14	90	MIC111
23	Kinh tế công cộng	PLE202	3	34	11	90	IME222
24	Phân tích chi phí - lợi ích	CBA203	3	34	11	90	MIC111 FIMO202
25	Kinh tế học biến đổi khí hậu	ECC202	2	22	8	60	
26	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	REV203	3	29	16	90	MIC111 FIMO202
27	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	ERM203	2	24,5	5,5	60	QNA204 MAC201
28	Kế toán tài chính	FACT203	2	21	9	60	ACT202
29	<i>Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên</i>	<i>CORM203</i>	2	25	5	60	
	<i>Dự báo phát triển kinh tế xã hội</i>	<i>SEDF203</i>	2	17	13	60	QNA204
30	Thương mại và tài nguyên môi trường	CRE203	2	23	7	60	EVE202
31	<i>Kiểm soát ô nhiễm môi trường</i>	<i>EVT202</i>	2	20	10	60	
	<i>Du lịch sinh thái</i>	<i>ECT202</i>	2	21	9	60	
32	<i>Kiểm toán môi trường</i>	<i>EAD213</i>	2	19	11	60	
	<i>Thống kê tài nguyên và môi trường</i>	<i>SRE203</i>	2	22	8	60	PES202
	<i>Đánh giá tác động môi trường</i>	<i>EIA203</i>	2	20	10	60	FES201
33	Kinh tế tài nguyên I	EOR213	5	51	24	150	MIC111

1	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần tiên quyết
				LT	TL,TH,TT	Tự học	
34	Kinh tế tài nguyên II	EOR224	4	41	19	120	EOR213
35	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	REPM203	3	34	11	90	INE202
36	Hạch toán quản lý môi trường	EMA204	3	30	15	90	FACT203
37	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	REEM204	5	49	23	150	MNM101 EVE202
38	Kinh tế môi trường	EVE202	3	30	15	90	
39	Kinh tế tài nguyên biển	MRE212	2	27	3	60	MIC111
40	Kiến tập môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường	ITSE203	3	-	-	-	EVE202, CBA203
41	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	IDSE204	3	-	-	-	REEM204
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp		12				
42	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	6	-	90	180	CBA203, EOR224, REEM204
43	Khóa luận tốt nghiệp	DTT209	6	-	90	180	
III.	Khối kiến thức bổ trợ		6				
1	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	NREM204	3	33	12	90	EOR224
2	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	EEM204	3	33	12	90	REEM204
Tổng tín chỉ			125				

4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức				Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
I.1	Lý luận chính trị															
1	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	X				X	X							x		
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	X				X	X							x		x
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X				x	x							x	x	x
I.2	Khoa học xã hội															
4	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	X											X	X	x	
5	Pháp luật đại cương	X													x	
I.3	Ngoại ngữ															
6	Tiếng Anh 1	X											X	X	x	x
7	Tiếng Anh 2	X											x	x	x	x
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học															
8	Toán cao cấp	x														
9	Tin học đại cương	x												x	x	
10	Xác suất thống kê	x													x	
I.5	Giáo dục thể chất															
I.6	Giáo dục quốc phòng-An ninh															
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp															
II.1	Kiến thức cơ sở ngành															
11	Tài chính - Tiền tệ		X			X					X				X	X
12	Kinh tế vi mô I		X			x	X	X			X		X			
13	Kinh tế vĩ mô		X			x	x				X					
14	Nguyên lý thống kê kinh tế		X					x		x						
15	Phân tích định lượng															
16	Cơ sở khoa học môi trường		X							X						x

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	CHUẨN ĐẦU RA													
		Kiến thức			Kỹ năng						Phẩm chất đạo đức				
17	Lý thuyết kế toán		X				X			X	X			x	
18	Quản trị học		X				X			X	X			x	x
19	<i>Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám *</i>		X				X			X	X			X	X
	<i>Tài chính công</i>		X			X				X				X	X
20	<i>Kinh tế đầu tư *</i>		X											X	X
	<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>		X			X							X	X	X
21	<i>Lịch sử các học thuyết kinh tế *</i>		X												
	<i>Tâm lý quản lý</i>		X			X									
II.2	<i>Kiến thức ngành</i>														
22	Kinh tế vi mô II			x									x		x
23	Kinh tế công cộng			x		X			X					X	X
24	Phân tích chi phí - lợi ích			X									x	x	
25	Kinh tế học biến đổi khí hậu			x										x	
26	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường			x									x		
27	Phương pháp nghiên cứu kinh tế		x				x					x		x	
28	Kế toán tài chính		x												x
29	<i>Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên</i>			X						x			x		
	<i>Dự báo phát triển kinh tế xã hội</i>			X										X	
30	Thương mại và tài nguyên môi trường			X											
31	<i>Kiểm soát ô nhiễm môi trường</i>		X			X	x							x	
	<i>Du lịch sinh thái</i>		X			X								x	x
32	<i>Kiểm toán môi trường</i>		X			x	x							x	x
	<i>Thống kê tài nguyên và môi trường</i>		X			x	x							x	x

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức			Kỹ năng							Phẩm chất đạo đức				
			X		x	x							x	x	x	
	<i>Đánh giá tác động môi trường</i>		X		x	x								x	x	x
33	Kinh tế tài nguyên I			X												
34	Kinh tế tài nguyên II			X		x					x				x	
35	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường											X				
36	Hạch toán quản lý môi trường			X												
37	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường															
38	Kinh tế môi trường			X												
39	Kinh tế tài nguyên biển		X													
40	Kiến tập môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường											X				
41	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường											X				
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp															
42	Thực tập tốt nghiệp				X	x	x					x	x			
43	Khóa luận tốt nghiệp				X	x	x						x	x	x	x
III.	Khôi kiến thức bổ trợ															
1	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên									x						x
2	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường									x						x

4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương									
I.1	Lý luận chính trị									
1	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	PML201	5							
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	VCPR202			3					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM202		2						
I.2	Khoa học xã hội									
4	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	CTS103		2						
5	Pháp luật đại cương	BLA101		2						
I.3	Ngoại ngữ									
6	Tiếng Anh 1	ENG101	3							
7	Tiếng Anh 2	ENG211		3						
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học									
8	Toán cao cấp	MAT101	4							
9	Tin học đại cương	GEI401		2						
10	Xác suất thống kê	PRO221		2						
I.5	Giáo dục thể chất		x	x	x	x				
I.6	Giáo dục quốc phòng-An ninh									
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
II.1	Kiến thức cơ sở ngành									
11	Tài chính - Tiền tệ	FIMO202			3					
12	Kinh tế vi mô I	MIC111	3							
13	Kinh tế vĩ mô	MAC201		3						
14	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES201			3					
15	Phân tích định lượng	QNA204				3				
16	Cơ sở khoa học môi trường	FES102			2					
17	Lý thuyết kế toán	ACT202				3				
18	Quản trị học	MNM101	2							

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
19	<i>Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám</i>	<i>GIRS103</i>					2			
	<i>Tài chính công</i>	<i>PLF203</i>								
20	<i>Kinh tế đầu tư</i>	<i>INE202</i>				2				
	<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>	<i>SME203</i>								
21	<i>Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>	<i>HETH202</i>			2					
	<i>Tâm lý quản lý</i>	<i>POM101</i>								
II.2	<i>Kiến thức ngành</i>									
22	Kinh tế vi mô II	IME222			3					
23	Kinh tế công cộng	PLE202				3				
24	Phân tích chi phí - lợi ích	CBA203					3			
25	Kinh tế học biến đổi khí hậu	ECC202					2			
26	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	REV203						3		
27	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	ERM203					2			
28	Kế toán tài chính	FACT203					2			
29	<i>Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên</i>	<i>CORM203</i>					2			
	<i>Dự báo phát triển kinh tế xã hội</i>	<i>SEDF203</i>								
30	Thương mại và tài nguyên môi trường	CRE203					2			
31	<i>Kiểm soát ô nhiễm môi trường</i>	<i>EVT202</i>				2				
	<i>Du lịch sinh thái</i>	<i>ECT202</i>								
32	<i>Kiểm toán môi trường</i>	<i>EAD213</i>								
	<i>Thống kê tài nguyên và môi trường</i>	<i>SRE203</i>						2		
	<i>Đánh giá tác động môi trường</i>	<i>EIA203</i>								
33	Kinh tế tài nguyên I	EOR213						5		
34	Kinh tế tài nguyên II	EOR224							4	
35	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	REPM203						3		
36	Hạch toán quản lý môi trường	EMA204							3	
37	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	REEM204							5	

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
38	Kinh tế môi trường	EVE202				3				
39	Kinh tế tài nguyên biển	MRE212				2				
40	Kiến tập môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường	ITSE203						3		
41	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	IDSE204							3	
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp									
42	Thực tập tốt nghiệp	ITS204								6
43	Khóa luận tốt nghiệp	DTT209								6
	Tổng số tín chỉ mỗi kỳ học		17	16	16	18	15	16	15	12
III.	Khôi kiến thức bổ trợ									
1	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	NREM204								
2	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	EEM204								
Tổng tín chỉ 125										

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

4.5. Đề cương các học phần

4.5.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin1

5TC

1. Thông tin chung về học phần

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin**
- * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism**
- Mã học phần: PML 201
- Số tín chỉ: 05
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khóa 3,4,5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 75 tiết
- * Nghe giảng lý thuyết: 54tiết
- * Bài tập: 0tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: 19 tiết
- * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 150giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất về chủ nghĩa Mác – Lênin để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

- *Về kỹ năng:* Bước đầu biết vận dụng một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

- + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

- + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương:

- Phần thứ nhất gồm 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Phần thứ hai gồm 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Phần thứ ba gồm 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2011), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình các môn học Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.

[2]. Các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn; các văn kiện Đại hội Đảng; Tạp chí Cộng sản ...

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Lý thuyết: Sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, ...

- Thảo luận: Hoạt động nhóm, báo cáo kết quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,1	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,1	
3	Điểm kiểm tra giữa học phần	0,2	
4	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC -LÊNIN	3			3	6	Đọc TLC [1], từ trang 09 – 23
I. Khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành</i> <i>2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin</i>	2			2	4	
II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu</i> <i>2. Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu</i> <i>1.2.3.</i>	1			1	2	
Chương 1. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	3		2	5	10	Đọc TLC [1], từ trang 33 – 60,
1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nghĩa duy vật biện chứng <i>1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học</i> <i>1.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật</i>						Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức <i>1.2.1. Vật chất</i> <i>1.2.2. Ý thức</i> <i>1.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</i> <i>1.2.4. Ý nghĩa phương pháp luận</i>	2		1	3	6	
Chương 2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	9		3	12	24	
2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật <i>2.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng</i> <i>2.1.2. Phép biện chứng duy vật</i>	1			1	2	Đọc TLC [1], từ trang 61 -124, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biến chứng duy vật</p> <p>2.2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến</p> <p>2.2.2. Nguyên lý về sự phát triển</p>	2		1	3	6	
<p>2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biến chứng duy vật</p> <p>2.3.1. Cái chung và cái riêng</p> <p>2.3.2. Nguyên nhân và kết quả</p> <p>2.3.3. Tất nhiên và ngẫu nhiên</p> <p>2.3.4. Nội dung và hình thức</p> <p>2.3.5. Bản chất và hiện tượng</p> <p>2.3.6. Khả năng và hiện thực</p>	2			2	4	
<p>2.4. Các quy luật cơ bản của phép biến chứng duy vật</p> <p>2.4.1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại</p> <p>2.4.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập</p> <p>2.4.3. Quy luật phủ định của phủ định</p>	2		1	3	6	
<p>2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>2.5.1. Thực tiễn, nhận thức và</p>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>vai trò của thực tiễn với nhận thức</i> <i>2.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý</i>						
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	7		2	9	18	
3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất <i>3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</i> <i>3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i>	2		1	3	6	Đọc TLC [1], từ trang 125 - 182, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng <i>3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i> <i>3.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i>	1			1	2	
3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội <i>3.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội						
3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội 3.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế xã hội 3.4.2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội 3.4.3. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế xã hội	1			1	2	
3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 3.5.1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 3.5.2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp	1			1	2	
3.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>chúng nhân dân</p> <p>3.6.1. Con người và bản chất của con người</p> <p>3.6.2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân .</p>						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ	5		2	7	14	Đọc TLC [1], từ trang 185-217, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<p>4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá</p> <p>4.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá</p> <p>4.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá</p>	1		0.5	1.5	3	
<p>4.2. Hàng hoá</p> <p>4.2.1. Hàng hoá và hai thuộc tính hàng hoá</p> <p>4.2.2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá</p> <p>4.2.3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá</p>	2		0.5	2.5	5	
<p>4.3. Tiền tệ</p> <p>4.3.1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ</p> <p>4.3.2. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ</p>	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4. Quy luật giá trị 4.4.1. Nội dung và yêu cầu của quy luật giá trị 4.4.2. Tác động của quy luật giá trị	1		0.5	1.5	3	
Chương 5. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ	12		3	15	30	
5.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản 5.1.1. Công thức chung của tư bản 5.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản 5.1.3. Hàng hoá sức lao động	2		0.5	2.5	5	Đọc TLC [1], từ trang 218-312, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến 5.2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư 5.2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư	2		1.0	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.5. Sản xuất giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản						
5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản 5.3.1. Bản chất kinh tế của tiền công 5.3.2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong CNTB 5.3.3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế	2			2.0	4.0	
5.4. Sự chuyên hoá của giá trị thặng dư thành tư bản-tích lũy tư bản 5.4.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản 5.4.2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản 5.4.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản	2		0.5	2.5	5	
5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư 5.5.1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản 5.5.2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội 5.5.3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản	2			2.0	4.0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.6. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư</p> <p>5.6.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận</p> <p>5.6.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất</p> <p>5.6.3. Sự chuyển hoá của giá trị hàng hoá thành giá cả sản xuất</p> <p>5.6.4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản</p>	2		1.0	3.0	6	
<p>Chương 6. HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC</p>	5		3	8	16	<p>Đọc TLC [1], từ trang 313-355</p> <p>Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>6.1.1. Những nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thành chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>6.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>6.1.3. Sự hoạt động của quy luật</p>	2		1.0	3.0	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền</i>						
6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước <i>6.2.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</i> <i>6.2.2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</i>	1		0.5	1.5	3	
6.3. Chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện mới của nó. <i>6.3.1. Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của CNTB độc quyền.</i> <i>6.3.2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết kinh tế của CNTB độc quyền Nhà nước</i> <i>6.3.3. Những nét mới trong sự phát triển của CNTB hiện đại</i>	1		1.0	2.0	4	
6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.4.1. Vai trò của CNTB đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội</p> <p>6.4.2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản</p> <p>6.4.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản</p>						
Chương 7. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	5		2	7	14	Đọc TLC [1], từ trang 358-416, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<p>7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>7.1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>7.1.2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>7.1.3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p>	2		1.0	3	6	
<p>7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>7.2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó</p> <p>7.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội</p>	2		0.5	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>chủ nghĩa</i></p> <p><i>7.2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN</i></p>						
<p>7.3. Hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p><i>7.3.1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</i></p> <p><i>7.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội CSCN</i></p>	1		0.5	1.5	3	
<p>Chương 8. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p>	3		2	5	10	
<p>8.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN</p> <p><i>8.1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</i></p> <p><i>8.1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa</i></p>	1		0.5	1.5	3	<p>Đọc TLC [1], từ trang 417-463, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>8.2. Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>8.2.1. <i>Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</i></p> <p>8.2.2 <i>Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</i></p> <p>8.2.3. <i>Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</i></p>	1		0.5	1.5	3	
<p>8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo</p> <p>8.3.1. <i>Vấn đề dân tộc và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc</i></p> <p>8.3.2. <i>Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo</i></p>	1		1.0	2	4	
Chương 9. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG	2			3	6	Đọc TLC [1], từ trang 463-488,
<p>9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực</p> <p>9.1.1. <i>Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội</i></p>	1			1	2	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hiện thực đầu tiên trên thế giới</i> 9.1.2. Sự ra đời của hệ thống XHCN và những thành tựu của nó						viên
9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó 9.2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết 9.2.2. Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết	0.5			0.5	1	
9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội 9.3.1. Chủ nghĩa tư bản – không phải là tương lai của xã hội loài người 9.3.2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người.	0.5			0.5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	54		21	75	150	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.2. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*
Tiếng Anh: *Revolutionary Policies of Vietnamese Communist Party*
- Mã học phần: VCPR 202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, semesters 3, 4, 5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
- Bài tập: 0 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được khái niệm Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình bày được vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; Hiểu và phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam) là tất yếu khách quan; Hiểu và phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội như: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đối ngoại.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội; Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, hình thành tình cảm yêu thích, coi trọng và hứng thú đối với môn học, có thái độ nghiêm túc trong học tập; Tăng thêm lòng yêu nước, niềm tự hào đối với Đảng ta; tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu , nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hóa; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I, II, III*, Nxb CTQG, HN.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, HN.

3. Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng và kết hợp linh hoạt các phương pháp như: Thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, phát vấn nhanh, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy ...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG	1			1	2	Đọc TLC, chương mở đầu

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CỘNG SẢN VIỆT NAM						
1.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu <i>1.1.1. Đối tượng nghiên cứu</i> <i>1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu</i>						
1.2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học <i>1.2.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học</i> <i>1.2.2. Ý nghĩa của việc học tập môn học</i>						
Chương 1. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG	4		1	5	10	
1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam <i>1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX</i> <i>1.1.2. Hoàn cảnh trong nước</i>	2			2	4	- Đọc TLC, chương 1; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng <i>1.2.1. Hội nghị thành lập</i>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p>						
Chương 2. ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	4		1	5	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 2; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
<p>2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939</p> <p>2.1.1. Trong những năm 1903-1935</p> <p>2.1.2. Trong những năm 1936-1939</p>	2			2	4	
<p>2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945</p> <p>2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng</p> <p>2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền</p>	2		1	3	6	
Chương 3. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)	4		2	6	12	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
3.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954)	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)</p> <p>3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)</p> <p>3.1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm</p>						
<p>3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975)</p> <p>3.2.1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964</p> <p>3.2.2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975</p> <p>3.2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm</p>	2		1	3	6	
Chương 4. ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		1	5	10	
<p>4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới</p> <p>4.1.1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa</p> <p>4.1.2. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa</p>	1			1	2	<p>- Đọc TLC, chương 4;</p> <p>- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
4.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.2.1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa</p> <p>4.2.2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p>4.2.3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức</p> <p>4.2.4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p>						
Chương 5. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	
<p>5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường</p> <p>5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới</p> <p>5.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới</p>	1		1	2	4	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 5; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
<p>5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta</p> <p>5.2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản</p> <p>5.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>5.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</p>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	Sinh viên ôn tập kiến thức các chương đã học
Chương 6. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	3		1	4	8	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 6; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985) 6.1.1.Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954) 6.1.2.Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954-1975) 6.1.3.Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975-1985)	1		1	2	4	
6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.1.Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị 6.2.2.Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.3.Đánh giá sự thực hiện đường lối	2			2	4	
Chương 7. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	6		3	9	18	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 7; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa 7.1.1.Thời kỳ trước đổi mới 7.1.2.Trong thời kỳ đổi mới	3		2	5	10	
7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 7.2.1.Thời kỳ trước đổi mới 7.2.2.Trong thời kỳ đổi mới	3		1	4	8	
Chương 8. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI	3		2	5	10	
8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 8.1.1.Hoàn cảnh lịch sử 8.1.2.Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng 8.1.3.Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	1		1	2	4	- Đọc TLC, chương 8; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới 8.2.1.Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối 8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế 8.2.3.Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	2		1	3	6	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần: HCM202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khóa 3,4,5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 50 phút/ tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, phân tích được những nội dung cơ bản trong hệ thống Tư tưởng Hồ Chí Minh từ đó nhận thức được những giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và đối với dân tộc ta.

Về kỹ năng: Sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết khoa học những vấn đề đang đặt ra trong đời sống chính trị - xã hội.

- Sinh viên biết vận dụng một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

- Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong học tập và nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Qua học tập môn học, giúp sinh viên nâng cao lòng tự hào về Bác, về Đảng cộng sản, về Tổ quốc Việt Nam. Tự giác, chủ động học tập, lao động và rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách của Bác Hồ. Xây dựng cho bản thân lý tưởng sống cao đẹp của người thanh niên Việt Nam trong thời đại ngày nay.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Mô tả vắn tắt nội dung ngoài Chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2013), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.Song Thành (2009), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Lý luận chính trị.
2. GS. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia , Hà Nội
3. Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẩu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

Bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi: Tự luận

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. Đối tượng nghiên cứu <i>1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	1				2	Đọc TLC trang 9-24

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac- Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>II. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1. Cơ sở phương pháp luận:</p> <p>2. Các phương pháp cụ thể:</p> <p>III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên</p> <p>1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác</p> <p>2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị</p>						Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 1. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>1.1. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p><i>1.1.1 Cơ sở khách quan</i></p> <p><i>1.1.2. Nhân tố chủ quan</i></p>	1				2	
<p>1.2. Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p><i>1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.</i></p> <p><i>1.2.2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc</i></p> <p><i>1.2.3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</i></p> <p><i>1.2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng</i></p> <p><i>1.2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện</i></p> <p>1.3. Giá trị Tư tưởng Hồ Chí</p>	2		1		6	<p>Đọc TLC trang 25-56</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>Minh</p> <p>1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc</p> <p>1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới</p>						
Chương 2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC	3		1	4	8	
<p>2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề Dân tộc</p> <p>2.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa</p> <p>2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp</p>	1				2	Đọc TLC trang 57- 95 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
<p>2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>2.2.1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>2.2.2. Cách mạng giải phóng</p>	2		1		6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p><i>dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản</i></p> <p><i>2.2.3.Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo</i></p> <p><i>2.2.4.Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc</i></p> <p><i>2.2.5.Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc</i></p> <p><i>2.2.6.Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực</i></p>						
Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM						
<p>3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p><i>3.1.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p><i>3.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p>	1			1	2	<p>Đọc TLC trang 96-127</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>3.2. Con đường, biện pháp quá độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>3.2.1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam</i></p> <p><i>3.2.2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc</i></p>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.</i>						
Chương 4. TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	3		1	4	8	
4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam 4.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.4. Quan niệm về Đảng Cộng sản cầm quyền	2		1	3	6	Đọc TLC trang 128- 162 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh 4.2.1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng 4.2.2. Nội dung công tác xây	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>dựng Đảng Cộng sản Việt Nam</i>						
Kiểm tra			1	1	2	Sinh viên ôn tập kiến thức từ chương 1 đến chương 4
Chương 5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 5.1.1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng 5.1.2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc	2			2	4	Đọc TLC 1 trang 163-203 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.1 Vai trò của đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức</p> <p>5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p>						
Chương 6. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN	3		1	4	8	
<p>6.1. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân</p> <p>6.1.1. Nhà nước của dân</p> <p>6.1.2. Nhà nước do dân</p> <p>6.1.3. Nhà nước vì dân</p> <p>6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước</p> <p>6.2.1. Về bản chất giai cấp</p>				2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p><i>công nhân của nhà nước</i></p> <p>6.2.2 Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của nhà nước</p>						<p>Đọc TL 1 trang 204- 228;</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>6.3. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ</p> <p>6.3.1 Xây dựng nhà nước hợp hiến, hợp pháp</p> <p>6.3.2. Hoạt động quản lý của nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và trú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống</p> <p>6.4. Xây dựng nhà nước trong sạch hoạt động có hiệu quả</p> <p>6.4.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài</p> <p>6.4.2. Đề phòng khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước</p>	1		1	2	4	
<p>CHƯƠNG 7. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY</p>	3		2	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
DỰNG CON NGƯỜI MỚI						
<p>7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá</p> <p><i>7.1.1. Định nghĩa về văn hoá và quan điểm xây dựng nền văn hóa mới</i></p> <p><i>7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá.</i></p> <p><i>7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1 trang 229-284. Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
<p>7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p><i>7.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</i></p> <p><i>7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh</i></p>	1		1	2	4	
<p>7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới</p> <p><i>7.3.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về Con người</i></p>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"						
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.4 Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm**
 - Tiếng Anh: **Communication and teamwork skills**
- Mã học phần: CTS103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết

- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn trong tương lai.

- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức:* Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể phân tích được đặc điểm từng phong cách giao tiếp, ưu nhược điểm của các phương tiện giao tiếp, các hoạt động của nhóm và các kỹ năng làm việc nhóm.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm nhằm phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai..

- + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thực hành, người học có thể rèn luyện được các kỹ năng giao tiếp và hợp tác với người khác.

- + *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp giao tiếp và làm việc nhóm cụ thể.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

- + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

- + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc

3. Tóm tắt nội dung học phần

Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi với các hoạt động giao tiếp và làm việc nhóm cho cá nhân và tổ chức như: các phương tiện và phong cách giao tiếp, các kỹ năng và hình thức giao tiếp, các kỹ năng làm việc nhóm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Văn Đồng (2011), *Giáo trình Tâm lý học giao tiếp*, NXB Chính trị - Hành chính.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2005), *Tâm lý truyền thông và giao tiếp*, NXB Trẻ.
2. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Bích Lanh (2007), *100 cách giao tiếp cần học hỏi trong cuộc sống hằng ngày*, NXB Thanh niên, TP. Hồ Chí Minh.
4. Phong Thiên (2007), *Nghệ thuật giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày*, NXB Thanh Hóa.
5. Allan & Barbara Pease (2009), *Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP	3			3	6	
1.1. Khái niệm giao tiếp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
1.2. Cấu trúc của giao tiếp <i>1.2.1. Truyền thông</i> <i>1.2.2. Nhận thức trong giao tiếp</i> <i>1.2.3 Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3
1.3. Chức năng của giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1
1.4. Phân loại giao tiếp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 2. CÁC PHƯƠNG TIỆN VÀ PHONG CÁCH GIAO TIẾP	4	2		6	12	
2.1. Các phương tiện giao tiếp <i>2.1.1. Ngôn ngữ</i> <i>2.1.2. Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 3; TLC 2, chương 4, 5; TLC 3 chương 2, 3
2.2. Các phong cách giao tiếp <i>2.2.1. Khái niệm phong cách</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>giao tiếp</i> 2.2.2. Các loại phong cách giao tiếp						
Chương 3. CÁC KỸ NĂNG VÀ HÌNH THỨC GIAO TIẾP	5	3		8	16	
3.1. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản 3.1.1. Kỹ năng lắng nghe 3.1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 3.1.3. Kỹ năng thuyết phục 3.1.4. Kỹ năng thuyết trình 3.1.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 3.1.6. Kỹ năng viết	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 3; TLC 3 chương 2, 3
3.2. Vận dụng các kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến 3.2.1. Giao tiếp trực tiếp 3.2.2. Giao tiếp qua điện thoại 3.2.3. Giao tiếp qua thư tín 3.2.4. Giao tiếp văn phòng	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔNG QUAN VỀ NHÓM	4	1		5	10	
4.1. Khái niệm nhóm	2	1		3	6	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.1.1. Khái niệm nhóm</p> <p>4.1.2. Tầm quan trọng của nhóm</p> <p>4.1.3. Phân loại nhóm</p> <p>4.1.4. Các giai đoạn trong quá trình phát triển nhóm</p>						chương 3
<p>4.2. Xây dựng nhóm làm việc</p> <p>4.2.1. Lựa chọn thành viên tham gia nhóm làm việc</p> <p>4.2.2. Phổ biến mục tiêu và xây dựng các nét đặc trưng của nhóm</p> <p>4.2.3. Phân công nhiệm vụ và xây dựng quy chế hoạt động của nhóm làm việc</p>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 5. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
<p>5.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm</p> <p>5.1.1. Kỹ năng tư duy</p> <p>5.1.2. Kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
5.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 3
5.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 3
5.4. Kỹ năng đánh giá hiệu suất nhóm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
5.5. Kỹ năng lãnh đạo nhóm 5.5.1. Khái niệm về lãnh đạo nhóm 5.5.2. Phong cách lãnh đạo nhóm 5.5.3. Nguyên tắc lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.5 Pháp luật đại cương

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
 - Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: BLA 101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khóa 3,4,5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 4 tiết
 - Kiểm tra: 1 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*

+ Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung;

+ Hiểu được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung;

+ Phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

+ So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, sinh viên vận dụng để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống.

- *Về đạo đức, nghề nghiệp:* Sinh viên tích cực học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, học tập và làm việc tuân theo pháp luật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật ;

- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý ;

- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2009), *Pháp luật đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công An Nhân Dân, Hà Nội
3. GVC.TS. Vũ Quang (2013), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*;
2. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính*;
3. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*;
4. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2009*
5. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động*;
6. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình*;
7. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp*;
8. Quốc hội (2005), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2012*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Kết hợp các phương pháp thuyết trình, thảo luận, giải bài tập, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	4		2	6	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước <i>1.1.1. Nguồn gốc</i> <i>1.1.2. Bản chất</i> <i>1.1.3. Hình thức</i> <i>1.1.4. Chức năng</i>	2		1	3	6	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, Chương III, Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương IX, Chương X, Chương XI, Chương XII - Đọc TLC 3, Chương 2, Chương 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật <i>1.2.1. Nguồn gốc</i> <i>1.2.2. Bản chất</i> <i>1.2.3. Thuộc tính</i> <i>1.2.4. Hình thức</i>	2		1	3	6	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VIII, Chương XIV, Chương XV - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP	4	3		7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ.						
2.1. Quy phạm pháp luật <i>2.1.1. Khái niệm, đặc điểm</i> <i>2.1.2. Các thành phần cấu thành</i>	1	1		2	4	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương XVI - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Quan hệ pháp luật <i>2.2.1. Khái niệm, đặc điểm</i> <i>2.1.2. Các thành phần cấu thành</i>	1	1		2	4	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương XIX - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.3. Vi phạm pháp luật <i>2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu</i> <i>2.3.2. Các yếu tố cấu thành</i>	1	1		2	4	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XXI - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.4. Trách nhiệm pháp lý <i>2.4.1. Khái niệm</i> <i>2.4.2. Phân loại</i>	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XXI - Đọc TLC 3, Chương 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ	12	2	2	16	32	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM						
3.1. Luật Hiến pháp <i>3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh</i> <i>3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013</i>	2			2	4	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 1 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Luật Hành chính <i>3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</i> <i>3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính</i>	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 2 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.3. Luật Dân sự <i>3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</i> <i>3.3.2. Quyền sở hữu</i> <i>3.3.3. Quyền thừa kế</i>	1	2	1	4	8	- Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.4. Luật Hình sự <i>3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</i> <i>3.4.2. Tội phạm</i>	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương VI - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
3.4.3. Hình phạt						
3.5. Luật lao động 3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.5.2. Hợp đồng lao động 3.5.3. Bảo hiểm xã hội	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.6. Luật hôn nhân và gia đình 3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương VIII - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	1			1	2	- Đọc TLC 1, Chương X - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân,	4		1	5	10	- Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	5	5	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.6 Tiếng Anh 1

3 TC

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
Tiếng Việt: Tiếng anh 1
Tiếng Anh: English 1
- Mã học phần: ENG101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
 - Bài tập : 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 21 tiết

▪ Kiểm tra : 2 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong môn học sinh viên cần phải có kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

•Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

•Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

•Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

•Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

•Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

•Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- **Về thái độ:**

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

- Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.

- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp

- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.

- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Unit 1: People and Places

- Unit 2: Everyday life
- Unit 3: Loves and Hates
- Unit 4: Eating and Drinking
- Unit 5: Extraordinary Lives
- Unit 6: Buying and Selling
- Unit 7: The world around us
- Unit 8: Going places

4. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính: New cutting Edge (Elementary)

- Tài liệu tham khảo:

• A.J. Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English Grammar*.

Oxford University Press.

• Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford

University Press.

• Esol examinations. 2013. *Preliminary English Test*. Cambridge University

Press.

• Practice Exercise 1. 2014. Internal circulation. Department of Foreign

Language, University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:
- Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp
- Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/ cặp kết hợp làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi: Vấn đáp và trắc nghiệm trên máy

Hình thức thi: Tự luận Trắc nghiệm Thực hành



9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận, Kiểm tra	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1: People and places	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16) 						<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng của động từ To Be Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) Số đếm trong TA <p>Tự học: Module 2: You and Yours (p20-25)</p>
Unit 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) 						<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng và

<ul style="list-style-type: none"> • Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) • Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) • Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) • Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31) 						<ul style="list-style-type: none"> • dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn • Cách nói thời gian trong TA (p.30) • Nói về các hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
Unit 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) • Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) • Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) • Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) • Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40) 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích • Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn • Nói về sở thích cá nhân
Unit 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) • Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) • Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn • Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt <i>some</i> và <i>any</i>

<p>các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58) 						<ul style="list-style-type: none"> • Cấu trúc How much / How many • Nói về thói quen ăn uống của bản thân. <p>Tư học:</p> <p>Module 5: Getting from A to B (p.42-49)</p>
Unit 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) • Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) • Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) • Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) • Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66) 						<ul style="list-style-type: none"> • Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn • Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn • Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) • Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63) • Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6						
Revision 1			2	2	8	
Progress Test 1		1	1	2		
Unit 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	

<ul style="list-style-type: none"> • Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) • Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) • Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) • Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84) 					<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về chủ đề mua sắm • Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc • Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm • Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) • Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam <p>Tư học: Module 10: Street life (p.86-93)</p>
<p>Unit 7: The world around us</p>	<p>1</p>	<p>1</p>	<p>2</p>	<p>4</p>	<p>8</p>
<ul style="list-style-type: none"> • Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) • Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) • Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) • Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn 					<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên • Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng • Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh- questions) • Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE • Nói về một loài vật yêu thích <p>Tư học:</p>

(100–120 từ) để miêu tả loài vật đó						Module 13: Learning for the future (p.86-93)
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129) • Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) • Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) • Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố • Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu Have to/don't have to và Can/can't • Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) • Các cách hỏi và chỉ đường • Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích <p>Tư học: Module 12: A weekend away (p.104-110)</p>
Consolidation Modules 7 -15			2	2	8	
Revision 1						
Progress Test 1		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		2	3	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

4.5.7 Tiếng Anh 2

10. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Tiếng Anh 2
- Tên tiếng Anh: English 2

- Mã học phần: ENG211
- Số tín chỉ: 3
- Đối tượng học: Đại học
- Các môn học tiên quyết: Đã hoàn thành môn Tiếng Anh 1

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 6 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 23 tiết
 - Thực hành, thực tập, thảo luận : 16 tiết
 - Tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ

11. Mục tiêu của học phần:

2.1. Kiến thức:

* Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

* Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

* Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

2.2. Kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

2.3. Thái độ:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
- Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

12. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tiếng Anh cơ bản dành cho hệ Cao đẳng và Đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh như: Ôn tập lại cách sử dụng của động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, động từ khuyết thiếu...

Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày cũng như giúp SV nói được về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước. các hoạt động thể thao, nghề nghiệp trong tương lai.....

Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách phát âm các dạng động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; danh từ số nhiều....

Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng làm quen ban đầu.

13. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính: New cutting Edge (Pre- Intermediate)
- Tài liệu tham khảo:
 - A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.

- Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
- Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.
- Department of Foreign Language. 2014. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

14. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp

Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/ cặp kết hợp làm việc cá nhân.

15. Nhiệm vụ của sinh viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.

Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.

16. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy

17. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

17.1. Điểm đánh giá quá trình:

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

17.2. Điểm thi kết thúc học phần:

Hình thức thi: Thi nói và thi trắc nghiệm trên máy

Thời lượng thi: Thi trên máy 60 phút + Thi nói mỗi sinh viên 5 phút

Sinh viên không được tham khảo tài liệu khi thi.

Hình thức thi: Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

18. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học, tự nghiên cứu	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp					
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận, Kiểm tra	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13) 						<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Importance First	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. 						<ul style="list-style-type: none"> - Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động

<p>- Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà)</p> <p>- Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc</p> <p>Từ vựng: Các tính từ miêu tả.</p>						<p>từ sử dụng với thì quá khứ đơn</p> <p>- Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật</p>
Module 3: At rest, at work	1	2	1	4	8	
<p>- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25)</p> <p>- Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26)</p> <p>- Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27)</p> <p>- Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29)</p> <p>- Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29)</p> <p>- Từ vựng: Hoạt động thường nhật</p>						<p>- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO</p> <p>- Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp</p>
Module 4: Special Occasions		2	2	4	8	
<p>- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33)</p> <p>- Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37)</p> <p>- Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39)</p> <p>- Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà)</p>						<p>- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn</p> <p>- Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai</p>

- Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.						- Từ vựng về Ngày , tháng, năm - Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt. Tự học: Module 6 Time off (p.52)
Consolidation Modules 1-4 Revision 1		2		2	8	
Progress Test 1		2		2		
Module 5: Appearances	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)						- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	3	2	6	12	
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ						Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn.

<p>và thành quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai 						<p>Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc biệt chú ý về động từ bất qui tắc và quá khứ phân từ. <p>Cách sử dụng của thì tương lai đơn với ý nghĩa tiên đoán.</p>
Module 7: Countries and cultures	1	2	3	6	12	
<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu về các thông tin địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời 						<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại cách sử dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)
Consolidation Modules 5-8;		3				
Revision 2				4	8	
Progress test 2		1				
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2		10	Preparation for the final exam
Tổng	6	23	16	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

4.5.8 Toán cao cấp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: Toán cao cấp.
 - Tiếng Anh: Advanced Mathematics for Economics.
- Mã học phần: MAT101
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt ngh nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
√	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 24 tiết
 - Kiểm tra: 03 tiết
- Thời gian tự học: 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.

- Về kỹ năng: Sinh viên nắm được những kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp (bao gồm các kiến thức về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân).
- Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các kiến thức về ma trận và định thức.
- Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính.
- Các kiến thức về không gian véc tơ.
- Các kiến thức về hàm số một biến số.
- Các kiến thức về hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về phương trình vi phân.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 1998, *Toán học cao cấp (Tập 1, 2, 3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Đình Thúy, 2004, *Toán học cao cấp cho các nhà kinh tế (Tập 1,2)*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 1998, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1, 2, 3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
3. Bộ môn Toán, 2015, Bài giảng *Toán cao cấp*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu ý kiến; tự nghiên cứu tài liệu ở nhà, chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; hoàn thành các qui định đúng thời hạn, chuẩn bị chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet),...
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm:

- Điểm kiểm tra viết: 2 bài kiểm tra hệ số 1 ; 1 bài thi giữa kỳ.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi¹:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC	5	3		8	16	
1.1. Ma trận 1.1.1. Các định	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về

nghĩa <i>1.1.2. Các phép toán đối với ma trận</i> <i>1.1.3. Các phép biến đổi sơ cấp đối với ma trận. Hạng của ma trận</i>						ma trận.
1.2. Định thức của ma trận vuông. <i>1.2.1. Khái niệm định thức của ma trận</i> <i>1.2.2. Các tính chất của định thức</i>	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về định thức.
1.3. Ma trận nghịch đảo <i>1.3.1. Khái niệm và cách tính ma trận nghịch đảo</i> <i>1.3.2. Tính chất của ma trận nghịch đảo</i>	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận nghịch đảo.
CHƯƠNG 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN	5	2		7	14	
2.1. Định nghĩa	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về khái niệm hệ phương trình tuyến tính.

2.2. Hệ phương trình Cramer	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ Cramer.
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	2	1		3	6	Giải thành thạo hệ phương trình tổng quát
2.4. Hệ phương trình thuần nhất	1	1		2	4	Khắc sâu hệ thuần nhất
CHƯƠNG 3. KHÔNG GIAN VÉC TƠ VÀ DẠNG TOÀN PHƯƠNG	8	4	2	14	25	
3.1. Định nghĩa không gian véc tơ	2	1		3	5	3.2. Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về không gian véc tơ
3.3. Sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ véc tơ	2	1		3	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ véc tơ
3.3 Cơ sở, số chiều của không gian véc tơ. Hạng của hệ véc tơ.	2	1		3	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hạng của hệ véc tơ.
3.4 Dạng toàn phương	2	1		3	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về dạng toàn phương.

Kiểm tra			2	2	5	
CHƯƠNG 4. HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ	5	5		10	25	
4.1. Các hàm số lượng giác ngược 4.1.1. Hàm số $y = \arcsin x$ 4.1.2. Hàm số $y = \arccos x$ 4.1.3. Hàm số $y = \arctan x$ 3.1.4. Hàm số $y = \text{arccot} x$	1	1		2	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các hàm số lượng giác ngược
4.2. Quy tắc Lôpitan	1	1		2	5	Nắm được Quy tắc Lôpitan và vận dụng được vào việc giải bài tập
4.3. Tích phân suy rộng	1	1		2	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng tích phân suy rộng
4.4. Chuỗi số	1	1		2	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi số
4.5. Chuỗi hàm	1	1		2	5	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi hàm
CHƯƠNG 5. HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	

5.1. Các khái niệm cơ bản	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các khái niệm của hàm số nhiều biến số
5.2. Giới hạn và tính liên tục	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về giới hạn và tính liên tục của hàm số nhiều biến số
5.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng và vi phân toàn phần
CHƯƠNG 6. CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
6.1. Cực trị không có điều kiện ràng buộc	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị không có điều kiện ràng buộc
6.2. Cực trị có điều kiện ràng buộc	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị có điều kiện ràng buộc
CHƯƠNG 7. PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN	4	6	1	11	20	
7.1. Phương trình vi phân cấp 1	2	3		5	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về

						các dạng phương trình vi phân cấp 1
7.2. Phương trình vi phân cấp 2	2	3		5	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 2
Kiểm tra			1	1	4	
Cộng	33	24	3	60	120	

4.5.9 Tin học đại cương

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General Informatics**
- Mã học phần: GEI 401
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, major: Environment, Mapping - Land Use, Urban Planning, Accounting, Tourism and Travel Management, Natural Resource Management, Geology, Water Resources, Marine and Island Science, Sustainable Development and Resilience.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Thực hành: 8 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Công nghệ thông tin.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính, Internet.
- *Về kỹ năng:* Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Học xong học phần này sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng văn phòng, internet.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Trung thực, chăm chỉ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. *Tự học windows 7, Tự học Microsoft Excel 2010*, NXB Văn hóa Thông tin..
2. *Tự học Word 2010*, NXB Hồng Bàng.
3. *Tự học PowerPoint 2010*, NXB Hồng Bàng.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đỗ Thị Mơ – Dương Xuân Thành, Giáo trình nhập môn tin học, NXB Nông nghiệp.
2. Bùi Thế Tâm, Giáo trình Tin học đại cương, NXB Giao thông Vận tải, 2010.
3. Công Tuấn-Công Bình, 20 Bài thực hành MicroSoft Word 2010, NXB Văn hóa Thông tin.
4. Công Tuấn-Công Bình, 20 Bài thực hành MicroSoft Excel 2010, NXB Văn hóa Thông tin.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thực hành và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	BT	TL, KT	TH			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	3				3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1					2	Đọc TLTK [1]
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.3. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính	1					2	
1.5. Virus tin học và cách phòng chống	1					2	
1.6. Mạng máy tính và Internet							
1.7. Ứng dụng của công nghệ thông tin							
Chương 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung 2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành 2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành 2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành 2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến	1					2	Đọc TLC [1]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>2.2. Hệ điều hành Windows</p> <p>2.2.1. <i>Giao diện của hệ điều hành Windows</i></p> <p>2.2.2. <i>Quản lý tệp tin, thư mục</i></p> <p>2.2.3. <i>Quản lý đĩa từ</i></p> <p>2.5.3. <i>Thay đổi cấu hình (Control Panel)</i></p>	1			1		4	
Chương 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu hình làm việc	0.5					1	
3.2. Các thao tác cơ bản							
<p>3.3. Thực hiện định dạng văn bản</p> <p>3.3.1. <i>Định dạng ký tự (Font)</i></p> <p>3.3.2. <i>Định dạng đoạn văn (Paragraph)</i></p> <p>3.3.3. <i>Bao khung và tô nền cho đoạn văn</i></p> <p>3.3.4. <i>Đánh chỉ mục tự</i></p>	2			1		6	Đọc TLC [2]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p><i>động đầu đoạn văn (Bullets and Numbering)</i></p> <p><i>3.3.5. Chia cột văn bản (Columns)</i></p> <p><i>3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap)</i></p> <p><i>3.3.7. Định dạng Tab</i></p>							
<p>3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản</p> <p><i>3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol)</i></p> <p><i>3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art)</i></p> <p><i>3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh</i></p> <p><i>3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box)</i></p> <p><i>3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes)</i></p> <p><i>3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart)</i></p> <p><i>3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học (Equation)</i></p>	1.5			1		5	Đọc TLC [2]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng 3.5.3. Tính toán trên bảng	1			0.5		3	Đọc TLC[2]
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6. Trộn thư	0.5			0.5		2	Đọc TLC [2]
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer	0.5					1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.7.3. Ngắt trang 7.5.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in							
Kiểm tra			1			2	
Chương 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu 4.1.2. Màn hình làm việc 4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một Worksheet 4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử	0.5					1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>4.2. Các thao tác cơ bản</p> <p>4.2.1. Xử lý trên vùng</p> <p>4.2.2. Thao tác trên cột và dòng</p> <p>4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin</p> <p>4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel</p>	0.5			0.5		2	Đọc TLC[1]
<p>4.3. Các hàm cơ bản trong Excel</p> <p>4.3.1. Cách sao chép công thức</p> <p>4.3.2. Cú pháp chung của hàm</p> <p>4.3.3. Cách sử dụng các hàm</p> <p>4.3.4. Các hàm thông dụng</p>	3			1.5		9	
<p>4.4. Cơ sở dữ liệu</p> <p>4.4.1. Khái niệm</p> <p>4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu</p> <p>4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu</p>	1			0.5		3	Đọc TLC[1]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (tiết)							
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
4.5. Biểu đồ trong Excel 4.5.1. Các thành phần của biểu đồ 4.5.2. Các bước dựng biểu đồ 4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ				0.5		0.5	2	
4.6. In ấn 4.6.1. Định dạng trang in 4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu				0.5			1	
Kiểm tra			1				2	
Chương 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4		8	
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5						1	Đọc TLC [3]
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint								
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5			2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.4. Cập nhật và định dạng 5.4.1. Cửa sổ trong các Slide 5.4.2. Thao tác trên Slide 5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình	1.5			0.5		4	
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn	0.5					1	
Cộng	20		2	8		60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

4.5.10 Xác suất thống kê

10. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **XÁC SUẤT THỐNG KÊ**

Tiếng Anh: Probability theory and mathematical statistics

Mã học phần: KĐT02106

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Giải tích 1

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết

Nghe giảng lý thuyết:	15tiết
Bài tập:	11 tiết
Thảo luận, hoạt động nhóm:	02 tiết
Kiểm tra:	02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương

11. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: sinh viên giải quyết được các bài toán cơ bản của xác suất, các bài toán ước lượng mẫu.
- *Về kỹ năng*: sinh viên có kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.

12. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất (Chương này trình bày các khái niệm cơ bản về xác suất, tính chất, công thức tính xác suất).
- Chương 2: Đại lượng ngẫu nhiên (Chương này trình bày khái niệm đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối thông dụng).
- Chương 3: Lý thuyết mẫu (Chương này trình bày khái niệm mẫu, các số đặc trưng mẫu và bài toán ước lượng tham số).

13. Tài liệu học tập

4.3. Tài liệu chính

1. Nguyễn Ngọc Linh (2015), *Xác suất và thống kê toán*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

4.4. Tài liệu đọc thêm

4. Đặng Hùng Thắng (2000), *Mở đầu về xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục.
5. Đặng Hùng Thắng (2000), *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục.

14. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Giảng viên thuyết trình lý thuyết, hướng dẫn bài tập, cá nhân sinh viên thuyết trình bài tập, thảo luận nhóm...

15. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

16. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

17. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên : 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

18. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. BIẾN CỐ NGẪU NHIÊN VÀ XÁC SUẤT	6	5	1	12	24	
1.1. Biến cố và phép thử ngẫu nhiên	1		1		3	Đọc TLC 2, phần biến cố, phép thử ngẫu nhiên, các định nghĩa về xác suất
1.2. Khái niệm và các định nghĩa về xác suất	1	1			2	Đọc TLC 1, phần các quy tắc tính xác suất
1.3. Các quy tắc tính xác suất	2	2			9	Đọc TLC 1, phần công thức xác suất toàn phần, Bayes
1.4. Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes	1	1			6	Đọc TLC 2, phần công thức xác suất nhị thức
1.5. Công thức xác suất nhị thức	1	1			6	
Chương 2. ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN	5	4	2	11	22	
2.1. Đại lượng ngẫu nhiên và phân phối xác suất	1	1			7	Đọc TLC 2, phần đại lượng ngẫu nhiên và phân
2.2. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên	1	2			7	

2.3. Đại lượng ngẫu nhiên hai chiều	1					phối Đọc TLC
2.4. Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng	2	1			3	2,phần các tham số đặc trung Đọc [TLC 1, phần đại lượng ngẫu nhiên hai chiều Đọc TLC 1, phần một số quy luật phân phối thường gặp
Kiểm tra			2		6	
Chương 3. LÝ THUYẾT MẪU	4	2	1	7	14	
3.1. Một số khái niệm	1				2	Đọc TLC 2, phần mẫu
3.2. Ước lượng một số tham số lý thuyết	1		1		5	ngẫu nhiên Đọc TLC 2,
3.3. Ước lượng tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy	2	2			7	phần ước lượng 1 số tham số lý thuyết Đọc TLC 2, phần ước lượng khoảng tin cậy
Cộng	15	11	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.11 Giáo dục thể chất

Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:

* Phần bắt buộc (3TC)

(1) Thể dục (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và nâng cao thể lực.

(2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh.

* Phần tự chọn (2TC): SV chọn một trong các môn học sau (mỗi môn học bao gồm 2 học phần):

(1) Bóng chuyền 1 (1TC) và Bóng chuyền 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức cơ bản về luật và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng chuyền; một số kỹ thuật cơ bản trong bóng chuyền nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(2) Cầu lông 1(1TC) và Cầu lông 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam, tác dụng của tập luyện và thi đấu; kỹ thuật, chiến thuật trong thi đấu cầu lông. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn cầu lông, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(3) Bơi lội 1(1TC) và Bơi lội 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về bơi lội thông qua các bài tập, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(4) Bóng rổ 1 (1TC) và Bóng rổ 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: những kiến thức cơ bản về môn bóng rổ thông qua các bài tập, giúp SV có được tư thế tác phong, chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

4.5.12 Giáo dục Quốc phòng - An ninh

Bao gồm 3 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an

ninh và Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

(1) Đường lối quân sự của Đảng (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quan đội và bảo vệ tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

(2) Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung (2TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

(3) Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

4.5.13 Tài chính - Tiền tệ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tài chính – Tiền tệ**
 - Tiếng Anh: **Theory Of Money And Finance**
- Mã học phần: FIMO202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 37 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học nắm được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Nắm được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính; Nắm được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2014), *Giáo trình Tài chính – Tiền tệ*, NXB Tài chính.

2. TS.Lê Thị Mận (2013), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Lao động Xã hội.

3. Nguyễn Văn Tiến (2015), *Giáo trình Tài chính – Tiền tệ*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Phan Thị Cúc (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

2. TS. Đặng Thị Việt Đức, ThS. Vũ Quang Kết, ThS. Phan Anh Tuấn (2016), *Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Thông tin và Truyền thông.

3. Dương Thị Bình Minh, Sử Đình Thành (2010), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Thống kê.

4. TS. Nguyễn Hòa Nhân, PGS.TS Lâm Chí Dũng, TS. Hồ Hữu Tiên, ThS. Võ Văn Vang, ThS. Trịnh Thị Trinh, ThS. Đặng Tùng Lâm (2012), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.

5. Nguyễn Hữu Tài (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

6. PGS.TS Lê Văn Tê (2011), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: Phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập và thảo luận nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ	3	1		4	8	
1.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ <i>1.1.1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ</i> <i>1.1.2. Bản chất của tiền tệ</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 6, chương 1.
1.2. Các chức năng của						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tiên tệ <i>1.2.1. Chức năng đơn vị định giá</i> <i>1.2.2. Chức năng phương tiện trao đổi</i> <i>1.2.3. Chức năng phương tiện dự trữ giá trị</i>						
1.3. Các khối tiền tệ <i>1.3.1. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông</i> <i>1.3.2. Khối lượng tiền trong lưu thông</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 6, chương 1.
1.4. Cung và cầu tiền tệ <i>1.4.1. Cầu tiền tệ</i> <i>1.4.2. Cung tiền cho lưu thông</i>						
1.5. Khái niệm và chức năng tài chính <i>1.5.1. Khái niệm tài chính</i> <i>1.5.2. Các chức năng của tài chính</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 6, chương 1.
1.6. Hệ thống tài chính <i>1.6.1. Khái niệm về hệ</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thống tài chính</i> 1.6.2. <i>Cấu trúc của hệ thống tài chính</i>						
Chương 2. TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TÍN DỤNG	6	2		8	16	
2.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng <i>2.1.1. Cơ sở ra đời của tín dụng</i> <i>2.1.2. Khái niệm tín dụng</i> <i>2.1.3. Sự phát triển của quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thị trường</i> <i>2.1.4. Phân loại tín dụng</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.
2.2. Các hình thức tín dụng <i>2.2.1. Tín dụng thương mại</i> <i>2.2.2. Tín dụng Nhà nước</i> <i>2.2.3. Tín dụng ngân hàng</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.3. Vai trò của tín dụng</p> <p>2.3.1. Tín dụng góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển</p> <p>2.3.2. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước</p> <p>2.3.3. Tín dụng góp phần quan trọng vào việc làm giảm thấp chi phí sản xuất và lưu thông</p> <p>2.3.4. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách xã hội và nâng cao đời sống dân cư</p>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.
<p>2.4. Các chức năng của tín dụng</p> <p>2.4.1. Tập trung và phân phối lại tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc hoàn trả</p> <p>2.4.2. Kiểm soát các</p>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hoạt động kinh tế bằng tiền</i>						
2.5. Lãi suất tín dụng 2.5.1. Khái niệm lợi tức tín dụng và lãi suất tín dụng 2.5.2. Phân loại lãi suất tín dụng 2.5.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng	2	2		4	8	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.
Chương 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4			4	8	
3.1. Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Ngân sách Nhà nước 3.1.2. Vai trò của Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.
3.2. Thu Ngân sách Nhà nước 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm thu Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.2. Nội dung thu Ngân sách Nhà nước						
3.3. Chi Ngân sách Nhà nước 3.3.1 Khái niệm, đặc điểm chi Ngân sách Nhà nước 3.3.2 Nội dung chi Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.
3.4. Cân đối ngân sách	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.
3.5. Phân cấp quản lý ngân sách 3.5.1. Khái niệm phân cấp quản lý ngân sách 3.5.2. Nội dung phân cấp quản lý ngân sách 3.5.3. Nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách						
Chương 4. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	5	2	1	8	16	
4.1. Khái niệm và vai trò của tài chính doanh nghiệp 4.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp						
4.2. Cấu trúc tài chính của doanh nghiệp 4.2.1. Cấu trúc về vốn kinh doanh 4.2.2. Cấu trúc về nguồn vốn kinh doanh	2	2		4	8	Đọc TLĐT 6, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.
4.3. Chi phí, doanh thu của doanh nghiệp 4.3.1. Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm 4.3.2. Doanh thu của doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.
4.4. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.2. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. THỊ	4			4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRƯỜNG TÀI CHÍNH						
5.1. Sự hình thành thị trường tài chính	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 15.
5.2. Cấu trúc thị trường tài chính <i>5.2.1. Thị trường nợ và thị trường cổ phiếu</i> <i>5.2.2. Thị trường sở cấp và thị trường thứ cấp</i> <i>5.2.3. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn</i> <i>5.2.4. Thị trường tập trung và phi tập trung</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 15.
5.3. Công cụ của thị trường tài chính <i>5.3.1. Công cụ của thị trường tiền tệ</i> <i>5.3.2. Công cụ của thị trường vốn</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 15.
5.4. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính <i>5.4.1. Nhà phát hành</i> <i>5.4.2. Nhà đầu tư</i> <i>5.4.3. Nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 15.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4.4. Nhà quản lý thị trường						
5.5. Chức năng, vai trò của thị trường tài chính 5.5.1. Chức năng của thị trường tài chính 5.5.2. Vai trò của thị trường tài chính						
Chương 6. CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TRUNG GIAN	2			2	4	
6.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.1. Khái niệm tổ chức tài chính trung gian 6.1.2. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.3. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 3; Đọc TLĐT 6, chương 6.
6.2. Các loại hình tổ chức tài chính trung gian	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 3; Đọc TLĐT 6, chương 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.2.1. Các tổ chức nhận tiền gửi</p> <p>6.2.2. Các công ty tài chính</p> <p>6.2.3. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng</p> <p>6.2.4. Các trung gian đầu tư</p>						
Chương 7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	3			3	6	
7.1. Quá trình ra đời và phát triển của ngân hàng thương mại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLĐT 6, chương 8.
7.2. Khái niệm và phân loại ngân hàng thương mại						
7.2.1. Khái niệm ngân hàng thương mại						
7.2.2. Phân loại ngân hàng thương mại						
7.3. Chức năng của ngân hàng thương mại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLĐT 6, chương 8.
7.3.1. Chức năng trung gian tín dụng						
7.3.2. Chức năng trung						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>gian thanh toán</i> 7.3.3. Chức năng tạo tiền						
7.4. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại 7.4.1. Hoạt động huy động vốn 7.4.2. Hoạt động sử dụng vốn 7.4.3. Các hoạt động khác	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLĐT 6, chương 8.
Chương 8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	4			4	8	
8.1. Ngân hàng Trung ương 8.1.1. Khái niệm Ngân hàng Trung ương 8.1.2. Chức năng của Ngân hàng Trung ương 8.1.3. Vai trò của Ngân hàng Trung ương	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 12; Đọc TLĐT 6, chương 10.
8.2. Chính sách tiền tệ	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 12;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
của Ngân hàng Trung ương <i>8.2.1. Định nghĩa</i> <i>8.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ</i> <i>8.2.3. Nội dung cơ bản chính sách tiền tệ</i> <i>8.2.4. Công cụ của chính sách tiền tệ</i>						Đọc TLĐT 6, chương 10.
Chương 9. LẠM PHÁT	4		2	6	12	
9.1. Khái niệm và phân loại lạm phát <i>9.1.1. Khái niệm</i> <i>9.1.2. Phân loại lạm phát</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLĐT 6, chương 12.
9.2. Nguyên nhân của lạm phát <i>9.2.1. Lạm phát do nhu cầu tiền tăng</i> <i>9.2.2. Lạm phát do chi phí tăng</i> <i>9.2.3. Hệ thống chính trị không ổn định</i>						Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLĐT 6, chương 12.
9.3. Tác động của lạm phát đến phát triển kinh	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLĐT 6, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tế xã hội <i>9.3.1. Tác động của lạm phát vừa phải</i> <i>9.3.2. Tác động của lạm phát phi mã và siêu lạm phát</i>						12.
9.4. Các biện pháp khắc phục lạm phát <i>9.4.1. Giải pháp tác động vào tổng cầu</i> <i>9.4.2. Giải pháp tác động vào tổng cung</i> <i>9.4.3. Cải cách tiền tệ</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLĐT 6, chương 12.
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 10. QUAN HỆ THANH TOÁN VÀ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	2			2	4	
10.1. Cán cân thanh toán quốc tế <i>10.1.1. Khái niệm cán cân thanh toán quốc tế</i> <i>10.1.2. Nội dung cán cân thanh toán quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17; Đọc TLĐT 6, chương 11.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10.1.3. Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế						
10.2. Tỷ giá hối đoái 10.2.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá hối đoái 10.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái						Đọc TLC 2, chương 17; Đọc TLĐT 6, chương 11.
10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng 10.3.1. Các phương tiện thanh toán quốc tế 10.3.2. Các phương thức thanh toán quốc tế	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17; Đọc TLĐT 6, chương 11.
10.4. Tín dụng quốc tế 10.4.1. Khái niệm tín dụng quốc tế 10.4.2. Các hình thức tín dụng quốc tế						Đọc TLC 2, chương 17; Đọc TLĐT 6, chương 11.
Cộng	37	5	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.14 Kinh tế vi mô 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô 1**
 - Tiếng Anh: **Microeconomic 1**
- Mã học phần: MIC111
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế Tài nguyên Thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng.
- *Về kỹ năng:*
 - + Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.

+ Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

+ Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), *GT Nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.

2. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2014), *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

3. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2010), *Kinh tế học vi mô*, NXB Đại học KTQD.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2008), *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.

2. Vũ Kim Dũng và Đinh Thiện Đức (2010), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB văn hóa thông tin.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục.

4. Viện Đại học Mở HN (2009), *GT Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.

5. Nguyễn Văn Dần (2012), *Kinh tế vi mô*, NXB Tài chính.

6. Robert C. Guell, dịch giả: Nguyễn Văn Dung (2009), *Kinh tế vi mô*, NXB Đồng Nai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, bài tập, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ HỌC	3,5			3,5	7	
1.1. Khái niệm về kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						1.
1.2. Phân loại kinh tế học <i>1.2.1. Phân loại kinh tế học theo cách thức nghiên cứu</i> <i>1.2.2. Phân loại kinh tế học theo phạm vi nghiên cứu</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.3. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Mười nguyên lý của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.5. Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất <i>1.5.1. Chi phí cơ hội</i> <i>1.5.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.6. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vi mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. CẦU – CUNG HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	8	3,5		11,5	23	
2.1. Thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Phân loại thị trường</p>						6
<p>2.2. Cầu</p> <p>2.2.1. Một số khái niệm</p> <p>2.2.2. Luật cầu</p> <p>2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu</p> <p>2.2.4. Hàm số cầu và đường cầu</p> <p>2.2.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu</p>	2			2	4	<p>Đọc TLC 1, chương 2;</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2</p>
<p>2.3. Cung</p> <p>2.3.1. Một số khái niệm</p> <p>2.3.2. Luật cung</p> <p>2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung</p> <p>2.3.4. Hàm số cung và đường cung</p> <p>2.3.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung</p>	2			2	4	<p>Đọc TLC 1, chương 2;</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2.</p>
<p>2.4. Trạng thái thị trường</p> <p>2.4.1. Trạng thái cân</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>bằng và sự thay đổi của trạng thái cân bằng</i> 2.4.2. <i>Trạng thái dư thừa và thiếu hụt</i>						Làm bài tập chương 2
2.5. Hệ số co giãn 2.5.1. <i>Hệ số co giãn của cầu</i> 2.5.2. <i>Hệ số co giãn của cung theo giá</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.6 Một số ứng dụng lý thuyết cung cầu trong việc hoạch định chính sách của chính phủ 2.6.1. <i>Chính sách thuế và trợ cấp</i> 2.6.2. <i>Chính sách kiểm soát giá</i>	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
Chương 3. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG	5	1,5	0,5	7	14	
3.1. Lợi ích 3.1.1. <i>Một số khái niệm</i> 3.1.2. <i>Thặng dư tiêu dùng</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.2. Đường bàng quan</p> <p>3.2.1. Khái niệm về đường bàng quan</p> <p>3.2.2. Tỷ lệ thay thế biên</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giữa lợi ích biên và tỷ lệ thay thế biên</p> <p>3.2.4. Đường bàng quan với các sở thích khác nhau</p>	1			1	2	<p>Đọc TLC 2, chương 3;</p> <p>Đọc TLĐT 5, chương 4</p>
<p>3.3. Đường ngân sách</p> <p>3.3.1 Khái niệm về đường ngân sách</p> <p>3.3.2. Tác động của sự thay đổi về thu nhập và giá cả đối với đường ngân sách</p>	1	0,5		1,5	3	<p>Đọc TLC 2, chương 3;</p> <p>Đọc TLĐT 5, chương 4;</p> <p>Làm bài tập chương 3</p>
<p>3.4. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng</p> <p>3.4.1. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp hình học</p> <p>3.4.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp số nhân Lagrange</p> <p>3.4.3. Nguyên tắc tối đa</p>	1	0,5		1,5	3	<p>Đọc TLC 2, chương 3;</p> <p>Đọc TLĐT 5, chương 4;</p> <p>Làm bài tập chương 3</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hóa lợi ích bằng phương pháp trực quan</i>						
3.5. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng <i>3.5.1. Ảnh hưởng của thu nhập đến sự lựa chọn của người tiêu dùng</i> <i>3.5.2. Ảnh hưởng của giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng</i>	1	0,5	0,5	2	4	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.6. Đường cầu thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA NHÀ SẢN XUẤT	7	2		9	18	
4.1. Lý thuyết sản xuất <i>4.1.1. Sản xuất và hàm sản xuất</i> <i>4.1.2. Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi</i> <i>4.1.3. Sản xuất với hai</i>	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4; Làm bài tập chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>yếu tố đầu vào biến đổi</i>						
4.2. Lý thuyết chi phí sản xuất <i>4.2.1. Chi phí kinh tế và chi phí kế toán</i> <i>4.2.2. Chi phí ngắn hạn</i> <i>4.2.3. Chi phí dài hạn</i>	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.3. Lý thuyết lợi nhuận <i>4.3.1. Khái niệm và phương pháp xác định lợi nhuận</i> <i>4.3.2. Doanh thu biên, chi phí biên và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận tổng quát</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Tối đa hóa doanh thu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLDT 6, chương 5; Làm bài tập chương 4
4.5. Thặng dư sản xuất <i>4.5.1. Khái niệm và phương pháp xác định thặng dư sản xuất</i> <i>4.5.2. Mối quan hệ giữa thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và hiệu quả</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>xã hội</i>						
Chương 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO	4	1,5		5,5	11	
5.1. Khái niệm thị trường cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.3. Quyết định cung của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo <i>5.3.1. Đường cung ngắn hạn</i> <i>5.3.2. Đường cung dài hạn</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.4. Đường cung của ngành <i>5.4.1. Đường cung ngắn hạn của ngành</i> <i>5.4.2. Đường cung dài</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hạn của ngành</i>						
5.5. Cân bằng dài hạn của ngành cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Chương 6. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO	4,5	1,5	0,5	6,5	13	
6.1. Thị trường độc quyền 6.1.1. Khái niệm thị trường độc quyền 6.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của nhà độc quyền 6.1.3. Các cách định giá của nhà độc quyền 6.1.4. Sức mạnh độc quyền và vấn đề phân bổ tài nguyên 6.1.5. Chính sách hạn chế độc quyền	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6 Làm bài tập chương 6
6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Cân bằng trong ngắn hạn và dài hạn	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, chương 5; Làm bài tập chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.3. <i>Cạnh tranh độc quyền và hiệu quả kinh tế</i>						6
6.3. Độc quyền tập đoàn 6.3.1. <i>Cân bằng trong thị trường độc quyền tập đoàn</i> 6.3.2. <i>Lý thuyết trò chơi</i>	1,5	0,5	0,5	2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32	10	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.15 Kinh tế vĩ mô

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vĩ mô**
 - Tiếng Anh: **Macroeconomic**
- Mã học phần: MAC201
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
- Bài tập: 08 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng tư duy để góp phần dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô.

Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong

khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Lao động (ĐH Kinh tế quốc dân).
2. Nguyễn Văn Dân (2008), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính
3. Nguyễn Văn Ngọc (2011), *Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, bài tập, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU MÔN HỌC VÀ HẠCH TOÁN THU NHẬP QUỐC DÂN	6,5	2,5		9	18	
1.1. Kinh tế vĩ mô là gì ?	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.4. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3; Làm bài tập chương 1
1.5. Mối quan hệ giữa GDP, GNP, NNP, NI, Yd	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3; Làm bài tập chương 1
1.6. GNP và phúc lợi kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
1.7. Chỉ số giá hàng tiêu dùng	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, phần 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Làm bài tập chương 1
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	4	0,5		4,5	9	
2.1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Làm bài tập chương 2
2.2. Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế dài hạn	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, phần 3
2.3. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, phần 3
2.4. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 3. TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG	3			3	6	
3.1. Tổng cầu của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6
3.2. Tổng cung của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6
3.3. Sự cân bằng của sản lượng và mức giá	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6
3.4. Biến động kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	5	3		8	16	
4.1. Sản lượng cân bằng	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 7;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
và số nhân chi tiêu theo cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu						Đọc TLC 2, chương 4 Làm bài tập chương 4
<i>4.1.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu</i>	1,5			1,5	3	
<i>4.1.2. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn</i>	0,5	1		1,5	3	
<i>4.1.3. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế đóng</i>	0,5	1		1,5	3	
<i>4.1.4. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở</i>	0,5	1		1,5	3	
4.2. Chính sách tài khoá	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6
Chương 5. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	6	1		7	14	
5.1. Khái niệm, chức năng và phân loại tiền	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Hệ thống ngân hàng	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 5
5.3. Cung tiền	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLC 2, chương 5; Làm bài tập chương 5
5.4. Cầu tiền	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5
5.5. Cân bằng thị trường tiền tệ	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5; Làm bài tập chương 5
5.6. Chính sách tiền tệ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLC 3, phần 3
5.7. Sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6,5	1		7,5	15	
6.1. Lạm phát	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 9;
6.1.1. Khái niệm và đo lường lạm phát	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 8; Làm bài tập chương 6
6.1.2. Phân loại lạm phát	0,5			0,5	1	
6.1.3. Nguyên nhân gây ra lạm phát	1			1	2	
6.1.4. Tác động của lạm phát	0,5			0,5	1	
6.2. Thất nghiệp	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 5;
6.2.1. Khái niệm và đo	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lường thất nghiệp</i>						Làm bài tập chương 6
6.2.2. Phân loại thất nghiệp	1,5			1,5	3	
6.2.3. Tác động của thất nghiệp	0,5			0,5	1	
6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
Chương 7. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ	4			4	8	
7.1. Cán cân thanh toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, chương 7
7.2. Tỷ giá hối đoái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, chương 7
7.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, chương 7
7.4. Tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, chương 7
7.5. Các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 3, phần 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	08	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.16 Nguyên lý thống kê kinh tế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý thống kê kinh tế**
 - Tiếng Anh: **Principles of Economic Statistics**
- Mã học phần: PES202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28,5 tiết
 - Bài tập: 13,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 98 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.
- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của

hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Ý thức được tầm quan trọng của công tác thống kê trong đời sống hàng ngày cũng như trong mọi hoạt động của ngành, của địa phương và của đất nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về nguyên lý thống kê: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê.

Chương 2. Thu thập thông tin thống kê: giới thiệu những kiến thức về thông tin thống kê, thu thập thông tin thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập thông tin thống kê, phương pháp chọn mẫu.

Chương 3. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê.

Chương 4. Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng: giới thiệu những kiến thức về các chỉ số so sánh, các chỉ tiêu thể hiện điển hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng.

Chương 5. Các phương pháp phân tích thống kê: giới thiệu các kiến thức về ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích tương quan, hồi qui và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích thống kê.

Chương 6. Các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng: giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và phương pháp chỉ số.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Mai Văn Nam (2008), *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Văn hóa thông tin.

2. Hà Văn Sơn (2010), *Giáo trình Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế*, NXB Thống Kê

3. Ngô Thị Thuận (2006), *Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Đại học Nông nghiệp

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê,

2. Chu Văn Tuấn, Phạm Thị Kim Vân (2008), *Lý thuyết thống kê và phân tích dữ liệu*, NXB Tài chính.

3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức.

4. Tổng cục thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Giảng dạy lý thuyết, bài tập hoạt động theo nhóm và tự nghiên cứu

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ	3			3	9	
1.1 Khái niệm về thống kê <i>1.1.1 Định nghĩa về thống kê</i> <i>1.1.2 Nhiệm vụ của thống kê</i>	0,5			0,5	1,5	Đọc TLC 1, chương 1 (P1); Đọc TLĐT 1, chương 1.
1.2 Giới thiệu về học phần nguyên lý thống kê <i>1.2.1 Khái niệm về nguyên lý thống kê</i> <i>1.2.2 Đối tượng nghiên cứu của nguyên lý thống kê</i> <i>1.2.3 Phương pháp nghiên cứu của nguyên lý thống kê</i>	0,5			0,5	1,5	Đọc TLC 1, chương 1 (P1); Đọc TLĐT 1, chương 1.
1.3 Các khái niệm thường dùng trong thống kê <i>1.3.1 Tổng thể thống kê, đơn vị tổng thể, mẫu, đơn vị mẫu, quan sát</i> <i>1.3.2 Tiêu thức thống kê, lượng biến, tần số, tần suất</i> <i>1.3.3 Chỉ tiêu thống kê</i> <i>1.3.4 Các loại thang đo</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1 (P1); Đọc TLĐT 1, chương 1.
1.4 Quá trình nghiên cứu thống kê <i>1.4.1 Điều tra thống kê</i>	0,5			0,5	1,5	Đọc TLC 1, chương 1 (P1);

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4.2 Xử lý và tổng hợp thống kê 1.4.3 Phân tích và dự đoán thống kê						Đọc TLĐT 1, chương 1.
1.5 Một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê	0,5			0,5	1,5	Đọc TLĐT 3, chương 1.
CHƯƠNG 2. THU THẬP DỮ LIỆU THỐNG KÊ	3	1,5		4,5	10	
2.1 Khái niệm về dữ liệu thống kê 2.1.1 Định nghĩa về dữ liệu thống kê 2.1.2 Phân loại dữ liệu thống kê	0,5			0,5	1	Đọc TLC 3, chương 2; Đọc TLĐT 2, chương 2.
2.2 Thu thập dữ liệu thống kê 2.2.1 Khái niệm về thu thập dữ liệu thống kê 2.2.2 Hình thức tổ chức thu thập dữ liệu thống kê 2.2.3 Phương pháp thu thập dữ liệu thống kê 2.2.4 Sai số trong thu thập dữ liệu thống kê	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 3, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2.
2.3 Phương pháp chọn mẫu 2.3.1 Khái niệm về chọn mẫu 2.3.2 Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên	1	0,5		1,5	4	Đọc TLC 1, chương 1(P2), chương 8(P3); Đọc TLĐT 2, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.3.3 Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên</p> <p>2.3.4 Phương pháp tổ chức điều tra chọn mẫu</p> <p>2.3.5 Sai số trong điều tra chọn mẫu</p>						
CHƯƠNG 3. TỔNG HỢP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU THỐNG KÊ	2	1	1,5	4,5	10	
<p>3.1 Phân tổ thống kê</p> <p>3.1.1 Khái niệm về phân tổ thống kê</p> <p>3.1.2 Tiêu thức phân tổ thống kê</p> <p>3.1.3 Các phương pháp phân tổ thống kê</p>	1		0,5	1,5	2	Đọc TLC 1, chương 1(P2); Đọc TLĐT 2, chương 3.
<p>3.2 Bảng thống kê</p> <p>3.2.1 Khái niệm về bảng thống kê</p> <p>3.2.2 Phân loại bảng thống kê</p> <p>3.2.3 Yêu cầu và qui ước xây dựng bảng thống kê</p> <p>3.2.4 Thao tác trình bày bảng thống kê trên SPSS</p>	0,5	0,5		1	4	Đọc TLC 1, chương 1(P2); Đọc TLĐT 2, chương 3.
3.3 Đồ thị thống kê	0,5	0,5		1	4	Đọc TLC 1, chương 1(P2);

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.3.1 Khái niệm về đồ thị thống kê</p> <p>3.3.2 Phân loại đồ thị thống kê</p> <p>3.3.3 Yêu cầu khi xây dựng đồ thị thống kê</p> <p>3.3.4 Thao tác vẽ đồ thị thống kê trên SPSS</p>						<p>Đọc TLĐT 2, chương 3;</p> <p>Đọc TLĐT 3, chương 2.</p>
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG	5,5	3,5		9	24	
<p>4.1 Các chỉ tiêu so sánh</p> <p>4.1.1 Số tuyệt đối</p> <p>4.1.2 Số tương đối</p>	0,5	0,5		1	3	<p>Đọc TLC 3, chương 3;</p> <p>Đọc TLĐT 1, chương 4,5.</p>
<p>4.2 Các chỉ tiêu thể hiện điển hình</p> <p>4.2.1 Số bình quân cộng</p> <p>4.2.2 Số bình quân nhân</p> <p>4.2.3 Trung vị</p> <p>4.2.4 Mốt</p>	1	1		2	6	<p>Đọc TLC 3, chương 3;</p> <p>Đọc TLĐT 1, chương 4,5.</p>
<p>4.3 Các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân</p> <p>4.3.1 Khoảng biến thiên</p> <p>4.3.2 Độ lệch tuyệt đối bình quân</p> <p>4.3.3 Phương sai</p>	3	1,5		4,5	12	<p>Đọc TLC 3, chương 3;</p> <p>Đọc TLĐT 1, chương 4,5.</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.3.4 Độ lệch chuẩn</p> <p>4.3.5 Hệ số biến thiên</p>						
<p>4.4 Thao tác tính toán một số chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng trên SPSS</p> <p>4.4.1 Mô tả dữ liệu Frequencies</p> <p>4.4.2 Mô tả dữ liệu Descriptives</p>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 3, chương 3
CHƯƠNG 5. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THỐNG KÊ	8	4		12	35	
<p>5.1 Khái niệm về phân tích thống kê</p> <p>5.1.1 Định nghĩa về phân tích thống kê</p> <p>5.1.2 Các phương pháp chính sử dụng trong phân tích thống kê</p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4,(P3);
<p>5.2 Ước lượng khoảng tin cậy</p> <p>5.2.1 Khái niệm về ước lượng khoảng tin cậy</p> <p>5.2.2 Các phương pháp ước lượng khoảng tin cậy</p>	1,5	1		2,5	7	Đọc TLC2 , chương 5;
<p>5.3 Kiểm định giả thuyết thống kê</p> <p>5.3.1 Khái niệm về kiểm định giả thuyết thống kê</p> <p>5.3.2 Quy trình tổng quát trong kiểm định giả thuyết thống kê</p>	4	2		6	18	Đọc TLC 2, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.3.3 Các phương pháp kiểm định giả thuyết thống kê có tham số</p> <p>5.3.4 Các phương pháp kiểm định giả thuyết thống kê phi tham số</p> <p>5.3.5 Phân tích phương sai</p> <p>5.3.6 Thao tác kiểm định giả thuyết thống kê trên SPSS</p>						
<p>5.4 Phân tích tương quan và hồi qui</p> <p>5.4.1 Khái niệm về phân tích tương quan và hồi qui</p> <p>5.4.2 Trình tự phân tích tương quan và hồi qui</p> <p>5.4.3 Các dạng phân tích hồi qui và tương quan</p> <p>5.4.4 Thao tác phân tích tương quan và hồi qui trên SPSS</p>	2	1		3	9	Đọc TLC 1, chương 6,(P3);
CHƯƠNG 6. CÁC PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO BIẾN ĐỘNG CỦA HIỆN TƯỢNG	7	3, 5	1,5	12	30	
<p>6.1 Khái niệm về dự báo</p> <p>6.1.1 Định nghĩa về dự báo</p> <p>6.1.2 Phân loại dự báo</p>	0,5		0,5	1	2	Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLĐT 2, chương 6; TLĐT 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2 Phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động theo thời gian	4,5	2		6,5	18	Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 7; TLĐT 2, chương 3
<i>6.2.1 Khái niệm về dãy số thời gian</i>						
<i>6.2.2 Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian</i> <i>6.2.3 Mô hình dự báo biến động của dãy số thời gian</i>						
6.3 Phương pháp chỉ số	2	1, 5		3,5	10	Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 8; TLĐT 2, chương 3
<i>6.3.1 Khái niệm về chỉ số</i> <i>6.3.2 Hệ thống chỉ số</i>						
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	28, 5	13, 5	3	45	98	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.17 Phân tích định lượng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phân tích định lượng**
 - Tiếng Anh: **Quantitative Analysis**
- Mã học phần: QNA204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 113 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về bản chất của phân tích định lượng, cách xây dựng mô hình kinh tế, tìm ra những phương án tối ưu trong sản xuất và kinh doanh cũng như trong tiêu dùng. Đồng thời người học phải trình bày được kiến thức lý thuyết về phương pháp hồi quy tuyến tính đơn biến, hồi quy tuyến tính đa biến.

- *Về kỹ năng:* Thực hiện thành thạo việc lập mô hình, phân tích mô hình và nâng cao tư duy để đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội qua mô hình kinh tế. Vận dụng các toán kinh tế, mô hình kinh tế và dự báo để áp dụng vào trong thực tiễn kinh tế và cụ thể là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm đưa ra các chiến lược và chính sách qua các dự báo hiện tượng kinh tế xã hội.

Thông qua các giờ thảo luận, làm việc nhóm, thực hành trên lớp và ở nhà để rèn luyện kỹ năng hợp tác với người khác trong việc giải quyết các vấn đề.

Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic...nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức được tầm quan trọng của tính trung thực trong quá trình thu thập, phân tích số liệu; cũng như những kết luận, dự báo mang tính khoa học, khách quan.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1. Giới thiệu về phân tích định lượng: Bao gồm những khái niệm cơ bản nhất về phân tích định lượng, về mô hình toán kinh tế hay kinh tế lượng. Phương pháp luận của phân tích định lượng và kinh tế lượng, cũng như là các dạng mô hình hồi quy thường gặp.

Chương 2. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế: Trong chương này sẽ trình bày lý thuyết về phép đạo hàm và vi phân, đồng thời ứng dụng của phép đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế.

Chương 3. Các mô hình toán ứng dụng trong phân tích kinh tế: Lý thuyết và thực hành các mô hình toán kinh tế như: Bài toán tối ưu trong sản xuất và tiêu dùng; Bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán vận tải. Ứng dụng của các bài toán trong phân tích kinh tế.

Chương 4. Phân tích hồi quy tuyến tính dạng đơn: Giới thiệu về mô hình hồi quy và các giả định thống kê về sai số; Ước lượng các tham số của mô hình theo phương pháp OLS; Từ đó tìm ra khoảng tin cậy và kiểm định các giả thuyết thống kê của mô hình; Giới thiệu về phép dự báo kinh tế qua mô hình hồi quy tuyến tính đơn, ý nghĩa của hồi quy tuyến tính đơn và một số hàm thường gặp.

Chương 5. Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến: Giới thiệu về mô hình hồi quy đa biến; Đưa ra các giả định trong mô hình hồi quy đa biến; Phương pháp ước lượng tham số theo phương pháp OLS, từ đó sẽ đưa ra cách kiểm định mức ý nghĩa chung của mô hình; Giới thiệu về khoảng tin cậy và kiểm định các hệ số hồi quy và sử dụng biến giả trong phân tích các mô hình kinh tế.

Chương 6. Những vấn đề của kinh tế lượng trong phân tích hồi quy: Trong chương này sẽ giới thiệu 3 vấn đề của kinh tế lượng trong phân tích hồi quy bao gồm: Hiện tượng phương sai và sai số không đồng đều; Tự tương quan và đa cộng tuyến về các vấn đề bản chất, hệ quả của các vấn đề và cách khắc phục vấn đề đó.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), *Giáo trình Mô hình toán kinh tế*, NXB Tài chính.

2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

3. Lê Đình Thúy (2010), *Toán cao cấp cho các nhà kinh tế*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2010), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Giao thông vận tải.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Giảng dạy lý thuyết, bài tập hoạt động theo nhóm và tự nghiên cứu.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Quá trình học tập và tham khảo mở rộng: Học tập nghiên cứu ở nhà, thư viện, trên lớp... theo những nội dung được hướng dẫn, yêu cầu.
- Tham gia các hoạt động: Chuẩn bị bài, làm bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận, bài thi hết học phần.
- Ý thức tổ chức kỷ luật: Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG	4			4	12	
1.1. Khái niệm phân tích định lượng	0,5			0,5	1,5	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.2. Phương pháp phân tích định lượng	0,5			0,5	1,5	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.3. Mô hình toán kinh tế <i>1.3.1. Mô hình</i> <i>1.3.2. Mô hình kinh tế</i> <i>1.3.3. Mô hình toán kinh tế</i>	0,5			0,5	1,5	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.4. Kinh tế lượng <i>1.4.1. Khái niệm về kinh tế lượng</i> <i>1.4.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế lượng</i> <i>1.4.3. Ứng dụng của kinh tế lượng</i> <i>1.4.4. Dữ liệu cho nghiên cứu kinh tế lượng</i> <i>1.4.5. Vai trò của máy tính và phần mềm chuyên dụng</i>	2,5			2,5	7,5	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. ỨNG DỤNG CỦA ĐẠO HÀM VÀ VI PHÂN TRONG PHÂN TÍCH KINH TẾ	3	1		4	10	
2.1. Khái quát chung về đạo hàm và vi phân <i>2.1.1. Đạo hàm và vi phân của hàm một biến</i> <i>2.1.2. Đạo hàm và vi phân của hàm nhiều biến</i>	1			1	3	Đọc TLC 3, chương 2, 3.
2.2. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế <i>2.2.1. Những vấn đề cơ bản của bài toán tối ưu trong sản xuất và tiêu dùng</i> <i>2.2.2. Trường hợp bài toán chỉ có một biến lựa chọn</i> <i>2.2.3. Trường hợp bài toán có nhiều biến lựa chọn</i> <i>2.2.3. Tối ưu hóa với các ràng buộc đẳng thức</i>	2	1		3	7	Đọc TLC 3, chương 4
Chương 3. CÁC MÔ HÌNH TOÁN ỨNG DỤNG TRONG PHÂN TÍCH KINH TẾ	5	2	1	8	18	
3.1. Bài toán quy hoạch tuyến tính <i>3.1.1. Mô hình toán học của bài</i>	2	1	1	4	8	Đọc TLC 1, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>toán quy hoạch tuyến tính</i> 3.1.2. Các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính 3.1.3. Bài toán quy hoạch tuyến tính đối ngẫu						
3.2. Bài toán vận tải 3.2.1. Đặt bài toán 3.2.2. Phương pháp giải bài toán vận tải 3.2.3. Các ứng dụng của bài toán vận tải	3	1		4	10	Đọc TLC 1, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. PHÂN TÍCH HỒI QUY TUYẾN TÍNH ĐƠN BIẾN	5	5		10	23	
4.1. Mô hình hồi quy 4.1.1. Giới thiệu mô hình 4.1.2. Các giả định thống kê về mô hình	1			1	3	Đọc TLC 2, chương 2.
4.2. Ước lượng các tham số của mô hình theo phương pháp OLS 4.2.1. Nội dung của phương pháp OLS 4.2.2. Phương sai và độ lệch chuẩn của các hệ số hồi quy ước lượng	1	1		2	5	Đọc TLC 2, chương 2.
4.3. Khoảng tin cậy và kiểm định	1	2		3	5	Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
giả thuyết thống kê <i>4.3.1. Ước lượng khoảng tin cậy</i> <i>4.3.2. Kiểm định các giả thuyết thống kê</i>						chương 2.
4.4. Hệ số xác định và kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy <i>4.4.1. Hệ số xác định của mô hình hồi quy</i> <i>4.4.2. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 2.
4.5. Dự báo bằng mô hình hồi quy tuyến tính dạng đơn <i>4.5.1. Dự báo giá trị trung bình của biến phụ thuộc</i> <i>4.5.2. Dự báo giá trị cá biệt của biến phụ thuộc</i>	0,5	1		1,5	3	Đọc TLC 2, chương 2.
4.6. Ý nghĩa của hồi quy tuyến tính đơn biến và một số dạng hàm thường gặp <i>4.6.1. Ý nghĩa của hồi quy tuyến tính đơn biến</i> <i>4.6.2. Một số mô hình thông dụng</i>	0,5			0,5	3	Đọc TLC 2, chương 2.
Chương 5. PHÂN TÍCH HỒI QUY TUYẾN TÍNH ĐA BIẾN	5	6		11	34	
5.1. Mô hình hồi quy đa biến	1			1	4	Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1.1. Giới thiệu về mô hình 5.1.2. Các giả định thống kê của mô hình						chương 3.
5.2. Ước lượng các tham số của mô hình theo phương pháp OLS 5.2.1. Mô hình hồi quy ba biến 5.2.2. Mô hình hồi quy k biến	2	2		4	9	Đọc TLC 2, chương 3.
5.3. Khoảng tin cậy và kiểm định các giả thuyết thống kê của mô hình 5.3.1. Mô hình hồi quy ba biến 5.3.2. Mô hình hồi quy k biến	1	3		4	9	Đọc TLC 2, chương 3.
5.4. Hệ số xác định, hệ số hiệu chỉnh và kiểm định mức ý nghĩa chung của mô hình 5.4.1. Hệ số xác định, hệ số hiệu chỉnh của mô hình 5.4.2. Kiểm định sự phù hợp của mô hình	0,5	0,5		1	6	Đọc TLC 2, chương 3.
5.5. Sử dụng biến giả trong hồi quy tuyến tính	0,5	0,5		1	6	Đọc TLC 2, chương 3.
Chương 6. NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA KINH TẾ LƯỢNG TRONG PHÂN TÍCH HỒI QUY	6			6	12	
6.1. Hiện tượng phương sai sai số	2			2	3	Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thay đổi 6.1.1. Bản chất của hiện tượng phương sai sai số thay đổi 6.1.2. Hệ quả của hiện tượng phương sai sai số thay đổi 6.1.3. Cách phát hiện và khắc phục hiện tượng phương sai sai số thay đổi						chương 4.
6.2. Tự tương quan 6.2.1. Bản chất và nguyên nhân dẫn đến hiện tượng tự tương quan 6.2.2. Hệ quả của hiện tượng tự tương quan 6.2.3. Cách khắc phục hiện tượng tự tương quan	2			2	4,5	Đọc TLC 2, chương 5.
6.3. Đa cộng tuyến 6.3.1. Bản chất của đa cộng tuyến 6.3.2. Hệ quả của đa cộng tuyến 6.3.3. Biện pháp khắc phục hiện tượng đa cộng tuyến	2			2	4,5	Đọc TLC 2, chương 6.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	28	14	3	45	113	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.18 Cơ sở khoa học môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Cơ sở khoa học môi trường**
 - Tiếng Anh: **Fundamentals of Environmental Science**
- Mã học phần: FES102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường; Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; Phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực

- *Về kỹ năng*: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức chung liên quan đến môi trường và khoa học môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường; Các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, năng lượng và phát triển bền vững

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lưu Đức Hải (2008), *Cơ sở khoa học môi trường*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2008), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục.
3. Bùi Thị Nga (2008), *Giáo trình Cơ sở khoa học môi trường*, Trường Đại học Cần Thơ.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
2. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;
3. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
4. Luật bảo vệ môi trường 2014;
5. Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày 23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia;

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Nêu vấn đề; các nghiên cứu điển hình; Thuyết trình; Trực quan hóa; Tự nghiên cứu và Thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trường hợp nghỉ phải được sự đồng ý theo quy định.

- Sinh viên sẽ làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành 01 bài báo cáo theo yêu cầu, hình thức trình bày dạng Powerpoint, báo cáo trước lớp

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc Chương 1, giáo trình1; Điều 3, Luật BVMT
1.1. Một số khái niệm liên quan tới môi trường	1			1	2	
1.2. Phân loại môi trường						
1.2. Các chức năng của môi trường	1			1	2	
1.3. Quan hệ giữa môi trường và phát triển	2		1	3	6	
1.4. Ô nhiễm, suy thoái và khủng hoảng môi trường						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Quan hệ giữa khoa học môi trường, công nghệ môi trường và quản lý môi trường	1			1	2	
Chương 2. CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN CỦA MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc chương 2, giáo trình 1 và Chương 2, giáo trình 2
2.1. Thạch quyển <i>2.1.1. Sự hình thành và cấu trúc của Trái đất</i> <i>2.1.2. Sự hình thành đá</i> <i>2.1.3. Sự hình thành đất</i>	3		1	4	8	
2.2. Thủy quyển <i>2.2.1. Cấu tạo hình thái của thủy quyển</i> <i>2.2.2. Vòng tuần hoàn nước</i> <i>2.2.3. Đặc điểm các nguồn nước</i>						
2.3. Khí quyển <i>2.3.1. Thành phần của không khí</i> <i>2.3.2. Cấu trúc khí quyển</i> <i>2.3.3 Chế độ nhiệt, bức xạ và hoàn lưu khí quyển</i>	2			2	4	
2.4. Sinh quyển						
Chương 3. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	2		4	7	14	Đọc giáo trình 1, chương 5; giáo trình 2, chương 8
3.1. Ô nhiễm nước <i>3.1.1. Khái niệm</i> <i>3.1.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm nước</i>	1		1	2	4	Tham khảo các tài liệu trên Internet

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.3. Giải pháp bảo vệ nguồn nước						
3.2. Ô nhiễm khí quyển 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm khí quyển 3.1.3. Giải pháp hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm khí quyển 3.1.4. Các tác động toàn cầu của ô nhiễm khí quyển (nguyên nhân, hậu quả, giải pháp hạn chế)	1		3	4	8	
3.4. Ô nhiễm và suy thoái đất 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm và suy thoái đất 3.4.3. Giải pháp hạn chế ô nhiễm và suy thoái đất	1			1	2	
Chương 4. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	4		1	5	10	Đọc giáo trình 1, chương 4
4.1. Đặc điểm chung và phân loại tài nguyên	1			1	2	Các nội dung tìm hiểu đối với mỗi loại tài nguyên: - Vai trò; - Hiện trạng tài nguyên; - Các tác động của con người đối với tài nguyên - Giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên;
4.2. Tài nguyên nước						
4.3. Tài nguyên đất	1			1	2	
4.4. Tài nguyên khoáng sản						
4.5. Tài nguyên Biển	1			1	2	
4.5. Tài nguyên rừng và sinh vật						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.6.Tài nguyên khí hậu và cảnh quan	1			1	2	
Kiểm tra 1 tiết (chương 1,2,3)			1	1	2	
Chương 5. CÁC VẤN ĐỀ NỀN TẢNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	4			4	8	Đọc giáo trình 1, chương 7; giáo trình 2, chương 10 Tham khảo tài liệu trên Internet
5.1.Vấn đề về dân số <i>5.1.1. Khái niệm Bùng nổ dân số?</i> <i>5.1.2.Mối quan hệ giữa vấn đề và môi trường</i>	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cơ bản nêu trong “Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020”.
5.2.Vấn đề về lương thực thực phẩm của loài người <i>5.2.1. Khái niệm an ninh lương thực?</i> <i>5.2.2. Sản xuất và tiêu dùng lương thực với vấn đề môi trường</i>	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cụ thể và nhiệm vụ, giải pháp được đưa ra trong Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày 23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.
5.3.Vấn đề năng lượng <i>5.3.1. Các dạng năng lượng cơ bản</i> <i>5.3.2. Tác động của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đối với môi trường;</i>	1			1	2	Đọc mở rộng mục tiêu và định hướng phát triển về năng lượng được nêu trong “Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050”.
5.4. Phát triển bền vững (PTBV) <i>5.4.1. Khái niệm PTBV</i> <i>5.4.2. Nguyên tắc PTBV</i> <i>5.4.3. Mục tiêu phát triển bền</i>	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu phát triển bền vững được nêu trong “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>vững ở Việt Nam</i>						
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

4.5.19 Lý thuyết kế toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lý thuyết kế toán**
 - Tiếng Anh: **Principles of Accounting**
- Mã học phần: ACT202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng về nhận thức:* Nắm được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.

+ *Kỹ năng tư duy:* Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Hiểu được công việc về kế toán, từ đó có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Hiểu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.

- Các hình thức kế toán.
- Tổ chức bộ máy kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Văn Thuận, Phạm Thành Long (2011), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Giáo dục.
2. Võ Văn Nhị (2012), *Bài tập Nguyên lý kế toán*, NXB Phương Đông.
3. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Hồng Vân (2014), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm và sử dụng tình huống.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. BẢN CHẤT CỦA KẾ TOÁN	2			2	4	
1.1. Khái niệm kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, 2 chương 1.
1.2. Phân loại kế toán <i>1.2.1. Theo mục đích cung cấp thông tin</i> <i>1.2.2. Theo nguyên tắc ghi nhận thông tin</i>						
1.3. Ý nghĩa, yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán, nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị <i>1.3.1. Ý nghĩa của thông tin kế toán</i> <i>1.3.2. Nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, 2 chương 1.
1.4. Các nguyên tắc kế toán và khái niệm chung được thừa nhận <i>1.4.1. Các khái niệm và giả định</i> <i>1.4.2. Các nguyên tắc kế toán</i>						
Chương 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TOÁN						
2.1. Đối tượng nghiên cứu của kế toán <i>2.1.1. Khái quát chung về đối tượng của kế toán</i> <i>2.1.2. Tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp</i> <i>2.1.3. Tuần hoàn vốn kinh doanh</i> <i>2.1.4. Kết luận chung về đối tượng kế toán</i>					1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 2.
2.2. Hệ thống phương pháp của kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 2.
2.3. Chu trình kế toán					1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 2.
Chương 3. PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ	3			3	6	
3.1. Khái niệm và ý nghĩa chứng từ kế toán <i>3.1.1. Khái niệm chứng từ kế toán</i> <i>3.1.2. Ý nghĩa của chứng từ kế toán</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 3.
3.2. Phân loại chứng từ kế toán <i>3.2.1. Phân loại theo</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>nghiệp vụ kinh tế phản ánh trên chứng từ</i></p> <p>3.2.2. <i>Phân loại theo thời công dụng của chứng từ</i></p> <p>3.2.3. <i>Phân loại theo thời điểm lập chứng từ</i></p> <p>3.2.4. <i>Phân loại theo địa điểm lập chứng từ</i></p> <p>3.2.5. <i>Phân loại theo tính cấp bách của thông tin phản ánh trong chứng từ</i></p>						
<p>3.3. Hệ thống bản chứng từ</p> <p>3.3.1. <i>Bản chứng từ</i></p> <p>3.3.2. <i>Nguyên tắc và căn cứ xây dựng hệ thống bản chứng từ</i></p> <p>3.3.3. <i>Luân chuyển chứng từ</i></p>	2			2	4	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 3.
Chương 4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	5	3		8	16	
<p>4.1. Khái niệm và sự cần thiết của phương pháp tính giá</p> <p>4.1.1. <i>Khái niệm về phương pháp tính giá</i></p> <p>4.1.2. <i>Sự cần thiết của</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phương pháp tính giá</i>						
4.2. Yêu cầu và nguyên tắc của phương pháp tính giá 4.2.1. Yêu cầu của phương pháp tính giá 4.2.2. Nguyên tắc của phương pháp tính giá						
4.3. Nội dung và trình tự tính giá tài sản mua vào 4.3.1. Nội dung tính giá tài sản mua vào 4.3.2. Trình tự tính giá tài sản mua vào	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4.
4.4. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 4.4.1. Nội dung tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 4.4.2. Trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4.
4.5. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng cho sản xuất – kinh doanh 4.5.1. Nội dung tính giá	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng</i></p> <p>4.5.2. <i>Trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng</i></p>						
Chương 5. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ỨNG TÀI KHOẢN	4	2		6	12	
<p>5.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản</p> <p>5.1.1. <i>Khái niệm và các yếu tố cấu thành</i></p> <p>5.1.2. <i>Vị trí và tác dụng của phương pháp đối ứng tài khoản</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5.
<p>5.2. Tài khoản kế toán</p> <p>5.2.1. <i>Khái niệm và đặc trưng cơ bản về nội dung, kết cấu tài khoản</i></p> <p>5.2.2. <i>Kết cấu các tài khoản cơ bản</i></p> <p>5.2.3. <i>Chức năng của tài khoản kế toán</i></p>						
5.3. Quan hệ đối ứng và	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>phương pháp ghi sổ kép</p> <p>5.3.1. Các quan hệ đối ứng tài khoản</p> <p>5.3.2. Phương pháp ghi sổ kép</p>						
<p>5.4. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích</p> <p>5.4.1. Tài khoản tổng hợp</p> <p>5.4.2. Tài khoản phân tích</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN	3	1		4	8	
<p>6.1. Sự cần thiết phải hình thành và những đặc trưng của hệ thống tài khoản kế toán</p> <p>6.1.1. Sự cần thiết phải hình thành hệ thống tài khoản kế toán</p> <p>6.1.2. Đặc trưng cơ bản của hệ thống tài khoản kế toán</p>					1	Đọc TLC 1, chương 6.
6.2. Phân loại tài khoản kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6.
6.3. Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp thống	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>nhất hiện hành</p> <p>6.3.1. Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng cho các doanh nghiệp (Ban hành theo TT 200/2014/TT – BTC ban hành ngày 22/12/2014 của BTC)</p> <p>6.3.2. Đánh số hiệu và tên gọi các tài khoản</p> <p>6.3.3. Mô hình sắp xếp tài khoản kế toán</p>						
Chương 7. PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI	3	1		4	8	
<p>7.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán</p> <p>7.1.1. Khái niệm và cơ sở hình thành phương pháp</p> <p>7.1.2. Ý nghĩa, tác dụng của phương pháp</p>					1	Đọc TLC 1, chương 5.
<p>7.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán</p> <p>7.2.1. Bảng cân đối kế toán</p>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.2.2. Bảng cân đối thu, chi và kết quả						
7.3. Quan hệ giữa phương pháp tổng hợp cân đối với các phương pháp khác	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5.
Chương 8. KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU	4	5		9	18	
8.1. Khái quát về quá trình kinh doanh và nhiệm vụ của kế toán <i>8.1.1. Khái quát về quá trình kinh doanh</i> <i>8.1.2. Nhiệm vụ kế toán quá trình kinh doanh</i>					1	Đọc TLC 1, chương 8.
8.2. Kế toán quá trình cung cấp <i>8.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán</i> <i>8.2.2. Phương pháp kế toán quá trình cung cấp</i>	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 8.
8.3. Kế toán quá trình sản xuất <i>8.3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán</i> <i>8.3.2. Phương pháp kế</i>	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 8.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>toán quá trình sản xuất</i>						
8.4. Kế toán quá trình tiêu thụ <i>8.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán</i> <i>8.4.2. Phương pháp kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ</i> <i>8.4.3. Kế toán kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong các doanh nghiệp</i>	1,5	2		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 8.
Chương 9. SỔ KẾ TOÁN VÀ CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN	2	1		3	6	
9.1. Sổ kế toán <i>9.1.1. Khái niệm</i> <i>9.1.2. Các loại sổ kế toán</i> <i>9.1.3. Các quy tắc về sổ kế toán</i>	1	1		2	3	Đọc TLC 1, chương 9.
9.2. Hình thức kế toán <i>9.2.1. Khái niệm</i> <i>9.2.2. Các hình thức kế toán</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 9.
Chương 10. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10.1. Khái niệm, ý nghĩa và nội dung của tổ chức công tác kế toán <i>10.1.1. Khái niệm</i> <i>10.1.2. Ý nghĩa</i> <i>10.1.3. Nội dung của tổ chức công tác kế toán</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 10.
10.2. Phương pháp tổ chức công tác kế toán <i>10.2.1. Các phương pháp tổ chức công tác kế toán</i> <i>10.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 10.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.20 Quản trị học

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị học**
 - Tiếng Anh: **Management**
- Mã học phần: MNM101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị, các chức năng của quản trị, các kỹ năng mà nhà quản trị cần phải có.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Nguyễn Thu Hiền (2013), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động.
2. Bùi Văn Danh (2011), *Quản trị học – Bài tập và nghiên cứu tình huống*, NXB Lao động.
3. Nguyễn Thị Liên Điệp (2009), *Giáo trình quản trị học*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

4. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà (2008), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Giao thông vận tải.
5. Trần Anh Tài (2009), *Giáo trình quản trị học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
6. Võ Phước Tâm, Nguyễn Thị Nhung (2008), *Giáo trình quản trị học*, NXB Thống kê.
7. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA QUẢN TRỊ	3			3	6	
1.1. Bản chất của quản trị <i>1.1.1. Khái niệm quản trị</i> <i>1.1.2. Vai trò của quản trị</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
1.2. Chức năng của quản trị	0,5			0,5	1	
1.3. Quản trị là khoa học, là một nghệ thuật và là một nghề	0,5			0,5	1	
1.4 Quản trị theo mục tiêu <i>1.4.1. Khái niệm quản trị theo</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>mục tiêu</i></p> <p><i>1.4.2. Vai trò của quản trị theo mục tiêu</i></p> <p><i>1.4.3. Quá trình quản trị theo mục tiêu</i></p>						
<p>1.5. Nhà quản trị</p> <p><i>1.5.1. Khái niệm nhà quản trị</i></p> <p><i>1.5.2. Vai trò của nhà quản trị</i></p> <p><i>1.5.3. Cấp bậc của quản trị</i></p> <p><i>1.5.4. Các kỹ năng và năng lực cần thiết của nhà quản trị</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
Chương 2. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ	2	0,5		2,5	5	
<p>2.1. Trường phái quản trị cổ điển</p> <p><i>2.1.1. Trường phái quản trị kiểu thư lại</i></p> <p><i>2.1.2. Trường phái quản trị khoa học</i></p> <p><i>2.1.3. Trường phái quản trị hành chính</i></p>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2
<p>2.2. Trường phái quản trị hành vi</p> <p><i>2.2.1. Tư tưởng quản trị của Mary Parker</i></p> <p><i>2.2.2. Lý thuyết về bản chất con</i></p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>người của Douglas Mc Gregor</i></p> <p>2.2.3. Học thuyết của Elton Mayo</p> <p>2.2.4. Lý thuyết về hệ thống nhu cầu con người của Maslow</p>						
2.3. Trường phái định lượng trong quản trị	0,5			0,5	1	<p>Đọc TLC 1, chương 2</p> <p>Đọc TLC 2, chương 2</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2</p>
<p>2.4. <u>Học thuyết quản trị hiện đại</u></p> <p>2.4.1. Trường phái “Quá trình Quản trị”</p> <p>2.4.2. Thuyết Z</p> <p>2.4.3. Những khuynh hướng hiện đại về quản trị</p>	0,5			0,5	1	<p>Đọc TLC 1, chương 2</p> <p>Đọc TLC 2, chương 2</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2</p>
Chương 3. MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ	2,5	1		3,5	7	
3.1. Khái niệm môi trường quản trị	0,5			0,5	1	<p>Đọc TLC 1, chương 3</p> <p>Đọc TLC 2, chương 3</p>
3.2. Phân loại môi trường quản trị						Đọc TLC 3, chương 3
3.3. Ảnh hưởng của môi trường quản trị đối với hoạt động của tổ chức	2	1		3	6	<p>Đọc TLC 1, chương 3</p> <p>Đọc TLC 2, chương 3</p> <p>Đọc TLC 3, chương 3</p>
<p>3.3.1. Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến hoạt động của tổ chức</p> <p>3.3.2. Ảnh hưởng của môi trường vi mô đến hoạt động của tổ chức</p>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. THÔNG TIN QUẢN TRỊ	2			2	4	
4.1. Khái niệm và vai trò của thông tin quản trị <i>4.1.1. Khái niệm thông tin quản trị</i> <i>4.1.2. Vai trò của thông tin quản trị</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
4.2. Phân loại thông tin quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
4.3. Nội dung và chất lượng của thông tin quản trị <i>4.3.1. Nội dung thông tin quản trị</i> <i>4.3.2. Chất lượng của thông tin quản trị</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin và phổ biến thông tin <i>4.4.1. Phương pháp thu thập</i> <i>4.4.2. Phương pháp xử lý thông tin</i> <i>4.4.3. Phương pháp phổ biến thông tin</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ	2	1		3	6	
5.1. Khái niệm, vai trò của quyết định quản trị <i>5.1.1. Khái niệm quyết định và ra quyết định</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>5.1.2. Vai trò của ra quyết định</i>						
5.2. Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc ra quyết định <i>5.2.1. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định</i> <i>5.2.2. Nguyên tắc của việc ra quyết định</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 5
5.3. Nội dung và hình thức ra quyết định <i>5.3.1. Nội dung của việc ra quyết định</i> <i>5.3.2. Hình thức của việc ra quyết định</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 5
5.4. Quá trình ra quyết định <i>5.4.1. Quá trình ra quyết định</i> <i>5.4.2. Quá trình thực hiện quyết định</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 5
Chương 6. HOẠCH ĐỊNH	2	2		4	8	
6.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định <i>6.1.1. Khái niệm hoạch định</i> <i>6.1.2. Vai trò của hoạch định</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 6
6.2. Phân loại hoạch định <i>6.2.1. Hoạch định chiến lược</i> <i>6.2.2. Hoạch định chiến thuật</i> <i>6.2.3. Hoạch định tác nghiệp</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 6
6.3. Quy trình hoạch định	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLC 3, chương 6
Chương 7. TỔ CHỨC	2	1,5		3,5	7	
7.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức <i>7.1.1. Khái niệm tổ chức</i> <i>7.1.2. Vai trò tổ chức</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 7
7.2. Cơ cấu tổ chức <i>7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của cơ cấu tổ chức</i> <i>7.2.2. Các nguyên tắc của cơ cấu tổ chức</i> <i>7.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức</i> <i>7.2.4. Các mô hình cơ cấu tổ chức</i>	0,5	1		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 7
7.3. Phân quyền trong quản trị <i>7.3.1. Quyền hạn và một số khái niệm liên quan</i> <i>7.3.2. Quá trình ủy quyền</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 7
7.4. Tầm hạn quản trị <i>7.4.1. Khái niệm tầm hạn quản trị</i> <i>7.4.2. Phân loại</i> <i>7.4.3. Các yếu tố quyết định tầm hạn quản trị</i> 7.5. Hệ thống tổ chức không chính thức <i>7.5.1. Khái niệm hệ thống tổ</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>chức không chính thức</i></p> <p>7.5.2. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu hệ thống tổ chức không chính thức</p> <p>7.5.3. Những vấn đề cần lưu ý của hệ thống tổ chức không chính thức</p>						
Chương 8. LÃNH ĐẠO	2	1,5		3,5	7	
<p>8.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo</p> <p>8.1.1. Khái niệm lãnh đạo</p> <p>8.1.2. Vai trò của lãnh đạo</p>	0,5			0,5	1	<p>Đọc TLC 1, chương 8</p> <p>Đọc TLC 2, chương 7,8</p> <p>Đọc TLC 3, chương 8</p>
<p>8.2. Các phong cách lãnh đạo</p> <p>8.2.1. Phong cách lãnh đạo dựa trên quan điểm sử dụng quyền lực</p> <p>8.2.2. Phong cách lãnh đạo dựa trên tiêu chí mức độ tham gia của người dưới quyền</p>	1	0,5		1,5	3	<p>Đọc TLC 1, chương 8</p> <p>Đọc TLC 2, chương 7,8</p> <p>Đọc TLC 3, chương 8</p>
<p>8.3. Động cơ thúc đẩy</p> <p>8.3.1. Khái niệm của động cơ thúc đẩy</p> <p>8.3.2. Các học thuyết và động cơ thúc đẩy</p> <p>8.3.3. Hành vi cá nhân và hành vi nhóm</p> <p>8.4. Các phương pháp lãnh đạo</p> <p>8.4.1. Phương pháp giáo dục</p> <p>8.4.2. Các phương pháp hành</p>	0,5	1		1,5	3	<p>Đọc TLC 1, chương 8</p> <p>Đọc TLC 2, chương 7,8</p> <p>Đọc TLC 3, chương 8</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>chính</i> 8.4.3. Các phương pháp kinh tế 8.4.4. Các phương pháp lãnh đạo khác						
Chương 9. KIỂM TRA	1,5	1,5		3	6	
9.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra trong quản trị 9.1.1. Khái niệm kiểm tra trong quản trị 9.1.2. Vai trò của kiểm tra trong quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 9 Đọc TLC 3, chương 9
9.2. Phân loại kiểm tra 9.2.1. Căn cứ theo quá trình hoạt động 9.2.2. Căn cứ theo tần suất 9.2.3. Căn cứ theo mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng	0,25			0,25	0,5	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 9 Đọc TLC 3, chương 9
9.3. Tiến trình kiểm tra 9.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn 9.3.2. Đo lường và thực hiện 9.3.3. Điều chỉnh các hoạt động	0,5	1		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 9 Đọc TLC 3, chương 9
9.4. Các nguyên tắc và phương pháp kiểm tra 9.4.1 Các nguyên tắc kiểm tra 9.4.2 Các phương pháp kiểm tra	0,25	0,5		0,75	1,5	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 9 Đọc TLC 3, chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	19	9	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.21 Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám**
 - Tiếng Anh: **Geographical Information System (GIS) and Remote Sensing**
- Mã học phần: GIRS103
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Natural Resources Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Vật lý, tin học đại cương

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 12 tiết

- Bài tập: 05 tiết

- Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết

- Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Bản đồ, viễn thám và GIS, Khoa Trắc địa - Bản đồ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về viễn thám;
- Trình bày được các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám;
- Liệt kê được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám;
- Trình bày được các thuật toán phân loại dùng trong viễn thám;
- Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ và các thành phần cơ bản của GIS;
- Phân biệt được các loại cơ sở dữ liệu của GIS;

- Về kĩ năng:

- Vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản;
- Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả vào một vấn đề cụ thể;
- Xây dựng được cơ sở dữ liệu trong GIS.
- Vận dụng phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám kết hợp với phần mềm của GIS để tạo ra một sản phẩm cụ thể.

- Về thái độ:

- Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực;
- Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích học phân, yêu thích ngành nghề.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về viễn thám, bộ cảm biến và các vệ tinh viễn thám;
- Giới thiệu về ảnh vệ tinh quang học, các phương pháp xử lý ảnh vệ tinh quang học; thuật toán phân loại ảnh vệ tinh quang học;
- Giới thiệu khái quát về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS. Trình bày những nguyên lý cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thường gặp trong các hệ thống thông tin địa lý hiện hành. Nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS. Trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, hầu hết các ứng dụng phải tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu để cho ra kết quả cụ thể theo mục đích ứng dụng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Danh Tuyên và nnk (2013), *Cơ sở viễn thám*, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Dương Đăng Khôi (2012), *Hệ thống thông tin địa lý*, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Thomas M.Lillesand, Jonathan W.Chipman, Ralph W.Kiefer (2012), *Remote sensing and Image interpretation*, Wiley India.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Ngọc Thạch, Dương Văn Khảm (2012), *Địa thông tin ứng dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Nguyễn Khắc Thời (2012), *Viễn Thám*, NXB Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội.
3. Trần Thị Băng Tâm (2006), *Hệ thống thông tin địa lí*, Đại học Nông nghiệp Hà Nội
4. Lê Ngọc Uyển, Đoàn Thị Mỹ Hạnh, *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*
5. ArcGIS Dekstop Địa chỉ www.esri.com

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thông báo: giảng viên thông báo cho sinh viên những tri thức và biểu diễn những cách thức hành động cần thiết bằng các phương pháp cụ thể như thuyết trình hoặc vấn đáp, sử dụng sách và các tài liệu tham khảo. Sinh viên dưới tác dụng tổ chức, điều khiển của giảng viên lĩnh hội và tái hiện những điều đã học;

- Phương pháp giải thích – tìm kiếm bộ phận: giảng viên lập kế hoạch cho các nội dung nghiên cứu được dễ dàng hơn thông qua việc trình bày trực quan, còn sinh viên tự lực giải quyết một phần vấn đề trên cơ sở kết hợp lời giải thích của giảng viên với các tài liệu học tập sinh viên tham khảo;

- Phương pháp nêu vấn đề: giảng viên xây dựng những vấn đề có tính chất nghiên cứu trong một hệ thống nhất định. Sinh viên phát biểu vấn đề dưới hình thức nêu lên những mâu thuẫn cần giải quyết dưới ảnh hưởng tổ chức, điều khiển của giảng viên.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Phối hợp khi làm việc nhóm;
- Chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài thu hoạch môn học;
- Chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và các thông tin tự tìm kiếm liên quan đến nội dung của môn học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: MỞ ĐẦU	3	0	1	4	10	
1.1. Giới thiệu chung về bản đồ	1			1	3	TLC 3, Chương 1
1.2. Bản đồ kinh tế tài nguyên thiên nhiên	1			1	3	Đọc TLC 4
1.3. Vai trò của viễn thám và GIS trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.	1		1	2	4	TLĐT2, chương 1 và 4
Chương 2: KỸ THUẬT VIỄN THÁM	5	2	6	13	25	
2.1 Khái niệm và nguyên lý cơ bản của viễn thám						
2.1.1. Khái niệm về viễn thám						
2.1.2. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển	1			1	3	TLC 1, Chương 1
2.1.3. Phân loại viễn thám						
2.1.4. Nguyên lý cơ bản của viễn thám						
2.1.5 Các ứng dụng của viễn						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thám						
2.2. Bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám 2.2.1. Khái niệm, phân loại bộ cảm biến 2.2.2. Vật mang và quỹ đạo bay 2.2.3. Các vệ tinh giám sát tài nguyên	1		1	2	3	TLC1, Chương 2
2.3. Cơ sở vật lý của viễn thám 2.3.1. Tính chất của bức xạ điện từ 2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên 2.3.3. Phổ phản xạ của một số đối tượng tự nhiên chính	1		1	2	4	TLC 1, Chương 1
2.4. Tư liệu ảnh sử dụng trong viễn thám	0,5			0,5	3	TLC1, Chương 4 Trang 88 - 90
2.5. Độ phân giải của ảnh vệ tinh 2.5.1. Độ phân giải không gian 2.5.2. Độ phân giải bức xạ 2.5.3. Độ phân giải phổ	0,5		1	1,5	3	TLC 1, Chương 4 Trang 90 -92

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5.4. Độ phân giải thời gian						
2.6. Phân tích ảnh 2.6.1. Phân tích ảnh bằng mắt 2.6.2. Phân tích ảnh bằng xử lý ảnh số	1	2	2	5	4	TLC 1, Chương 4 Trang 94 -146
Kiểm tra chương 1,2			1	1	5	
Chương 3: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ (GIS)	5	3	6	14	25	
3.1. Khái niệm và chức năng của GIS 3.1.1. Khái niệm GIS 3.1.2. Chức năng GIS 3.1.3. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển 3.1.4. Một số ứng dụng cơ bản của GIS	1			1	4	TLC2, Chương 1, tr1
3.2. Các thành phần cơ bản của GIS 3.2.1. Phần cứng 3.2.2. Phần mềm 3.2.3. Cơ sở dữ liệu 3.2.4. Chuyên gia 3.2.5. Phương pháp	1			1	4	TLC2, Chương 1, tr8
3.3. Mô hình cấu trúc cơ sở	1	1	1	3	4	TLC2, Chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dữ liệu của GIS 3.3.1. Khái niệm chung về cơ sở dữ liệu 3.3.2. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu không gian 3.3.3. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu thuộc tính 3.3.4 Mô hình DEM						
3.4. Nhập dữ liệu và biên tập dữ liệu 3.4.1. Nhập dữ liệu 3.4.2. Kết nối dữ liệu không gian và thuộc tính 3.4.3. Hiển thị và xuất dữ liệu	1	1	2	4	4	TL2C, Chương 4
3.5. Phân tích dữ liệu trong GIS 3.5.1. Tổng quan về phân tích dữ liệu GIS 3.5.2. Các phép phân tích dữ liệu cơ bản	1	1	2	4	4	TLC2, Chương 6
Kiểm tra chương 3			1	1	5	
Cộng	12	5	13	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.22 Tài chính công

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tài chính công**
 - Tiếng Anh: **Public Finance**
- Mã học phần: PLF203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tài chính – Tiền tệ
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - Bài tập: tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học nắm được các kiến thức cơ bản về tài chính công bao gồm các vấn đề về các bộ phận cấu thành tài chính công, cách thức tổ chức tài chính công, các vấn đề liên quan tới ngân sách nhà nước (bao gồm thu, chi và cân đối ngân sách nhà nước), các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước, từ các kiến thức đó người học có thể vận dụng trong quản lý tài chính công sao cho phù hợp với nền kinh tế Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu, đánh giá và phân tích được các bộ phận cấu thành của tài chính công; các bộ phận cấu thành Ngân sách nhà nước (bao gồm thu, chi Ngân sách nhà nước và cân đối Ngân sách nhà nước); phân loại được các loại nợ công; hiểu được sự vận hành, hoạt động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá được tình hình tài chính công của nền kinh tế, từ đó góp phần dự đoán và đưa ra những phương pháp tính toán mới trong lập kế hoạch tài chính công thông qua việc phân tích và tiến hành các quá trình của việc lập dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; phân tích cơ sở các khoản thu ngân sách nhà nước bao gồm thuế, phí và lệ phí; tính toán và dự trù cho việc lập dự toán về các khoản chi ngân sách nhà nước; phân loại, đánh giá và đưa ra các cảnh báo về các loại nợ công.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích, đánh giá về tình hình tài chính công người học có khả năng phân tích, đánh giá đưa ra các cơ sở để lập dự toán ngân sách nhà nước, thực hiện bồi dưỡng các khoản thu ngân sách và phân bổ hợp lý nguồn chi ngân sách..để đạt được mục tiêu cân đối ngân sách nhà nước và các mục tiêu đã đề ra.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin, thái độ đúng đắn với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc (như: Trung thực, thẳng thắn, cẩn trọng, không vụ lợi, độc lập, khách quan,...) và trau dồi kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các vấn đề cơ bản về tài chính công như hoạt động và cách thức tổ chức, các bộ phận cấu thành của khu vực tài chính công, ngân sách nhà nước, nguyên tắc Ngân sách nhà nước, các vấn đề về hệ thống và chu trình ngân sách nhà nước. Đồng thời đi sâu vào các vấn đề chính bao gồm thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước và các vấn đề về các quỹ ngoài ngân sách nhà nước.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Tiên Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016), *Giáo trình Quản lý tài chính công*, NXB Tài chính.
2. Hoàng Thị Thuý Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh (2016), *Giáo trình Lý thuyết Quản lý tài chính công*, NXB Tài chính.
3. Phan Huy Đường (2014), *Giáo trình quản lý công*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2014), *Giáo trình Tài chính – tiền tệ*, NXB Tài chính.
2. Phan Huy Đường (2015), *Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Tiến (2015), *Giáo trình Tài chính – tiền tệ*, NXB Thống kê.
4. Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu (2005), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Lao động.
5. Luật Ngân sách Nhà nước 2015, *Luật số 83/2015/QH13* ban hành ngày 25/06/2015.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp giảng dạy: Phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập và thảo luận nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp;
- Thảo luận, rèn kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG	3			3	8	
1.1. Khái quát về Nhà nước <i>1.1.1. Sự hình thành và bản chất của Nhà nước</i> <i>1.1.2. Chức năng của Nhà nước</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 1, chương 6
1.2. Tài chính công <i>1.2.1. Khái niệm khu vực công và tài chính công</i> <i>1.2.2. Đặc điểm của tài chính công</i> <i>1.2.3. Chức năng của tài chính công</i> <i>1.2.4. Các bộ phận cấu thành tài chính công</i> <i>1.2.5. Vai trò của tài</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>chính công</i>						
Chương 2. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4		2	6	12	
2.1. Khái niệm và đặc điểm Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 6 Đọc TLĐT 6
2.2. Nguyên tắc Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 6
2.3. Hệ thống Ngân sách Nhà nước <i>2.3.1. Tổ chức hệ thống Ngân sách Nhà nước</i> <i>2.3.2. Mối quan hệ giữa các cấp Ngân sách Nhà nước</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 6
2.4. Chu trình Ngân sách Nhà nước <i>2.4.1. Lập dự toán Ngân sách Nhà nước</i> <i>2.4.2. Chấp hành Ngân sách Nhà nước</i> <i>2.4.3 Quyết toán Ngân sách nhà nước</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 6
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	6			6	12	
3.1. Thu thuế <i>3.1.1 Khái niệm và đặc điểm của thuế</i> <i>3.1.2 Phân loại thuế</i> <i>3.1.3 Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường</i> <i>3.1.4 Các yếu tố cấu thành một sắc thuế</i> <i>3.1.5 Hệ thống các sắc thuế hiện hành ở Việt Nam</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
3.2. Thu phí và lệ phí <i>3.2.1 Khái niệm và đặc điểm phí và lệ phí</i> <i>3.2.2 Phân loại phí và lệ phí</i> <i>3.2.3 Vai trò của phí và lệ phí</i> <i>3.2.4 Các loại phí và lệ phí hiện hành ở Việt Nam</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
3.3 Các khoản thu khác	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
của Ngân sách Nhà nước						Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
3.4 Quản lý thu Ngân sách Nhà nước <i>3.4.1 Quản lý thu thuế</i> <i>3.4.2 Quản lý thu phí và lệ phí</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
Chương 4. CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5		1	6	12	
4.1. Chi thường xuyên của Ngân sách Nhà nước <i>4.1.1 Khái niệm chi thường xuyên</i> <i>4.1.2 Đặc điểm chi thường xuyên</i> <i>4.1.3 Nội dung chi thường xuyên</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
4.2. Chi đầu tư phát triển của Ngân sách Nhà nước <i>4.2.1 Khái niệm chi đầu tư phát triển</i> <i>4.2.2 Đặc điểm chi đầu tư phát triển</i> <i>4.2.3 Nội dung chi đầu tư phát triển</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3 Quản lý chi Ngân sách Nhà nước <i>4.3.1 Quản lý chi thường xuyên của Ngân sách Nhà nước</i> <i>4.3.2 Quản lý chi đầu tư phát triển của Ngân sách Nhà nước</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
Thảo luận			1	1	2	
Chương 5. CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4		1	5	10	
5.1. Khái niệm cân đối Ngân sách Nhà nước	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
5.2. Bội chi Ngân sách Nhà nước <i>5.2.1 Khái niệm và cách tính bội chi Ngân sách Nhà nước</i> <i>5.2.2 Nguyên nhân bội chi Ngân sách Nhà nước</i> <i>5.2.3 Biện pháp cơ bản để bù đắp bội chi Ngân sách Nhà nước</i>						
5.3 Nợ công	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.3.1 Khái niệm và đặc điểm nợ công</p> <p>5.3.2 Phân loại nợ công</p> <p>5.3.3 Đánh giá nợ công</p>						<p>Đọc TLĐT 1, chương 6;</p> <p>Đọc TLĐT 6</p>
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. QUỸ TÀI CHÍNH CÔNG NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4			4	8	
6.1. Khái niệm và đặc điểm các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước	1			1	2	<p>Đọc TLC 1, chương 4</p> <p>Đọc TLĐT 1, chương 6;</p>
6.2. Phân loại các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước	1			1	2	<p>Đọc TLC 1, chương 4</p> <p>Đọc TLĐT 1, chương 6;</p>
<p>6.3. Hoạt động của một số quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước</p> <p>6.3.1 Quỹ bảo hiểm xã hội</p> <p>6.3.2 Quỹ bảo vệ Môi trường Việt Nam</p> <p>6.3.3 Các quỹ khác</p>	2			2	4	<p>Đọc TLC 1, chương 4</p> <p>Đọc TLĐT 1, chương 6;</p>
Cộng	26		4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.23 Kinh tế đầu tư

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế đầu tư**
 - Tiếng Anh: **Investment Economics**
- Mã học phần: INE202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi học nghiên cứu học phần Kinh tế đầu tư, sinh viên phải hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Cụ thể, trình bày được khái niệm đầu tư phát triển, phân biệt được đầu tư phát triển với các loại đầu tư khác, phân tích được tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển, các nguồn vốn đầu tư. Thêm vào đó, người học cần biết được trình tự các bước cũng như phương pháp để lập, thẩm định và thực hiện đấu thầu các dự án đầu tư; các chi

tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển, áp dụng làm được bài tập và lựa chọn các phương án đầu tư phù hợp.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và nắm bắt và phân tích được khái niệm đầu tư phát triển, vai trò của đầu tư, trình tự lập dự án một dự án đầu tư, trình tự đấu thầu và các nội dung của thẩm định dự án và biết phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học một cách linh hoạt để thực hiện đấu thầu các công trình, thẩm định các dự án hay thiết lập một dự án, đánh giá kết quả và hiệu quả của các dự án đầu tư và quản lý các dự án đầu tư

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để đưa ra được các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư ở Việt Nam hiện nay và đề xuất những dự án; thẩm định dự án, thực hiện đấu thầu và quản lý hiệu quả trong điều kiện hiện nay.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển.

- Môn học cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để phân biệt đầu tư phát triển với những loại hình đầu tư khác trong thực tế, từ đây sinh viên có những cách thức đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của những dự án khác nhau.

- Môn học giúp sinh viên nắm được những cách thức lập dự án và thẩm định các dự án đầu tư trong thực tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS.Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), *Giáo trình Kinh đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. TS.Đỗ Phú Trần Tình (2009), *Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư*, NXB Giao thông vận tải.
3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS.Nguyễn Bạch Nguyệt (2006), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. TS. Phạm Xuân Giang (2010), *Giáo trình Lập thẩm định & Quản trị dự án đầu tư*, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, bài tập, thảo luận tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ VÀ KINH TẾ ĐẦU TƯ	3			3	6	
1.1. Đầu tư và phân loại đầu tư <i>1.1.1. Khái niệm và phân loại đầu tư</i> <i>1.1.2. Vốn đầu tư</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Đầu tư phát triển <i>1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư phát triển</i> <i>1.2.2. Phân loại đầu tư phát triển</i> <i>1.2.3. Tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
1.3. Kinh tế đầu tư <i>1.3.1. Khái niệm về kinh tế đầu tư</i> <i>1.3.2. Đối tượng, nội dung và phương pháp luận của môn học</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. QUẢN LÝ	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ĐẦU TƯ						
2.1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc quản lý đầu tư <i>2.1.1. Khái niệm quản lý đầu tư</i> <i>2.1.2. Mục tiêu của quản lý đầu tư</i> <i>2.1.3. Nguyên tắc quản lý đầu tư</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
2.2. Nội dung, phương pháp và công cụ quản lý đầu tư <i>2.2.1. Nội dung quản lý đầu tư</i> <i>2.2.2. Phương pháp quản lý hoạt động đầu tư</i> <i>2.2.3. Công cụ quản lý hoạt động đầu tư</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
Chương 3. CHI PHÍ VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	4	4	1	9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.1. Chi phí của hoạt động đầu tư phát triển</p> <p><i>3.1.1. Khái niệm khối lượng vốn đầu tư thực hiện</i></p> <p><i>3.1.2. Phương pháp tính khối lượng vốn đầu tư thực hiện</i></p>	1	1		2	4	<p>Đọc TLC 1, chương 5;</p> <p>Làm bài tập chương 3</p>
<p>3.2. Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển</p> <p><i>3.2.1. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển</i></p> <p><i>3.2.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư</i></p> <p><i>3.2.3. Hiệu quả đầu tư trong doanh nghiệp</i></p>	3	3		6	12	<p>Đọc TLC 1, chương 5;</p> <p>Đọc TLC 2, chương 5;</p> <p>Đọc TLC 3, chương 7</p> <p>Làm bài tập chương 3</p>
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5	2		7	14	
<p>4.1. Dự án đầu tư</p> <p><i>4.1.1. Khái niệm và yêu</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>câu của một dự án đầu tư</i></p> <p>4.1.2. Sự cần thiết phải thiết lập dự án đầu tư</p> <p>4.1.3. Chu kỳ của dự án đầu tư</p>						<p>Đọc TLC 2, chương 2;</p> <p>Đọc TLC 3, chương 1</p>
<p>4.2. Lập dự án đầu tư</p> <p>4.2.1. Khái niệm lập dự án</p> <p>4.2.2. Nguyên tắc lập dự án</p> <p>4.2.3. Nội dung của dự án đầu tư</p> <p>4.2.4. Phân tích đánh giá về môi trường đầu tư, thị trường, kỹ thuật và tài chính của dự án</p> <p>4.2.5. Phân tích độ nhạy của dự án</p>	2	2		4	8	<p>Đọc TLC 1, chương 6;</p> <p>Đọc TLC 2, chương 2;</p> <p>Đọc TLC 3, chương 4</p> <p>Làm bài tập chương 4</p>
<p>4.3. Thẩm định dự án đầu tư</p> <p>4.3.1. Một số vấn đề chung về thẩm định dự án đầu tư</p> <p>4.3.2. Căn cứ tiến hành thẩm định dự án đầu tư</p> <p>4.3.3. Nội dung thẩm định dự án đầu tư</p>	2			2	4	<p>Đọc TLC 1, chương 7</p> <p>Đọc TLC2, chương 8;</p> <p>Đọc TLC3, chương 2</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.4. Phương pháp thẩm định dự án đầu tư 4.3.5. Tổ chức thẩm định dự án						
Chương 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẤU THẦU TRONG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3			3	6	
5.1 Khái niệm, vai trò và nguyên tắc của đấu thầu 5.1.1. Một số khái niệm 5.1.2. Vai trò của đấu thầu 5.1.3. Nguyên tắc của đấu thầu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
5.2. Các hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu. 5.2.1. Các hình thức lựa chọn nhà thầu 5.2.2. Phương thức đấu thầu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
5.3. Trình tự thực hiện đấu thầu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8
5.4. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu 5.4.1. Phương pháp đánh giá	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu tư vấn</i></p> <p><i>5.4.2. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu xây lắp</i></p> <p><i>5.4.3. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa</i></p>						
Chương 6. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG ĐẦU TƯ	4		1	5	10	
<p>6.1. Một số vấn đề chung về đầu tư quốc tế</p> <p><i>6.1.1. Sự cần thiết của đầu tư quốc tế</i></p> <p><i>6.1.2. Bản chất của đầu tư quốc tế</i></p> <p><i>6.1.3. Vai trò của đầu tư quốc tế</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
<p>6.2. Các hình thức đầu tư quốc tế</p> <p><i>6.2.1. Đầu tư quốc tế trực tiếp</i></p> <p><i>6.2.2. Đầu tư quốc tế gián</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>tiếp</i>						
6.3. Chuyển giao công nghệ trong đầu tư quốc tế 6.3.1. Khái niệm công nghệ và chuyển giao công nghệ 6.3.2. Vai trò của chuyển giao công nghệ trong đầu tư quốc tế 6.3.3. Nội dung chuyển giao công nghệ 6.3.4. Các bước tiến hành chuyển giao công nghệ trong các dự án FDI	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
6.4. Quan hệ quốc tế trong đầu tư của Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.24 Quản lý nhà nước về kinh tế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý nhà nước về kinh tế**
 - Tiếng Anh: **State Management of Economics**
- Mã học phần: SME203

- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Natural Resource Economics
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nhận thức được bản chất của nhà nước, tính tất yếu khách quan và tầm quan trọng của nhà nước đối với xã hội nói chung và nền kinh tế nói riêng; Nhận biết được những công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng cũng như các quy luật cơ bản trong nền kinh tế; Nhận biết được các loại thông tin, quyết định và các hình thức kiểm tra giám sát của nhà nước đối với hoạt động Quản lý nhà nước về kinh tế; Nhận biết được mối quan hệ của hệ thống kinh tế với môi trường bên ngoài xét theo quan điểm của lý thuyết hệ thống. Thông qua việc tìm hiểu môn học, người học sẽ có những hiểu biết nhất định về các hình thức quản lý vĩ mô của nhà nước, qua đó định hướng các hoạt động trong tương lai để tạo nên sự phù hợp với cơ chế hiện hành. Hình thành nên một tư duy khoa học mới khi xem xét các sự vật, hiện tượng. Nó không tách rời, biệt lập mà luôn có sự tác động qua lại với các sự vật và hiện tượng khác.

- *Về kỹ năng:*

+ Giúp sinh viên nhận biết được sự tồn tại của các quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam cũng như sự tác động của chúng.

+ Trang bị cho người học những hiểu biết nhất định về môi trường kinh doanh cũng như tác động của nhà nước.

+ Giúp cho người học có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết vào thực tiễn xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, bao gồm: cải tiến các công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng, hệ thống thông tin, quyết định cũng như các công cụ kiểm soát nền kinh tế.

+ Vận dụng hiểu biết có thể phân loại được các loại thông tin, quyết định trong đời sống thực tiễn nói chung và quản lý nhà nước nói riêng. Phân biệt được các loại hình văn bản cũng như thẩm quyền ban hành các loại hình đó.

+ Thông qua việc tìm hiểu các quy luật tâm lý xã hội, giúp cho người học sử dụng các tác động về nhu cầu, lợi ích một cách hợp lý, đồng thời sử dụng quy luật về tính khí để bố trí con người trong tổ chức sao cho phù hợp, đúng người đúng việc.

+ Trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để biết được làm thế nào để giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường kinh doanh.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Môn học cũng giúp cho người học thấy được để có thể tự lập nghiệp và có ích cho xã hội, họ cần phải có một thái độ đúng đắn trong học tập, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện đạo đức, tác phong, lối sống.

+ Nâng cao tính thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao, nâng cao tính tổ chức, tính kỷ luật và tinh thần tập thể. Đó là những phẩm chất cần thiết cho một cử nhân kinh tế hiện nay.

+ Thái độ tôn trọng pháp luật, chấp hành và ủng hộ các chính sách của nhà nước nhằm chung sức xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của nhà nước

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản có hệ thống về quản lý Nhà nước nói chung, quản lý Nhà nước về kinh tế nói riêng, bao gồm: Nhà nước và quản lý Nhà nước, đặc điểm, đối tượng của quản lý Nhà nước về kinh tế, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế, các chức năng cơ bản của quản lý Nhà nước về kinh tế, văn bản

và quyết định trong quản lý Nhà nước về kinh tế, cơ cấu và công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. GS.TS Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS Mai Văn Bruu (2008), *Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

2. TS Nguyễn Văn Sáu (2013), *Giáo trình quản lý kinh tế*, NXB Chính trị – Hành chính Quốc gia.

3. Richard Lehne (2013), *Government and Business: American Political Economy in Comparative Perspective*, CQ Press, an Imprint of SAGE Publications, Inc.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Mai Văn Bruu, PGS.TS Phan Kim Chiến (1999), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	3				6	
1.1. Sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước về kinh tế <i>1.1.1. Nhà nước</i> <i>1.1.2. Quản lý nhà nước về kinh tế</i> <i>1.1.3. Quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay</i>	2				4	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu môn học <i>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu môn học</i> <i>1.2.3. Nội dung nghiên cứu môn học</i> <i>1.2.4. Phương pháp nghiên cứu môn học</i>	1				2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. QUY LUẬT VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	3		0,5		7	
2.1. Quy luật <i>2.1.1. Định nghĩa về quy luật</i> <i>2.1.2. Tính khách quan của quy luật</i> <i>2.1.3. Đặc điểm của các quy luật kinh tế</i> <i>2.1.4. Cơ chế vận dụng các quy luật</i> <i>2.1.5. Các loại quy luật</i> <i>2.1.6. Cơ chế quản lý kinh tế</i>	1,5				3	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1
2.2. Các nguyên tắc quản lý của nhà nước về kinh tế <i>2.2.1. Định nghĩa nguyên tắc quản lý của nhà nước về kinh tế</i> <i>2.2.2. Các nguyên tắc quản lý kinh tế của nhà nước</i>	1,5		0,5		4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2
Chương 3. CÔNG CỤ, PHƯƠNG PHÁP, MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	6				12	
3.1. Công cụ quản lý của nhà nước về kinh tế <i>3.1.1. Khái niệm</i>	1,5				3	Đọc TLC 1, chương 3 và 4 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.1.2. Pháp luật</p> <p>3.1.3. Kế hoạch</p> <p>3.1.4. Chính sách</p> <p>3.1.5. Tài sản quốc gia</p> <p>3.1.6. Vận dụng các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế</p>						
<p>3.2. Phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.2. Phương pháp hành chính</p> <p>3.2.3. Phương pháp kinh tế</p> <p>3.2.4. Phương pháp giáo dục</p> <p>3.2.5. Vận dụng các phương pháp quản lý của nhà nước về kinh tế</p>	1,5				3	<p>Đọc TLC 1, chương 3 và 4</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>
<p>3.3. Mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>3.3.1. Tổng quan về mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>3.3.2. Mục tiêu tăng</p>	1,5				3	<p>Đọc TLC 1, chương 3 và 4</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trưởng kinh tế</i> 3.3.3. Mục tiêu ổn định kinh tế 3.3.4. Mục tiêu công bằng kinh tế 3.3.5. Mục tiêu phúc lợi kinh tế tổng hợp						
3.4. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế 3.4.1. Tổng quan chức năng quản lý nhà nước về kinh tế 3.4.2. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo tính chất tác động 3.4.3. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo giai đoạn tác động	1,5				3	Đọc TLC 1, chương 3 và 4 Đọc TLC 2, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	4		0,5		9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.1. Thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p><i>4.1.1. Khái niệm chung về thông tin</i></p> <p><i>4.1.2. Vai trò của thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế</i></p> <p><i>4.1.3. Các yêu cầu đối với thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế</i></p> <p><i>4.1.4. Các loại thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế</i></p> <p><i>4.1.5. Hệ thống thông tin quản lý</i></p>	1,5		0,5		4	<p>Đọc TLC 1, chương 5</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>
<p>4.2. Quyết định quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p><i>4.2.1. Khái niệm</i></p> <p><i>4.2.2. Các loại hình quyết định quản lý nhà nước</i></p> <p><i>4.2.3. Yêu cầu đối với quyết định quản lý nhà nước</i></p> <p><i>4.2.4. Các cú ra quyết</i></p>	1,5				3	<p>Đọc TLC 1, chương 5</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>định</i></p> <p>4.2.5. <i>Quá trình quyết định</i></p> <p>4.2.6. <i>Các phương pháp và kỹ thuật quyết định</i></p>						
<p>4.3. Văn bản quản lý nhà nước</p> <p>4.3.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>4.3.2. <i>Các chức năng của văn bản</i></p> <p>4.3.3. <i>Vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước</i></p> <p>4.3.4. <i>Các loại hình văn bản quản lý nhà nước</i></p>	1				2	Đọc TLC 2, chương 1
Chương 5. BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	5		1		12	
<p>5.1. Khái niệm và hình thức tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>5.1.1. <i>Bộ máy nhà nước và cơ quan nhà nước</i></p> <p>5.1.2. <i>Hình thức tổ chức bộ máy nhà nước</i></p>	2		0,5		5	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i></p> <p><i>5.1.3. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế</i></p>						
<p>5.2. Xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p><i>5.2.1. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế</i></p> <p><i>5.2.2. Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế</i></p> <p><i>5.2.3. Quá trình xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý</i></p>	2		0,5		5	Đọc TLC 1, chương 6
<p>5.3. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p><i>5.3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở trung ương</i></p> <p><i>5.3.2. Cơ cấu quản lý kinh tế ở địa phương</i></p>	1				2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 6. CÁN BỘ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	4		1		10	
6.1. Tổng quát về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế <i>6.1.1. Khái niệm cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế</i> <i>6.1.2. Phân loại cán bộ quản lý kinh tế</i> <i>6.1.3. Vai trò của cán bộ quản lý kinh tế</i>	1				2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
6.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế <i>6.2.1. Kế hoạch hóa đội ngũ cán bộ quản lý</i> <i>6.2.2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế</i> <i>6.2.3. Tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ quản lý</i> <i>6.2.4. Đánh giá cán bộ quản lý</i> <i>6.2.5. Sử dụng cán bộ</i>	2				4	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>quản lý</i>						
6.3. Thực trạng và phương hướng đổi mới công tác cán bộ quản lý kinh tế <i>6.3.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế ở Việt Nam</i> <i>6.3.2. Phương hướng đổi mới công tác của cán bộ quản lý kinh tế</i>	1		1		4	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	25	0	05	30	60	

4.5.25 Lịch sử các học thuyết kinh tế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử các học thuyết kinh tế**
 - Tiếng Anh: **History of economic theory**
- Mã học phần: HETH202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trang bị một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế. Góp phần giúp sinh viên nhận thức về lý luận kinh tế và vận dụng vào thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu, phân tích được học thuyết kinh tế của các trường phái về hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của từng học thuyết, từ đó có những nhận xét đánh giá về từng học thuyết.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng những kiến thức đã học để liên hệ với kinh tế tại Việt Nam qua các thời kỳ.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường
- *Về đạo đức nghề nghiệp:*
 - + Yêu thích môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế.
 - + Nâng cao tinh thần tự học, tìm hiểu các mô hình kinh tế ở Việt Nam và các nước trên thế giới qua các thời kỳ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những nội dung cơ bản của lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên; giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản của các nhà kinh tế tiêu biểu thuộc các trường phái qua các thời đại lịch sử như lý thuyết kinh tế của William Petty, những đóng góp về kinh tế của K.Marx, F.Engels... Lý thuyết về lợi thế so sánh, lợi thế tuyệt đối, học thuyết kinh tế của AdamSmith, lý thuyết “năng suất giới hạn” của Mỹ...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Bình Trọng (2009), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. TS.Hà Quý Tình và Ths.Trần Hậu Hùng (2008), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Tài chính.

3. Phạm Văn Chiến, Nguyễn Ngọc Thanh (2010), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Mai Ngọc Cường, Trần Việt Tiến (2010), *Hướng dẫn học tập Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm..

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Làm thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. **Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
Chương 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ	2			2	4	
1.1. Một số vấn đề chung <i>1.1.1. Tư tưởng kinh tế</i> <i>1.1.2. Học thuyết kinh tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC3, chương 1
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu <i>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học</i> <i>1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của môn học</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1, Đọc TLC3, chương 1
1.3. Chức năng và ý nghĩa của môn học <i>1.3.1. Chức năng</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2,

1.3.2. Ý nghĩa môn học						chương 1
Chương 2. TƯ TƯỞNG KINH TẾ THỜI CỔ ĐẠI VÀ TRUNG CỔ	3			3	6	
2.1. Tư tưởng kinh tế thời cổ đại <i>2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm kinh tế thời cổ đại</i> <i>2.1.2. Một số đại biểu của tư tưởng kinh tế thời cổ đại</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Tư tưởng kinh tế thời trung cổ <i>2.2.1. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm kinh tế thời trung cổ</i> <i>2.2.2. Một số đại biểu của tư tưởng kinh tế thời trung cổ</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2
Chương 3. HỌC THUYẾT KINH TẾ TƯ SẢN CỔ ĐIỂN	3		0,5	3,5	7	
3.1. Học thuyết kinh tế theo chủ nghĩa trọng thương <i>3.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa trọng thương</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 3

<p>3.1.2. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa trọng thương</p> <p>3.1.3. Biểu hiện chủ nghĩa trọng thương ở một số nước</p> <p>3.1.4. Đánh giá khái quát về chủ nghĩa trọng thương</p>						
<p>3.2. Học thuyết kinh tế theo chủ nghĩa trọng nông</p> <p>3.2.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện chủ nghĩa trọng nông</p> <p>3.2.2. Các lý thuyết kinh tế</p> <p>3.2.3. Đánh giá khái quát học thuyết trọng nông</p>	0,5		0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 3	
<p>3.3. Kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh</p> <p>3.3.1. Hoàn cảnh xuất hiện trường phái kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh</p> <p>3.3.2. Học thuyết kinh tế của William Petty (1623 - 1683)</p> <p>3.3.3. Học thuyết kinh tế của Adam Smith (1723- 1790)</p>	1,5	0,5	2	4	Đọc TLC 1, chương 3	

<i>3.3.4. Học thuyết kinh tế của David Ricardo (1772-1823)</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. HỌC THUYẾT KINH TẾ TIÊU TƯ SẢN	2			2	4	
4.1. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm <i>4.1.1. Hoàn cảnh xuất hiện</i> <i>4.1.2. Đặc điểm</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
4.2. Các tư tưởng kinh tế tiêu biểu <i>4.2.1. Các quan điểm kinh tế của Sismondi (1773 - 1842)</i> <i>4.2.2. Các quan điểm kinh tế của Proudon (1809 – 1865)</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
Chương 5. HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG Ở TÂY ÂU THẾ KỶ XIX	2			2	4	
5.1. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 6

5.2. Các tư tưởng kinh tế tiêu biểu 5.2.1. <i>Sanint Simon</i> (1761 – 1825) 5.2.2. <i>Charles Fourier</i> (1772 – 1837) 5.2.3. <i>Robert Owen</i> (1771 – 1858)	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 6
Chương 6. SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MARX – LENIN	2,5		0,5	3	6	
6.1. Điều kiện lịch sử phát sinh chủ nghĩa Marx	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, chương 7;
6.2. Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế chính trị Marx	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, chương 7;
6.3. Những đóng góp quan trọng của K.Marx và F.Engels về học thuyết kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, chương 7;
6.4. Lenin tiếp tục phát triển kinh tế chính trị học Marx	0,5		0,5	1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 7
Chương 7. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG PHÁI	2			2	4	

CỔ ĐIỂN MỚI						
7.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm phương pháp luận	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 9
7.2. Các học thuyết kinh tế của trường phái thành viên (Áo)	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 9
7.3. Thuyết “giới hạn” ở Mỹ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7
7.4. Một số lý thuyết kinh tế của phái Lausanne (Thụy Sĩ) và phái Cambridge (Anh)	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 9
Chương 8. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG PHÁI KEYNES	2			2	4	
8.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm và phương pháp luận	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 10
8.2. Các học thuyết kinh tế của Keynes <i>8.2.1. Lý thuyết chung về việc làm</i> <i>8.2.2. Lý thuyết Keynes về sự can thiệp của nhà</i>	1,0			1,0	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 10; Đọc TLC 2, chương 9

<i>nước vào kinh tế</i>						
8.3. Lý thuyết kinh tế hậu keynes	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 9. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA TỰ DO MỚI	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
9.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm và phương pháp luận	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 3, chương 11
9.2. Lý thuyết kinh tế về nền kinh tế thị trường xã hội ở Cộng Hoà Liên Bang Đức	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 3, chương 11
9.3. Các lý thuyết kinh tế của trường phái trọng tiền hiện đại ở Mỹ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 3, chương 11
Chương 10. KINH TẾ HỌC CỦA TRƯỜNG PHÁI CHÍNH HIỆN ĐẠI	2			2	4	
10.1. Hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm phương pháp luận	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
10.2. Lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp <i>10.2.1. Cơ chế thị trường</i> <i>10.2.2. Vai trò của</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10

<i>chính phủ trong nền kinh tế thị trường</i>						
Chương 11. CÁC HỌC THUYẾT TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ LÝ THUYẾT LỢI THẾ SO SÁNH	5			5	10	
11.1. Lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với các nước đang phát triển <i>11.1.1. Lý thuyết cất cánh của nhà kinh tế Mỹ Rostow</i> <i>11.1.2. Lý thuyết cái vòng luân quản và “cú hých” từ bên ngoài</i> <i>11.1.3. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước Châu Á gió mùa của HarryToshima</i> <i>11.1.4. Lý thuyết về mô hình kinh tế nhị nguyên</i>	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 11
11.2. Kinh tế học bền vững	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 11
11.2. Lịch sử lý thuyết lợi thế so sánh	1			1	2	

11.2.1. Tư tưởng của phái trọng thương và trọng nông về trao đổi quốc tế						Độc TLC 1, chương 11
11.2.2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối						
11.2.3. Lý thuyết về lợi thế tương đối						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	27		3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.26 Tâm lý quản lý

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tâm lý quản lý**
 - Tiếng Anh: **Psychology of management**
- Mã học phần: POM101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		
<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về tâm lý học quản lý, hiểu được các hiện tượng, quy luật, cơ chế vận hành các quy luật tâm lý của con người và xã hội; nắm bắt được các kiến thức về tâm lý trong công tác tổ chức, động cơ người lao động nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của tâm lý quản lý, các chức năng, vai trò của tâm lý quản lý trong cuộc sống thực tế.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế hoạt động giao tiếp, quản lý, biết phân tích đánh giá, giải quyết các tình huống hoạt động quản lý.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được các tình huống hoạt động quản lý.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản lý trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: những vấn đề chung của tâm lý học quản lý; đặc điểm tâm lý của đối tượng quản lý; tâm lý trong công tác lãnh đạo và tâm lý trong việc quản lý và sử dụng con người; và những hiện tượng tâm lý trong tập thể lao động.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Văn Phúc (2009), *Tâm lý trong quản lý doanh nghiệp*, NXB Bách Khoa.

2. Nguyễn Văn Đồng (2011), *Giáo trình Tâm lý học giao tiếp*, NXB Chính trị - Hành chính.

3. Nguyễn Bá Dương (2000), *Tâm lý học Quản lý*, NXB Chính trị Quốc gia.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

8. Trần Thị Minh Hằng (2001), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. **Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ	4			4	8	
1.3. Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học quản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lý <i>1.1.1. Khái niệm tâm lý học quản lý</i> <i>1.1.2. Đối tượng của tâm lý học quản lý</i> <i>1.1.3. Nhiệm vụ của tâm lý học quản lý</i>						Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.4. Vai trò, ý nghĩa của tâm lý học quản lý	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Phương pháp nghiên cứu của tâm lý học quản lý <i>1.3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận trong nghiên cứu tâm lý học quản lý</i> <i>1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học quản lý</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2
1.4. Lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học quản lý <i>1.4.1. Sự hình thành và phát triển tâm học quản lý ở nước ngoài</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4.2. Sự phát triển tâm lý học quản lý ở Việt Nam						
CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ HỌC CƠ BẢN CỦA ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ	4	2		6	12	
2.1. Bản chất của con người 2.1.1. Nhu cầu và động cơ của con người 2.1.2. Những đặc điểm nhân cách của con người	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 7
2.2. <u>Những nguyên vọng cơ bản của người lao động</u> 2.2.1. Ham muốn có đời sống kinh tế ổn định, khá giả, hạnh phúc 2.2.2. Nhu cầu công bằng xã hội 2.2.3. Nhu cầu thích tự do 2.2.4. Nhu cầu thích có người lãnh đạo vừa giỏi vừa tốt	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 7
CHƯƠNG 3. TÂM LÝ TRONG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO	4	3		7	14	
3.1. Đặc điểm tâm lý của nhà	1			1	2	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>lãnh đạo</p> <p>3.1.1. Đặc điểm tâm lý chung của nhà lãnh đạo</p> <p>3.1.2. Những đặc điểm hoạt động của nhà lãnh đạo</p>						<p>chương 4</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2,3,4</p>
<p>3.2. Những đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý</p> <p>3.2.1. Khái niệm về quyết định quản lý.</p> <p>3.2.2. Những yêu cầu về tâm lý đối với việc thông qua quyết định.</p> <p>3.2.3. Những yêu cầu tâm lý trong tổ chức thực hiện quyết định quản lý.</p> <p>3.2.4. Những đặc điểm tâm lý trong kiểm tra thực hiện quyết định quản lý.</p>	2	1,5		3,5	7	<p>Đọc TLC 1, chương 4</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2,3,4</p>
<p>3.3. Vận dụng tâm lý học trong công tác lãnh đạo</p> <p>3.3.1. Sự tác động mang tính tâm lý của người lãnh đạo đối với cấp dưới</p> <p>3.3.2. Tâm lý trong đàm phán</p>	1	1,5		2,5	5	<p>Đọc TLC 1, chương 4</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2,3,4</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.3. Tâm lý điều khiển hội họp 3.3.4. Tâm lý phát biểu trước công chúng						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. TÂM LÝ HỌC TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON NGƯỜI – CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ	4	3		7	14	
4.1. Khái niệm về công tác tổ chức cán bộ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5,6 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 9
4.2. Những vấn đề tâm lý trong công tác sử dụng cán bộ 4.2.1. Tuyển chọn cán bộ 4.2.2. Sự tương quan tâm lý con người trong tổ chức 4.2.3. Ê kíp lãnh đạo	1,5	2		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 5,6 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 9
4.3. Những vấn đề tâm lý trong đánh giá cán bộ 4.3.1. Nội dung cần đánh giá cán bộ	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 5,6 Đọc TLC 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.2. Những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến đánh giá cán bộ						Đọc TLC 3, chương 9
4.4. Những vấn đề tâm lý trong bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ	0,5				1	Đọc TLC 1, chương 5,6 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 9
CHƯƠNG 5. NHỮNG HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ TRONG TẬP THỂ LAO ĐỘNG	4			4	8	
5.1. Khái niệm, cấu trúc và đặc điểm của tập thể lao động 5.1.1. Khái niệm tập thể lao động 5.1.2. Cấu trúc của tập thể lao động 5.1.3. Đặc điểm tâm lý của tập thể lao động	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 3, chương 6
5.2. Những hiện tượng tâm lý phổ biến trong tập thể lao động 5.2.1. Sự lây lan tâm lý trong tập thể lao động.	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.2.2. Truyền thống tập thể.</p> <p>5.2.3. Dự luận xã hội.</p> <p>5.2.4. Bầu không khí tâm lý tập thể.</p>						
<p>5.3. Xung đột và cách giải quyết xung đột trong tập thể lao động</p> <p>5.3.1. Khái niệm, bản chất của xung đột</p> <p>5.3.2. Nguyên nhân của xung đột</p> <p>5.3.3. Những biện pháp ngăn chặn xung đột tiêu cực và giải quyết các xung đột trong tập thể</p> <p>5.3.4. Khuyến khích các xung đột có tính chất xây dựng</p>	2			2	4	<p>Đọc TLC 1, chương 7</p> <p>Đọc TLC 3, chương 6</p>
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.27 Kinh tế vi mô 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô II**
 - Tiếng Anh: **Intermediate Microeconomics**
- Mã học phần: IME222

- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Natural Resources Economics
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp những kiến thức về các mô hình kinh tế, những lý thuyết về cầu; lựa chọn trong điều kiện rủi ro; lý thuyết về hãng; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường
- *Về kỹ năng:*
 - + Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.
 - + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.
 - + Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:*
 - + Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
 - + Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên lý thuyết về các mô hình kinh tế, những lý thuyết về cầu; lựa chọn trong điều kiện rủi ro; lý thuyết về hăng; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất như thị trường lao động, thị trường vốn và thị trường đất đai; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường và các biện pháp can thiệp của chính phủ vào thị trường nhằm khắc phục những thất bại của thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Phạm Văn Minh (2011), *Giáo trình Kinh tế vi mô 2*, NXB lao động - xã hội.
2. David Begg, S. Fisher, R. Dornbush (2011), *Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.
3. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2008), *Kinh tế vi mô phần 2*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2012), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Nguyễn Văn Dân (2009), *Cấu trúc thị trường lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Tài Chính.
3. Roberts S. Pindyck, Daniel L. Rubinfeld (1999), *Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, bài tập, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. LỰA CHỌN TIÊU DÙNG TỐI ƯU	2	0,5		2,5	5	
1.1. Giới hạn ngân sách <i>1.1.1. Đường ngân sách</i> <i>1.1.2. Dịch chuyển đường ngân sách</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 2. Đọc TLĐT 1, chương 4.
1.2. Sở thích của người tiêu dùng <i>1.2.1. Một số giả thiết khi nghiên cứu về sở thích của người tiêu dùng</i> <i>1.2.2. Tính chất của đường bàng quan</i> <i>1.2.3. Tỷ lệ thay thế cận biên của hàng hóa, hai trường hợp đặc biệt của đường bàng quan</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 2.
1.3. Hiệu ứng thu nhập và	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hiệu ứng thay thế						Đọc TLC 2, chương 5; Làm bài tập chương 1.
1.4. Một số ứng dụng về lựa chọn tiêu dùng tối ưu <i>1.4.1. Xây dựng đường cầu về một hàng hóa</i> <i>1.4.2. Sự lựa chọn tiêu dùng theo thời gian</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH TRONG THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH	2,5	0,5		3	6	
2.1. Lý thuyết về thặng dư <i>2.1.1. Thặng dư của người tiêu dùng</i> <i>2.1.2. Thặng dư của người sản xuất</i> <i>2.1.3. Tổng thặng dư và hiệu quả thị trường</i> <i>2.1.4. Phân tích thặng dư khi tham gia vào nền thương mại thế giới</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
2.2. Kiểm soát giá <i>2.2.1. Ảnh hưởng của giá trần tới kết quả hoạt</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 3, chương 9.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>động của thị trường</i></p> <p>2.2.2. <i>Ảnh hưởng của giá sàn tới kết quả hoạt động của thị trường</i></p>						
<p>2.3. Tác động của việc đánh thuế đến kết quả hoạt động của thị trường</p> <p>2.3.1. <i>Tác động của thuế đánh vào người mua đến kết quả hoạt động của thị trường</i></p> <p>2.3.2. <i>Tác động của thuế đánh vào người bán đến kết cục của thị trường</i></p> <p>2.3.3. <i>Hệ số co giãn và ảnh hưởng của thuế</i></p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 3, chương 9.
<p>2.4. Tác động của thuế nhập khẩu và hạn ngạch nhập khẩu</p> <p>2.4.1. <i>Tác động của thuế nhập khẩu tới những người tham gia vào thị trường</i></p> <p>2.4.2. <i>Tác động của hạn ngạch nhập khẩu đối với</i></p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 3, chương 9.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>những người tham gia thị trường</i>						
2.5. Trợ giá và hạn ngạch sản xuất	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 3, chương 9; Làm bài tập chương 2.
Chương 3. LỰA CHỌN TRONG ĐIỀU KIỆN RỦI RO	5	2		7	14	
3.1. Xác xuất, giá trị kỳ vọng, phương sai	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 3; Làm bài tập chương 3.
3.2. Ra quyết định <i>3.2.1. Giá trị kỳ vọng và ích lợi kỳ vọng</i> <i>3.2.2. Tương đương chắc chắn</i> <i>3.2.3. Cây ra quyết định</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 3; Làm bài tập chương 3.
3.3. Giảm thiểu rủi ro <i>3.3.1. Đa dạng hóa</i> <i>3.3.2. Bảo hiểm</i> <i>3.3.3. Rủi ro đạo đức và sự lựa chọn ngược</i> <i>3.3.4. Giá trị của thông tin</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 3; Đọc TLĐT 3, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4. Cầu về tài sản có rủi ro <i>3.4.1. Tài sản</i> <i>3.4.2. Lợi tức từ tài sản</i> <i>3.4.3. Lựa chọn của nhà đầu tư</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 4. LỰA CHỌN SẢN XUẤT TỐI ƯU	5	2	1	8	16	
4.1. Hàm sản xuất và đường đồng lượng <i>4.1.1. Hàm sản xuất</i> <i>4.1.2. Đường đồng lượng</i> <i>4.1.3. Sản xuất với hai đầu vào biến đổi</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4
4.2. Chi phí sản xuất và đường đồng phí	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4
4.3. Lựa chọn đầu vào sản xuất tối ưu tiếp cận từ đường đồng lượng và đường đồng phí <i>4.3.1. Nguyên tắc tối thiểu hóa chi phí khi đầu ra cố định</i> <i>4.3.2. Tối thiểu hóa chi phí khi giá một đầu vào</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Làm bài tập chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thay đổi</i> 4.3.3. Tối thiểu hóa chi phí với mức sản lượng đầu ra thay đổi 4.3.4. Tính cứng nhắc của sản xuất trong ngắn hạn						
4.4. Đường chi phí trong dài hạn và đường chi phí trong ngắn hạn 4.4.1. Chi phí trung bình và chi phí cận biên dài hạn 4.4.2. Tính kinh tế theo quy mô và phi kinh tế theo quy mô 4.4.3. Lựa chọn quy mô sản xuất tối ưu dựa trên quan hệ giữa các đường chi phí cận biên ngắn hạn và cận biên dài hạn	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 3, chương 7; Làm bài tập chương 4
4.5. Sản xuất với hai đầu ra và tính kinh tế theo phạm vi	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 5. ĐỘC QUYỀN VÀ THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN NHÓM	6	3	1	10	20	
5.1. Độc quyền bán <i>5.1.1. Nguyên nhân và đặc điểm của thị trường độc quyền bán</i> <i>5.1.2. Quyết định sản xuất của hãng độc quyền bán</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5 và 6; Đọc TLĐT 2, chương 3; Làm bài tập chương 5
5.2. Độc quyền mua <i>5.2.1. Đường chi tiêu bình quân và đường chi tiêu cận biên, đường giá trị đối với người mua</i> <i>5.2.2. Lựa chọn sản lượng trong thị trường độc quyền mua</i> <i>5.2.3. Chi phí xã hội của độc quyền mua</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5 và 6; Đọc TLĐT 2, chương 3; Làm bài tập chương 5
5.3. Các chính sách giá của nhà độc quyền <i>5.3.1. Chính sách phân biệt giá</i> <i>5.3.2. Phân biệt giá theo</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 5 và 6; Làm bài tập chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thời kỳ và đặt giá cao điểm</i>						
5.4. Độc quyền nhóm <i>5.4.1. Đặc trưng của thị trường và hãng kinh doanh</i> <i>5.4.2. Giá của ngành</i> <i>5.4.3. Đường cầu gãy khúc trong thị trường độc quyền nhóm</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5 và 6
5.5. Cạnh tranh trong thị trường độc quyền nhóm <i>5.5.1. Cạnh tranh về lượng</i> <i>5.5.2. Cạnh tranh về giá</i>	0,5	1		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5 và 6; Làm bài tập chương 5
5.6. Trạng thái cân bằng trong thị trường độc quyền nhóm	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 5 và 6
Chương 6. THỊ TRƯỜNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT	6,5	3		9,5	19	
6.1. Thị trường lao động <i>6.1.1. Xác định lượng lao động dựa vào cung cầu trên thị trường cạnh</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10; Làm bài tập chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>tranh</i> 6.1.2. Xác định lượng lao động trên thị trường yếu tố có sức mạnh độc quyền mua và bán						
6.2. Thị trường vốn 6.2.1. Một số khái niệm 6.2.2. Cầu về dịch vụ vốn 6.2.3. Cung về dịch vụ vốn 6.2.4. Cân bằng cung và cầu về dịch vụ vốn của hãng 6.2.5. Xác định lãi suất trên thị trường vốn	2,5	2		4,5	9	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 11; Làm bài tập chương 6
6.3. Thị trường đất đai	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 11;
Chương 7. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	4		1	5	10	
7.1. Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường 7.1.1. Tầm quan trọng của chính phủ trong nền	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 9;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>kinh tế thị trường</i> 7.1.2. Chức năng kinh tế của chính phủ						
7.2. Nguyên nhân dẫn đến sự can thiệp của Chính phủ	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 9. Đọc TLĐT 1, chương 8;
7.3. Chính phủ can thiệp như thế nào	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 9. Đọc TLĐT 1, chương 8;
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31	11	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.28 Kinh tế công cộng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế công cộng**
 - Tiếng Anh: **Public Economics**
- Mã học phần: PLE202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô II
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:
 - + Cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế
 - + Tìm hiểu, phân tích, đánh giá các chức năng, hệ quả các hoạt động và các chính sách của chính phủ áp dụng trong vào nền kinh tế thị trường.
- *Về kỹ năng:* Sau khi kết thúc môn học người học có thể:
 - + Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh tế để có thể mô tả, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế công cộng như: lý giải nguồn gốc thất bại thị trường, phân tích tác động các chính sách của nhà nước...
 - + Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý công, phân tích, đánh giá và rèn luyện tư duy khoa học về kinh tế công cộng.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:*
 - + Yêu thích môn học kinh tế công cộng.
 - + Lên lớp và lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế công cộng tập trung nghiên cứu về vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường, cách thức can thiệp và phương pháp đánh giá các tác động của các công cụ chính sách mà chính phủ sử dụng để điều tiết nền kinh tế. Môn học cung cấp một số các khái niệm cơ bản như chính phủ, khu vực công cộng, thất bại thị trường.... Môn học tập trung nghiên cứu về các vai trò của chính phủ đối với các thất bại của thị trường, cách thức chính phủ khắc

phục các thất bại đó và đánh giá về hoạt động của chính phủ trong việc khắc phục các thất bại thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Vũ Cương, PGS.TS Phạm Văn Vận, (2013), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. PGS. TS Nguyễn Văn Dân, TS Đỗ Thị Thục, (2013), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, Học viện tài chính, Nhà xuất bản tài chính.

3. PGS. TS Vũ Kim Dũng, PGS. TS Nguyễn Văn Công, (2012), *Giáo trình Kinh tế học (Tập II)*, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Phạm Văn Vận, ThS. Vũ Cương, *Giáo trình Kinh tế công cộng* (2006), Trường Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Thống kê.

2. Stiglitz, J., (1995), *Kinh tế công cộng*, Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Khoa học kỹ thuật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
- + Phương pháp hoạt động nhóm
- + Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần: Yêu cầu và cách thức đánh giá được đánh giá thông qua các tiêu chí như:

- Sự hiện diện trên lớp: Không được nghỉ quá 30% số tiết học trên lớp
- Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.
- Trong quá trình học, giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC	6			6	10	
1.1. Chính phủ trong nền kinh tế thị trường <i>1.1.1. Khái niệm chính phủ</i> <i>1.1.2. Khu vực công cộng</i> <i>1.1.3. Quá trình nhận thức về vai trò của Chính phủ</i> <i>1.1.4. Chính phủ trong vòng tuần hoàn kinh tế</i>	2			2	2	Đọc TLC 1,2 chương 1;
1.2. Cơ sở khách quan cho sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế	2			2	5	Đọc TLC 1,2 chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2.1. Các tiêu chuẩn về hiệu quả sử dụng nguồn lực</p> <p>1.2.2. Định lý cơ bản của kinh tế học phúc lợi</p> <p>1.2.3. Thất bại thị trường</p> <p>1.2.4. Những cơ sở khác cho sự can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế</p>						
<p>1.3. Chức năng, nguyên tắc và những hạn chế trong sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế thị trường</p> <p>1.3.1. Chức năng của Chính phủ</p> <p>1.3.2. Nguyên tắc can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế thị trường</p> <p>1.3.3. Những hạn chế của Chính phủ khi can thiệp</p>	1,5			1,5	2	Đọc TLC 1,2,3 chương 1
<p>1.4. Đối tượng, nội dung và phương pháp luận nghiên cứu môn học</p> <p>1.4.1. Đối tượng nghiên cứu môn học</p> <p>1.4.2. Nội dung nghiên cứu</p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,2 chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>cứu môn học</i> <i>1.4.3 Phương pháp nghiên cứu</i>						
Chương 2. CHÍNH PHỦ VỚI VAI TRÒ PHÂN BỐ NGUỒN LỰC NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ	11	4		15	30	
2.1. Độc quyền <i>2.1.1. Độc quyền thường</i> <i>2.1.2 Độc quyền tự nhiên</i>	2	1		3	10	Đọc TLC 1,2 chương 2
2.2. Ngoại ứng <i>2.2.1. Khái niệm và đặc điểm</i> <i>2.2.2. Ngoại ứng tiêu cực</i> <i>2.2.3. Ngoại ứng tích cực</i>	2	1		3	8	Đọc TLC 1,2 chương 2
2.3. Hàng hóa công cộng <i>2.3.1. Khái niệm và thuộc tính cơ bản của HHCC</i> <i>2.3.2. Cung cấp HHCC</i> <i>2.3.3. Cung cấp công cộng HHCN</i>	6	2		8	10	Đọc TLC 1,2 chương 2
2.4. Thông tin không đối xứng <i>2.4.1. Tính phi hiệu quả</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>của thị trường do thông tin không đối xứng</i></p> <p><i>2.4.2. Nguyên nhân gây ra hiện tượng thông tin không đối xứng</i></p> <p><i>2.4.3. Mức độ nghiêm trọng của thất bại về thông tin không đối xứng</i></p> <p><i>2.4.4. Các giải pháp khắc phục thông tin không đối xứng</i></p>						
Kiểm tra			1	1		
Chương 3. CHÍNH PHỦ VỚI VAI TRÒ PHÂN PHỐI LẠI THU NHẬP	9	2	1	12	20	
<p>3.1. Công bằng và các thước đo bất bình đẳng trong phân phối thu nhập</p> <p><i>3.1.1. Khái niệm công bằng</i></p> <p><i>3.1.2. Thước đo mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập</i></p> <p><i>3.1.3. Nguyên nhân bất bình đẳng trong phân phối</i></p>	5	1		6	15	Đọc TLC 1,2 chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thu nhập</i>						
<p>3.2. Các lý thuyết về phân phối lại thu nhập</p> <p>3.2.1. <i>Thuyết vị lợi</i></p> <p>3.2.2. <i>Quan điểm bình quân đồng đều</i></p> <p>3.2.4. <i>Các quan điểm không dựa trên độ thỏa dụng cá nhân</i></p>	2	1		3	5	Đọc TLC 1,2 chương 3
<p>3.3. Mối quan hệ giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội</p> <p>3.3.1. <i>Quan điểm cho rằng mỗi quan hệ có mâu thuẫn</i></p> <p>3.3.2. <i>Quan điểm cho rằng mỗi quan hệ không có mâu thuẫn</i></p>	1			1	4	Đọc TLC 1,2 chương 3
<p>3.4. Đói nghèo và giải pháp xóa đói giảm nghèo</p> <p>3.4.1. <i>Quan niệm về đói nghèo và thước đo đói nghèo</i></p> <p>3.4.2. <i>Tình hình đói nghèo ở Việt Nam và định hướng chính sách xóa đói giảm</i></p>	1		1	2	6	Đọc TLC 1,2 chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nghèo</i>						
Chương 4. LỰA CHỌN CÔNG CỘNG	3	1		4	10	
4.1. Lợi ích của lựa chọn công cộng <i>4.1.1. Khái niệm lựa chọn công cộng</i> <i>4.1.2. Lợi ích của lựa chọn công cộng</i>	1	1		2	6	Đọc TLC 1,2 chương 4
4.2. Lựa chọn công cộng trong cơ chế biểu quyết trực tiếp <i>4.2.1. Các nguyên tắc lựa chọn công cộng</i> <i>4.2.2. Các phiên bản của nguyên tắc biểu quyết theo đa số tuyệt đối</i> <i>4.2.3. Định lý bất khả thi Arrow</i>	1,5			1,5	2	Đọc TLC 1,2 chương 4
4.3. Lựa chọn công cộng trong cơ chế biểu quyết đại diện <i>4.3.1. Những hạn chế của một chính phủ đại diện</i> <i>4.3.2. Những khó khăn</i>	0,5			0,5	2	Đọc TLC 1,2 chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trong quản lý cơ quan hành chính nhà nước</i>						
Kiểm tra			1	1		
Chương 5. CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH CAN THIỆP CHỦ YẾU CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	5	1		6	20	
5.1. Nhóm công cụ chính sách và quy định pháp lý <i>5.1.1. Nhóm quy định khung</i> <i>5.1.2 Nhóm kiểm soát trực tiếp</i>	1,5	1		2,5	10	Đọc TLC 1,2,3 chương 5
5.2. Nhóm công cụ chính sách tạo cơ chế thúc đẩy thị trường <i>5.2.1. Tự do hóa thị trường</i> <i>5.2.2. Hỗ trợ sự hình thành thị trường</i> <i>5.2.3. Mô phỏng thị trường</i>	1,5			1,5	6	Đọc TLC 1,,2,3 chương 5
5.3. Nhóm công cụ chính	2			2	4	Đọc TLC 1,,2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sách điều tiết bằng thuế và trợ cấp <i>5.3.1. Thuế</i> <i>5.3.2. Trợ cấp</i>						chương 5
Cộng	34	8	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.29 Phân tích chi phí - lợi ích

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phân tích chi phí - lợi ích**
 - Tiếng Anh: **Cost - Benefit Analyst**
- Mã học phần: CBA203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô 1, Tài chính - tiền tệ
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết

- Bài tập: 05 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nắm được những kiến thức cơ bản về Phân tích chi phí - lợi ích bao gồm: Các khái niệm chủ yếu trong phân tích chi phí - lợi ích; Các bước thực hiện một phân tích chi phí - lợi ích; Cơ sở lựa chọn giữa các phương án trong phân tích chi phí - lợi ích; Hướng dẫn cách nhận dạng các lợi ích và chi phí của một chương trình, dự án cụ thể; Phương pháp đánh giá lợi ích và chi phí có giá thị trường và không có giá thị trường; Chiết khấu và suất chiết khấu xã hội trong phân tích chi phí - lợi ích; các tiêu chí cơ bản quyết định lựa chọn giữa các phương án; Vấn đề rủi ro và vai trò của phân tích độ nhạy; Ứng dụng phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn các dự án kinh tế tài nguyên và môi trường.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được các giá trị lợi ích và chi phí của một dự án tài; Phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích chi phí - lợi ích trong quản lý tài nguyên môi trường.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Viết được báo cáo phân tích lợi ích chi phí của một dự án đầu tư; Thực hiện được một phân tích chi phí - lợi ích hoàn chỉnh cho một số dự án tài nguyên môi trường trong thực tiễn.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng được kiến thức về phân tích chi phí - lợi ích làm cơ sở giúp các nhà quản lý đưa ra được các quyết định trong việc lựa chọn các phương án trong quá trình thực hiện một dự án tài nguyên, môi trường.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Phân tích chi phí - lợi ích trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích chi phí - lợi ích được sử dụng trong việc lựa chọn các phương án khác nhau để thực hiện một dự án đầu tư. Phân tích chi phí - lợi ích là một quá trình nhận dạng, đo lường và so sánh các lợi ích và chi phí xã hội của một dự án đầu tư hay một chương trình nhằm xem xét việc phân bổ nguồn lực khan hiếm vào các mục đích sử dụng hiệu quả nhất. Cùng với nhiều kiến thức bổ trợ khác, học phần cung cấp cho người đọc một trong những công cụ phân tích kinh tế hữu ích nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn những phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng góp phúc lợi cho xã hội.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Võ Hùng Sơn (2003), *Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí*, Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

2. Phạm Thị Bích Thủy (2011), *Phân tích Lợi ích chi phí*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

3. Campbell, H., and Brown (2003), *Benefit-Cost Analysis: Financial and Economic Appraisal Using Spreadsheets*, Cambridge.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Boardman, David H. Greenberg, Aidan R. Vining, and David L. Weimer, (2001), *Cost-Benefit Analysis: Concepts and Practice, 2nd Edition*.

2. Pedro Belli, Viện Ngân hàng Thế giới (2001), *Phân tích kinh tế các hoạt động đầu tư: Công cụ phân tích và ứng dụng thực tế*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp nêu vấn đề;
- Phương pháp hoạt động nhóm.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận;

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên;

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHẬP MÔN PHÂN TÍCH CHI PHÍ - LỢI ÍCH	8			8	16	
1.1. Sự cần thiết phải phân tích chi phí - lợi ích	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 2, chương 1.
1.2. Khái niệm phân tích chi phí - lợi ích <i>1.2.1. Định nghĩa phân tích chi phí - lợi ích</i>	5			5	10	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 2, chương 1. Đọc TLC 3, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2.2. Vai trò của phân tích chi phí - lợi ích</p> <p>1.2.3. Phân loại phân tích chi phí - lợi ích</p> <p>1.2.4. Mục đích sử dụng phân tích chi phí - lợi ích</p> <p>1.2.5. Phân biệt phân tích chi phí - lợi ích (CBA) với phân tích tài chính (FA)</p> <p>1.2.6. Hạn chế của phân tích chi phí - lợi ích</p>						
1.3. Các bước phân tích chi phí - lợi ích	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA PHÂN TÍCH CHI PHÍ - LỢI ÍCH	6			6	12	
<p>2.1. Mục tiêu kinh tế trong phân tích chi phí - lợi ích</p> <p>2.2. Tối ưu Pareto và các khái niệm về hiệu quả</p> <p>2.2.1. Khái niệm tối ưu Pareto</p> <p>2.2.2. Phân biệt cải thiện Pareto thực tế và cải thiện Pareto tiềm năng</p>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2,3. Đọc TLC 2, chương 2,3.
2.3. Một số khái niệm khác	4,5			4,5	9	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.3.1. Cầu - cung thị trường</p> <p>2.3.2. Chi phí cơ hội</p> <p>2.3.3. Lợi ích xã hội ròng</p> <p>2.3.4. Giá sẵn lòng trả</p> <p>2.3.5. Thặng dư xã hội và tối ưu Pareto</p> <p>2.4. Sử dụng CBA để lựa chọn giữa các phương án</p>						2,3. Đọc TLC 2, chương 2,3. Đọc TLC 3, chương 7.
Chương 3. ĐÁNH GIÁ LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ	16	3		19	38	
3.1. Xác định phương án	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4,5,6.
<p>3.2. Xác định các lợi ích và chi phí</p> <p>3.2.1. Chi phí chìm</p> <p>3.2.2. Các khoản thanh toán chuyển nhượng</p> <p>3.2.3. Các khoản cho, tặng và đóng góp bằng hiện vật</p> <p>3.2.4. Ngoại ứng</p> <p>3.2.5. Chi phí cơ hội</p>	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 4,5,6. Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 4,5.
<p>3.3. Lượng hóa lợi ích và chi phí</p> <p>3.3.1. Trường hợp lượng</p>	10	3		13	26	Đọc TLC 1, chương 4,5,6. Đọc TLC 2, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hóa lợi ích và chi phí có giá thị trường</i> 3.3.2. Trường hợp lượng hóa lợi ích và chi phí không có giá thị trường						Đọc TLC 3, chương 4,5.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CHIẾT KHẤU DÒNG LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ	5	2		7	14	
4.1. Tỷ lệ chiết khấu 4.1.1. Khái niệm chiết khấu và tỷ suất chiết khấu 4.1.2. Tầm quan trọng của tỷ suất chiết khấu 4.1.3. Xác định tỷ suất chiết khấu xã hội 4.2. Giá trị cuối cùng	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 7,8,10. Đọc TLC 2, chương 8. Đọc TLC 3, chương 9,10.
4.3. Tính toán các chỉ tiêu đánh giá 4.3.1. Giá trị hiện tại ròng (NPV) 4.3.2. Hệ số nội hoàn vốn (IRR) 4.3.3. Tỷ suất lợi ích - chi phí (BCR)	1,5	2		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 7,8,10. Đọc TLC 2, chương 9.
4.4. Phân tích độ nhạy	1			1	2	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4.1. Bản chất phân tích độ nhạy 4.4.2. Các giai đoạn phân tích độ nhạy						7,8,10. Đọc TLC 2, chương 10. Đọc TLC 3, chương 9,10.
Kiểm tra			1	1	2	
Thảo luận			3	3	6	Đọc TLC 1,2,3, TLĐT 1,2
Cộng	35	5	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.30 Kinh tế học biến đổi khí hậu

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế học biến đổi khí hậu**
 - Tiếng Anh: **Economics of Climate Change**
- Mã học phần: ECC202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 04 tiết

- Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần Kinh tế học biến đổi khí hậu, người học phải trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản về kinh tế như: Cung, cầu, thị trường, lợi ích, chi phí, lợi ích ròng...; Trình bày và phân tích được các khía cạnh kinh tế - xã hội trong biến đổi khí hậu; Trình bày và phân tích được khía cạnh kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu; Phân tích các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam và trên thế giới.

- *Về kỹ năng:*

- Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được khía cạnh kinh tế trong biến đổi khí hậu; trong ứng phó với biến đổi khí hậu
- Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp kinh tế để xác định các lợi ích, chi phí liên quan đến biến đổi khí hậu
- Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá kinh tế về biến đổi khí hậu có thể vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề kinh tế học biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Ý thức được tầm quan trọng của ứng phó với biến đổi khí hậu trong sự phát triển của mỗi quốc gia và trên toàn cầu.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Kinh tế học biến đổi khí hậu nghiên cứu các vấn đề biến đổi khí hậu, ứng phó với biến đổi khí hậu với viễn cảnh và những ý tưởng phân tích của kinh tế học. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, cách tiếp cận kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu; từ đó đưa ra các giải

pháp, các chính sách để kiểm soát các tác động từ biến đổi khí hậu đến hoạt động của con người, hướng đến phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2009), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Trần Thọ Đạt (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải Hà Nội.
3. Vũ Kim Dũng (2012), *Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô*, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Lao động – xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. *Tác động của biến đổi khí hậu tới tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam (2012)*.
2. Nicholas Stern (2006), *The Stern Review: The Economics of Climate Change*.
3. Althony D.Owen (2004), *The Economics of Climate Change*
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2008), *Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu – Triển khai theo Nghị quyết số 60/2007/NQ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
 - Phương pháp hoạt động nhóm
 - Phương pháp chia sẻ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần: Yêu cầu và cách thức đánh giá được đánh giá thông qua các tiêu chí như:

- Sự hiện diện trên lớp: Không được nghỉ quá 30% số tiết học trên lớp
- Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.
 - Trong quá trình học, giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA KINH TẾ HỌC	8	1		9	18	
1.1 Những vấn đề chung về kinh tế học <i>1.1.1 Khái niệm về kinh tế học</i> <i>1.1.2 Các vấn đề cơ bản của kinh tế học</i> <i>1.1.3 Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất</i> <i>1.1.4 Một số phương pháp nghiên cứu cơ bản trong kinh tế học</i>	3			3	6	Đọc TLC 3, Chương 1; Đọc TLDT 2, Chương 1.
1.2 Một số công cụ phân tích	3	1		4	6	Đọc TLC 1, Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh tế cơ bản <i>1.2.1 Cầu</i> <i>1.2.2 Cung</i> <i>1.2.3 Thị trường</i>						2 Đọc TLĐT 2, Chương 2 Đọc TLĐT 3, Chương 3
1.3 Lợi ích ròng xã hội và hiệu quả Pareto <i>1.3.1 Lợi ích ròng xã hội</i> <i>1.3.2 Hiệu quả Pareto</i>	2			2	6	Đọc TLC 1, Chương 2 Đọc TLĐT 2, Chương 2 Đọc TLĐT 3, Chương 3
Chương 2. CÁC KHÍA CẠNH KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	6	2		8	16	
2.1. Các thất bại thị trường liên quan tới biến đổi khí hậu <i>2.1.1. Khái quát về thất bại thị trường</i> <i>2.1.2. Ngoại ứng</i> <i>2.1.3. Giảm nhẹ biến đổi khí hậu</i>	5	2		7	8	Đọc TLC 1, Chương 2 Đọc TLĐT 3, Chương 3
2.2. Các khía cạnh đạo đức trong phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu	1			1	8	Đọc TLC 1, Chương 2 Đọc TLĐT 4,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến phúc lợi của con người</p> <p>2.2.2. Tác động của biến đổi khí hậu tới tính công bằng</p> <p>2.2.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến các quyền của con người</p>						Chương 3
Chương 3. KINH TẾ HỌC GIẢM NHẸ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	3	1		4	8	
<p>3.1. Cơ sở lý thuyết về xác định mức phát thải khí nhà kính toàn cầu tối ưu</p> <p>3.1.1. Xác định các chi phí xã hội liên quan đến khí nhà kính</p> <p>3.1.2. Xác định mức phát thải khí nhà kính toàn cầu tối ưu</p>	1			1	4	Đọc TLC 1, Chương 3 Đọc TLĐT 3, Chương 4
<p>3.2. Các giải pháp nhằm đạt được mức phát thải khí nhà kính tối ưu</p> <p>3.2.1. Các nhóm giải pháp</p>	2	1		3	4	Đọc TLC 1, Chương 3 Đọc TLĐT 3, Chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>mệnh lệnh - kiểm soát</i> 3.2.2. Nhóm giải pháp công cụ kinh tế						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ HỌC THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	5	1	1	7	14	
4.1. Thích ứng với biến đổi khí hậu trên quan điểm kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 2, Chương 4 Đọc TLĐT 3, Chương 5
4.2. Phân tích chi phí – lợi ích trong thích ứng với biến đổi khí hậu <i>4.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của phân tích chi phí – lợi ích</i> <i>4.2.2. Khung phân tích chi phí – lợi ích</i> <i>4.2.3. Chiết khấu</i> <i>4.2.4. Các chỉ tiêu sử dụng khi đánh giá dự án</i>	2	1		3	3	Đọc TLC 1, Chương 4 Đọc TLĐT 3, Chương 5
4.3. Các quyết định kinh tế về thích ứng với biến đổi khí hậu của các chủ thể kinh tế	1			1	3	Đọc TLC 1, Chương 4 Đọc TLĐT 8,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.1. Quyết định của khu vực tư nhân 4.3.2. Quyết định của khu vực nhà nước						Chương 6
4.4. Thách thức của phân tích kinh tế các biện pháp thích ứng	1		1	2	3	Đọc TLC 1, Chương 5 Đọc TLĐT4, Chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	4	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.31 Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Resources and Environmental Valuation**
- Mã học phần: REV203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô 1, Tài chính - tiền tệ
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề lý luận của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường như: phương pháp luận, các nhóm phương pháp định giá, cách tính toán và sử dụng đối với từng phương pháp định giá giá trị tài nguyên và môi trường; Ứng dụng được định giá kinh tế tài nguyên và môi trường trong việc ra quyết định về các dự án kinh tế tài nguyên và môi trường.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá, lượng hóa được các giá trị của tài nguyên, môi trường.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được kiến thức trong việc nghiên cứu và thực hành định giá kinh tế tài nguyên môi trường.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng được kiến thức về định giá kinh tế tài nguyên, môi trường làm cơ sở giúp các nhà quản lý đưa ra được các quyết định trong việc lựa chọn các phương án trong quá trình thực hiện một dự án tài nguyên, môi trường.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về định giá kinh tế tài nguyên và môi trường - một trong những công cụ phân tích kinh tế nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định đánh giá và lựa chọn được phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng góp phúc lợi cho xã hội đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

- Tổng quan về cơ sở lý thuyết của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường;
- Giới thiệu các phương pháp định giá kinh tế tài nguyên và môi trường;
- Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường ở Việt Nam và trên thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), *Lượng giá tài nguyên và môi trường: Từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải.

2. Nguyễn Thế Chinh (2013), *Lượng giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm, suy thoái môi trường*, NXB Chính trị Quốc gia.

3. Bateman J. (2003), *Economic Valuation with state preference techniques: a manual*, Edward elgar Publishing, London.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Hữu Tuấn (2009), *Định giá tài nguyên môi trường*, Nhà xuất bản ĐH Huế.

2. Svento, R. (1999), *Environmental and Resource Economics, On the asymmetry of the vagueness band in willingness to pay answers*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp tự nghiên cứu và thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐỊNH GIÁ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6			6	12	
1.1. Khái niệm và vai trò của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,2; Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Cơ sở lý thuyết của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường <i>1.2.1. Giá trị kinh tế của tài nguyên và môi trường</i> <i>1.2.2. Một số lý thuyết của định giá kinh tế tài</i>	5			5	10	Đọc TLC 1, chương 1,2; Đọc TLC 3, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nguyên và môi trường</i>						
Chương 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	17	7		24	48	
2.1. Nhóm phương pháp dựa vào thị trường thực <i>2.1.1. Phương pháp giá thị trường</i> <i>2.1.2. Phương pháp chi phí thay thế</i> <i>2.1.3. Phương pháp chi phí thiệt hại tránh được</i> <i>2.1.4. Phương pháp thay đổi năng suất</i> <i>2.1.5. Phương pháp chi phí sức khỏe</i> <i>2.1.6. Phương pháp phân tích cư trú tương đương</i>	7	4		11	22	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 3,4; Đọc TLC 3, chương 2.
2.2. Nhóm phương pháp dựa vào thị trường thay thế <i>2.2.1. Phương pháp chi</i>	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phí dụ lịch</i> 2.2.2. Phương pháp giá trị hưởng thụ 2.2.3. Phương pháp hàm sản xuất						
2.3. Nhóm phương pháp dựa vào thị trường giả định 2.3.1. Phương pháp đánh giá ngẫu nhiên 2.3.2. Phương pháp mô hình lựa chọn	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 2.
2.4. Một số phương pháp lượng giá khác 2.4.1. Phương pháp chuyển giao lợi ích 2.4.2. Phân tích chi phí – lợi ích 2.4.3. Mô hình I-O trong nghiên cứu quan hệ giữa kinh tế và môi trường	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 2.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. ĐỊNH GIÁ KINH TẾ TÀI	6	4		10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM VÀ TRÊN THẾ GIỚI						
3.1. Một số nghiên cứu cơ bản về định giá kinh tế tài nguyên và môi trường ở Việt Nam	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6,7,9,11; Đọc TLC 2, chương 2,3.
3.2. Những khó khăn khi áp dụng các phương pháp định giá kinh tế tài nguyên, môi trường ở Việt Nam và các nước đang phát triển	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6,7,9,11; Đọc TLC 2, chương 2,3.
3.3. Một số nghiên cứu điển hình về định giá kinh tế tài nguyên và môi trường trên thế giới	2	4		6	12	Đọc TLC 1, chương 6,7,9,11.
Kiểm tra			1	1	2	
Thảo luận			3	3	6	Đọc TLC 1,2,3, TLĐT 1,2
Cộng	29	11	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.32 Phương pháp nghiên cứu kinh tế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu kinh tế**
 - Tiếng Anh: **Economics Research Methods**
- Mã học phần: ERM203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phân tích định lượng, Kinh tế vĩ mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24,5 tiết
 - Bài tập: 2,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 79 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* nắm được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu kinh tế như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế.

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài

nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu kinh tế: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và qui trình nghiên cứu kinh tế. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu kinh tế: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu kinh tế; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu kinh tế: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Tài chính.

3. Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Huy Bá (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục

2. Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Lao động – xã hội

3. Nguyễn Văn Song (2012), *Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường*, NXB Đại học Nông nghiệp

4. Ethridge (2004), *Research Methodology in Applied Economics*, 2nd edition, Blackwell Publishing.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Giảng dạy lý thuyết, bài tập hoạt động theo nhóm và tự nghiên cứu

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%,

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KINH TẾ	4,5			4,5	10	
1.1 Khái quát về nghiên cứu khoa học	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.1.1 Định nghĩa nghiên cứu khoa học</p> <p>1.1.2 Các nhân tố cấu thành hoạt động nghiên cứu khoa học</p> <p>1.1.3 Mức độ nghiên cứu khoa học</p> <p>1.1.4 Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học</p> <p>1.1.5 Các loại hình nghiên cứu khoa học</p>						<p>chương 2; 3</p> <p>Đọc TLC2, chương 1</p> <p>Đọc TLC3, chương 1</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 1</p>
<p>1.2 Khái quát về nghiên cứu kinh tế</p> <p>1.2.1 Định nghĩa nghiên cứu kinh tế</p> <p>1.2.2 Phân loại nghiên cứu kinh tế</p> <p>1.2.3 Vai trò của nghiên cứu kinh tế</p> <p>1.2.4 Quy trình nghiên cứu kinh tế</p>	2			2	5	<p>Đọc TLC 1, chương 2; 3</p> <p>Đọc TLC2, chương 1</p> <p>Đọc TLC3, chương 1</p>
CHƯƠNG 2 XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU KINH TẾ	2,5	0,5		3	9	
<p>2.1 Khái niệm vấn đề nghiên cứu kinh tế</p> <p>2.1.1 Định nghĩa vấn đề nghiên cứu</p> <p>2.1.2 Một số vấn đề nghiên cứu thường gặp trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên</p>	1			1	3	<p>Đọc TLC2, chương 2</p> <p>Đọc TLĐT2, chương 2</p>
<p>2.2 Xác định vấn đề nghiên cứu</p> <p>2.2.1 Phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu</p> <p>2.2.2 Xây dựng cây vấn đề và cây mục tiêu</p> <p>2.2.3 Xác định vấn đề nghiên cứu ưu tiên</p>	1,5	0,5		2	6	<p>Đọc TLC2, chương 2</p> <p>Đọc TLĐT2, chương 2</p>
CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	5	1	0,5	6,5	19	
<p>3.1 Khái niệm về thiết kế nghiên cứu</p> <p>3.1.1 Định nghĩa thiết kế nghiên cứu</p> <p>3.1.2 Phân loại thiết kế nghiên cứu</p>	1			1	3	<p>Đọc TLC1, chương 6</p> <p>Đọc TLC 2, chương 3; 4</p>
<p>3.2 Quy trình thiết kế nghiên cứu</p> <p>3.2.1 Đặt tên đề tài nghiên cứu</p> <p>3.2.2 Tổng quan vấn đề nghiên cứu</p> <p>3.2.3 Xác định phương pháp luận</p>	3	0,5		3,5	10	<p>Đọc TLC1, chương 6</p> <p>Đọc TLC 2, chương 3; 4</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i> nghiên cứu</i> 3.2.4 <i> Xây dựng khung logic nghiên cứu</i> 3.2.5 <i> Xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu</i>						Đọc TLC 3, chương 2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3
3.3 <i>Thiết kế công cụ thu thập dữ liệu</i> 3.3.1 <i>Phát triển khái niệm nghiên cứu và xây dựng thang đo</i> 3.3.3 <i>Xây dựng bảng hỏi</i>	1	0,5	0,5	2	6	Đọc TLC1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4 CHỌN MẪU VÀ TỔ CHỨC THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	2,5	0,5		3	8	
4.1 <i>Chọn mẫu nghiên cứu</i> 4.1.1 <i>Lý do phải chọn mẫu với nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</i> 4.1.2 <i>Phương pháp chọn mẫu xác suất</i> 4.1.3 <i>Phương pháp chọn mẫu phi xác suất</i> 4.1.4 <i>Hạn chế của điều tra chọn mẫu</i>	1,5			1,5	4	Đọc TLC1, chương 4 Đọc TLC2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 7 Đọc TLĐT 2, chương 4
4.2 <i>Tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu</i> 4.2.1 <i>Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp</i> 4.2.2 <i>Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp</i>	1	0,5		1,5	4	Đọc TLC1, chương 4 Đọc TLC2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 7 Đọc TLĐT 2, chương 4
CHƯƠNG 5 XỬ LÝ, PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	7	1		8	24	
5.1 <i>Phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu</i> 5.1.1 <i>Khái niệm về xử lý dữ liệu</i> 5.1.2 <i>Quy trình xử lý dữ liệu</i> 5.1.3 <i>Một số phần mềm xử lý dữ liệu thông dụng trong nghiên cứu kinh tế</i>	1	1		2	6	Đọc TLC1, chương 4 Đọc TLC2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2 Phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu 5.2.1 Khái niệm về phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu 5.2.2 Thống kê mô tả 5.2.3 Kiểm định sự tin cậy của thang đo 5.2.4 Phân tích nhân tố khám phá 5.2.5 Phân tích tương quan 5.2.6 Phân tích hồi quy	3,5			3,5	11	Đọc TLC1, chương 4 Đọc TLC2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5
5.4 Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu 5.4.1 Trình bày dạng văn viết 5.4.2 Trình bày bảng 5.4.3 Trình bày hình	2,5			2,5	7	Đọc TLC1, chương 4 Đọc TLC2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5
CHƯƠNG 6 TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU	3			3	9	
6.1 Báo cáo nghiên cứu 6.1.1 Khái niệm báo cáo nghiên cứu 6.1.2 Nguyên tắc trình bày báo cáo nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
6.2 Đề cương nghiên cứu 6.2.1 Khái niệm về đề cương nghiên cứu 6.2.2 Cấu trúc của đề cương nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
6.3 Báo cáo khoa học 6.3.1 Cấu trúc của báo cáo khoa học 6.3.2 Định dạng báo cáo khoa học	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC3, chương 10
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	24,5	2,5	3	30	79	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.33 Kế toán tài chính

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán tài chính**
 - Tiếng Anh: **Financial Accounting**

- Mã học phần: FACT203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Natural Resource Economics
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất.

- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng về nhận thức:* Nắm vững toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.

- + *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

- + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- + *Kỹ năng tư duy:* Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các

biện pháp giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Thị Đông (2013), *Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán*, NXB Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập và bài giải Kế toán tài chính*, NXB lao động – xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu,..

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm

- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	4	2		6	12	
1.1. Kế toán tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình <i>1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định</i> <i>1.1.2. Phân loại tài sản cố định</i> <i>1.1.3. Đánh giá tài sản cố định</i> <i>1.1.4. Kế toán tổng hợp tài sản cố định</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.1.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định</p> <p>1.1.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định</p>						
<p>1.2. Kế toán thuê tài sản cố định</p> <p>1.2.1. Khái niệm tài sản cố định thuê tài chính</p> <p>1.2.2. Kế toán tài sản cố định thuê tài chính</p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
<p>1.3. Kế toán bất động sản đầu tư</p> <p>1.3.1. Khái niệm bất động sản đầu tư</p> <p>1.3.2. Kế toán bất động sản đầu tư</p>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
<p>1.4. Kế toán các khoản đầu tư tài chính</p> <p>1.4.1. Khái niệm</p> <p>1.4.2. Nội dung các khoản đầu tư tài chính</p> <p>1.4.3. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</p>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.4.4. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con</p> <p>1.4.5. Kế toán các khoản đầu tư khác</p> <p>1.4.6. Kế toán dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác</p>						
Chương 2. KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ	3	1		4	8	
<p>2.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Nhiệm vụ kế toán</p>	0,5			0,5	1	<p>Đọc TLC 1, chương 2;</p> <p>Đọc TLĐT 1, chương 3.</p>
2.2. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.						
<p>2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>2.3.1. Tính giá vật tư nhập kho</p> <p>2.3.2. Tính giá vật tư xuất kho</p>	0,5			0,5	1	<p>Đọc TLC 1, chương 2;</p> <p>Đọc TLĐT 1, chương 3.</p>
2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.4.1. Phương pháp thẻ song song</p> <p>2.4.2. Phương pháp số đối chiếu luân chuyển</p> <p>2.4.3. Phương pháp số số dư</p>						Đọc TLĐT 1, chương 3.
<p>2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>2.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên</p> <p>2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 3.
Chương 3. KẾ TOÁN LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	3	1		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;
3.2. Các hình thức tiền lương						Đọc TLĐT 1, chương 5.
3.3. Phân loại tiền lương						
3.4. Phân loại lao động						
3.5. Kế toán tổng hợp tiền lương <i>3.5.1. Chứng từ kế toán</i> <i>3.5.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>3.5.3. Phương pháp kế toán</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 5.
3.6. Kế toán Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp <i>3.6.1. Chứng từ kế toán</i> <i>3.6.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>3.6.3. Phương pháp kế toán</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 5.
Chương 4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	4	2		6	12	
4.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm-dịch vụ và nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm-dịch vụ</p> <p>4.1.2. Nhiệm vụ kế toán</p>						chương 6.
<p>4.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất - đối tượng tính giá thành</p> <p>4.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất</p> <p>4.2.2. Đối tượng tính giá thành</p>						
4.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất						
4.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong xí nghiệp sản xuất công nghiệp	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6.
4.5. Phương pháp tính giá thành						
4.6. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành bộ phận sản xuất phụ						
4.7. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của sản xuất chính trong sản xuất công	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nghiệp 4.7.1. Khái quát về hoạt động sản xuất công nghiệp 4.7.2. Xác định nội dung kinh tế và kết cấu giá thành sản phẩm công nghiệp 4.7.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp						chương 6.
4.8. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành ngành sản xuất nông nghiệp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM, XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH	5	1		6	12	
5.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chính 5.1.1. Kế toán doanh thu hoạt động sản xuất kinh	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>doanh</i> 5.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán 5.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp						
5.2. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động tài chính 5.2.1. Nội dung chi phí và doanh thu hoạt động tài chính 5.2.2. Tài khoản sử dụng 5.2.3. Phương pháp kế toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.3. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác 5.3.1. Nội dung chi phí và thu nhập khác 5.3.2. Tài khoản sử dụng 5.3.3. Phương pháp kế toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.4. Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp 5.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.6. Kế toán phân phối kết quả kinh doanh						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3	1		4	8	
6.1. Tổng quan về hệ thống Báo cáo tài chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5;
6.2. Hệ thống Báo cáo tài chính 6.2.1. Bảng cân đối kế toán 6.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6.2.4. Thuyết minh Báo cáo tài chính	2,5	1		3,5	7	Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.34 Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên**
 - Tiếng Anh: **Community Approach in Resource Management**
- Mã học phần: CORM 203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 03tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên, người học phải trình bày và phân tích được một số kiến thức cơ bản về cộng đồng, phát triển cộng đồng, quản lý tài nguyên, tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên... ; Trình bày được các nguồn lực cho phát triển cộng đồng, một số cung cụ sử dụng để thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng; Phân tích được sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng kế hoạch, thực hiện, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý tài nguyên; Trình

bày được một số ví dụ điển hình về tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức:* Nhận thức, phân tích và đánh giá được tầm quan trọng của cộng đồng trong việc quản lý tài nguyên.
- + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức vào quản lý tài nguyên, thực hiện quản lý tài nguyên đạt hiệu quả có sự tham gia của cộng đồng.
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, có thể vận dụng thực hiện các mô hình quản lý các loại tài nguyên khác nhau có sự tham gia của cộng đồng.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về quản lý các loại tài nguyên, thực hiện vận động cộng đồng tham gia vào hoạt động quản lý tài nguyên nhưng không vi phạm các luật lệ, truyền thống, các phong tục tập quán tại các địa phương.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên nghiên cứu những nội dung cơ bản về cộng đồng và phát triển cộng đồng: Khái niệm cộng đồng, khái niệm phát triển cộng đồng, mục tiêu, nội dung, nguyên lý của phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, sự tham gia, năng lực tự quản, các mâu thuẫn trong cộng đồng; khái niệm và vai trò của quản lý tài nguyên; khái niệm và sự cần thiết của tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Các nguồn lực cho phát triển cộng đồng; các công cụ thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Sự tham gia của cộng đồng; sự tham gia của cộng đồng trong quản lý một số tài nguyên ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Huỳnh Quang Tín (2011), *Giáo trình Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở phát triển cộng đồng*, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.

2. Nguyễn Văn Song (2013), *Kinh tế tài nguyên rừng*, NXB Đại học Nông nghiệp.
3. Trần Đức Viên, Nguyễn Vinh Quang, Mai Văn Thành (2005), *Phân cấp trong quản lý tài nguyên rừng và sinh kế người dân*, NXB Nông nghiệp.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Danh Tĩnh (2006), *Quản lý tài nguyên nước dựa vào cộng đồng ở Việt Nam*, Hà Nội.
2. Dương Việt Tình, Trần Hữu Nghị (2012), *Lâm Nghiệp cộng đồng ở miền trung Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như:

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TIẾP CẬN CỘNG ĐỒNG TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN	10		1	11	22	
1.1 Cộng đồng và phát triển cộng đồng <i>1.1.1. Cộng đồng</i> <i>1.1.2. Phát triển cộng đồng</i>	7			7	14	Đọc TLC 1, chương 4;
1.2. Quản lý tài nguyên <i>1.2.1. Khái niệm</i> <i>1.2.2. Vai trò của quản lý tài nguyên</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;
1.3. Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên <i>1.3.1. Sự cần thiết phải tăng cường vai trò của cộng đồng trong quản lý tài nguyên</i> <i>1.3.2. Khái niệm tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên</i> <i>1.3.3. Ảnh hưởng của văn hóa, luật tục đến quản lý tài nguyên</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 1, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 2. THỨC ĐẨY SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG QUẢN LÝ	13		1	14	28	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TÀI NGUYÊN						
2.1. Cơ sở lý thuyết thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng <i>2.1.1. Tổ chức cộng đồng</i> <i>2.1.2. Phát triển các nguồn lực cho cộng đồng</i> <i>2.1.3. Một số công cụ thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng</i>	6,5			6,5	13	Đọc TLC 1, chương 4
2.2. Thúc đẩy sự tham gia của đồng trong quản lý tài nguyên <i>2.2.1. Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng kế hoạch quản lý tài nguyên</i> <i>2.2.2. Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thực hiện kế hoạch quản lý tài nguyên</i> <i>2.2.3. Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch quản lý tài nguyên</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 4
2.3. Một số kỹ năng cần thiết của thúc đẩy viên cộng đồng <i>2.3.1. Kỹ năng nói</i> <i>2.3.2. Kỹ năng lắng nghe</i> <i>2.3.3. Kỹ năng hỏi lấy thông tin</i>	3,5			3,5	7	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.4. Kỹ năng quan sát 2.3.5. Kỹ năng làm việc nhóm 2.3.6. Kỹ năng ra quyết định						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. NGHIÊN CỨU VÍ DỤ ĐIỂN HÌNH VỀ TIẾP CẬN CỘNG ĐỒNG TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN Ở VIỆT NAM	2		3	5	10	
3.1. Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên nước ở Việt Nam <i>3.1.1. Hiện trạng tài nguyên nước ở Việt Nam</i> <i>3.1.2. Quản lý tài nguyên nước dựa vào cộng đồng ở Việt Nam: góc nhìn từ chính sách và thể chế</i> <i>3.1.3. Cách tiếp cận và mô hình quản lý tài nguyên nước dựa vào cộng đồng ở Việt Nam</i>	1		2	3	6	Đọc TLĐT 1, chương 2
3.2. Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên rừng ở Việt Nam <i>3.2.1. Hiện trạng tài nguyên rừng ở Việt Nam</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.2.2. Quản lý tài nguyên rừng phải phù hợp với chính sách và pháp luật</p> <p>3.2.3. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của các bên liên quan được áp dụng trong tiến trình quản lý rừng cộng đồng</p>						
Cộng	25		5	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.35 Dự báo phát triển kinh tế xã hội

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Dự báo phát triển kinh tế xã hội**
 - Tiếng Anh: **Social and Economic Development Forecasting**
- Mã học phần: SEDF203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế, Phân tích định lượng.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 17 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 74 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học phải trình bày được vấn đề lý luận cơ bản của dự báo phát triển kinh tế - xã hội; nắm được các phương pháp dự báo phát triển kinh tế - xã hội cơ bản; hiểu được các ưu điểm và nhược điểm của từng phương pháp dự báo; nhận thức được tầm quan trọng của dự báo phát triển kinh tế - xã hội và biết vận dụng các phương pháp dự báo trong quá trình hoạch định chính sách và quản lý.
- *Về kỹ năng:* Tăng cường năng lực tiên đoán các vấn đề kinh tế - xã hội thông qua các phương pháp dự báo; nâng cao kỹ năng thu thập, lựa chọn và tổng hợp các

thông tin về các vấn đề kinh tế - xã hội; phân tích được các xu hướng phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay.

Thông qua làm việc nhóm, người học có kỹ năng tự nghiên cứu độc lập và tổ chức, phối hợp làm việc nhóm trong tìm kiếm tri thức, thông tin liên quan đến môn học, và tư duy phân tích giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam; đồng thời nâng cao kỹ năng tin học cho người học trong quá trình học tập.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Nhận thức được tầm quan trọng của những dự báo mang tính khoa học, khách quan; có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1. Những vấn đề cơ bản của dự báo kinh tế xã hội: Trình bày các nguyên tắc cơ bản trong dự báo; trên cơ sở phân loại dự báo đề ra tiêu chuẩn lựa chọn phương pháp dự báo phát triển kinh tế xã hội.

Chương 2. Một số phương pháp dự báo thông dụng: Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của một số phương pháp được sử dụng trong thực tiễn dự báo như: Phương pháp san mũ, phương pháp thời vụ, phương pháp bằng mô hình hồi quy, phương pháp ARIMA, phương pháp chuyên gia.

Chương 3. Dự báo các nguồn lực phát triển kinh tế: Trình bày sự vận dụng một số phương pháp dự báo để dự báo các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội như: sự tiến bộ khoa học – kỹ thuật, dân số và nguồn nhân lực, vốn đầu tư và vốn sản xuất.

Chương 4. Dự báo cầu thị trường: Trình bày những vấn đề cơ bản của cầu thị trường và ý nghĩa quan trọng của việc dự báo cầu thị trường. Trên cơ sở đó, trình bày các phương pháp dự báo cầu thị trường.

Chương 5. Dự báo tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu: Trình bày vai trò, nhiệm vụ của dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trên cơ sở phân tích các nhân tố ảnh hưởng, từ đó trình bày phương pháp dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Dự báo, Khoa kế hoạch và phát triển, Trường đại học Kinh tế Quốc Dân (2014), *Dự báo phát triển kinh tế xã hội*, NXB Thống kê.

2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy (2009), *Dự báo và phân tích dữ liệu trong Kinh tế và Tài chính*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2010), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Giao thông vận tải.

2. Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy (2009), *Giáo trình dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu*, NXB Thống kê.

3. Nguyễn Khắc Minh (2002), *Các phương pháp phân tích và dự báo kinh tế*, NXB Khoa học – Kỹ thuật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Giảng dạy lý thuyết, bài tập hoạt động theo nhóm và tự nghiên cứu.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Quá trình học tập và tham khảo mở rộng: Học tập nghiên cứu ở nhà, thư viện, trên lớp...theo những nội dung được hướng dẫn, yêu cầu.

- Tham gia các hoạt động: Chuẩn bị bài, làm bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận, bài thi hết học phần.

- Ý thức tổ chức kỷ luật: Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI	2			2	5	
1.1. Vị trí của dự báo trong việc ra quyết định quản lý các quá trình kinh tế xã hội						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Phân loại dự báo						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Các nguyên tắc dự báo						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.4. Tiêu chuẩn lựa chọn phương pháp dự báo						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.5. Các phương pháp đánh giá dự báo						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO THÔNG DỤNG	7	3	1	11	25	
2.1. Phương pháp san mũ <i>2.1.1. Ngoại suy xu thế</i> <i>2.1.2. Phương pháp trung bình trượt</i> <i>2.1.3. Mô hình bất biến san mũ</i> <i>2.1.4. Mô hình xu thế san mũ</i>	1,5	0,5		2	5	Đọc TLC 1 chương 2; Đọc TLĐT 1 chương 2.
2.2. Phương pháp thời vụ	1,5	0,5		2	5	Đọc TLC 1 chương 3.
2.3. Phương pháp bằng mô hình hồi quy	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLĐT 1 chương 3.
2.4. Phương pháp ARIMA	1,5	0,5		2	5	Đọc TLC 1 chương 7; Đọc TLĐT 1 chương 4.
2.5. Phương pháp chuyên gia	1	0,5	1	2,5	5	Đọc TLC 1 chương 5.
Chương 3. DỰ BÁO CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ	4	3		7	20	
3.1. Dự báo tiến bộ khoa học –	1	1		2	6	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>kỹ thuật</p> <p>3.1.1. Vai trò của dự báo tiến bộ khoa học – kỹ thuật.</p> <p>3.1.2. Phương hướng phát triển cơ bản của cách mạng khoa học – kỹ thuật</p> <p>3.1.3. Lập dự báo tiến bộ khoa học – kỹ thuật</p> <p>3.1.4. Các phương pháp dự báo tiến bộ khoa học – kỹ thuật</p>						<p>chương 10;</p> <p>Đọc TLĐT 2 chương 5.</p>
<p>3.2. Dự báo dân số và nguồn nhân lực</p> <p>3.2.1. Đối tượng và nhiệm vụ của dự báo dân số và nguồn nhân lực</p> <p>3.2.2. Dự báo dân số</p> <p>3.2.3. Dự báo nguồn nhân lực</p>	1	1		2	7	<p>Đọc TLC 1, chương 11;</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 6.</p>
<p>3.3. Dự báo vốn đầu tư và vốn sản xuất</p> <p>3.3.1. Quan hệ giữa vốn đầu tư và vốn sản xuất</p> <p>3.3.2. Dự báo giá trị theo thời gian của tiền</p> <p>3.3.3. Dự báo nhu cầu vốn cố định và vốn lưu động</p>	2	1		3	7	<p>Đọc TLC 1, chương 12;</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2,3,4;</p> <p>Đọc TLĐT 2 chương 7.</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.4. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. DỰ BÁO CẦU THỊ TRƯỜNG	2	2		4	10	
4.1. Những vấn đề lý luận chung 4.1.1. Nhu cầu tiêu dùng 4.1.2. Cầu và cầu thị trường	0,5			0,5	3	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLĐT 1, chương 3.
4.2. Các hàm cầu thực nghiệm 4.2.1. Ý nghĩa của việc nghiên cứu cầu đối với doanh nghiệp 4.2.2. Các phương pháp ước lượng hàm cầu	0,5	0,5		1	3	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLĐT 1, chương 3.
4.3. Dự báo cầu thị trường 4.3.1. Kỹ thuật định tính 4.3.2. Dự báo bằng phương pháp định mức 4.3.3. Dự báo cầu bằng hệ số co giãn 4.3.4. Mô hình kinh tế lượng	1	1,5		2,5	4	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 2,3,4; Đọc TLĐT 1, chương 3.
Chương 5. DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU	2	2		4	10	
5.1. Dự báo tốc độ tăng trưởng	1	1		2	5	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh tế <i>5.1.1. Vị trí và nhiệm vụ của dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế</i> <i>5.1.2. Các nhân tố cơ bản tác động đến tăng trưởng kinh tế</i> <i>5.1.3. Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế</i>						chương 12; Đọc TLC 3, chương 2,3.
5.2. Dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế <i>5.2.1. Vai trò và nhiệm vụ của dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế</i> <i>5.2.2. Phương pháp dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế</i>	1	1		2	5	Đọc TLC 1, chương 13; Đọc TLC 3, chương 2,3.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	17	10	3	30	74	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.36 Thương mại và tài nguyên môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thương mại và tài nguyên môi trường**
 - Tiếng Anh: **Commerce and Resources, Environment**
- Mã học phần: CRE203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần Thương mại và tài nguyên môi trường, người học phải trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản liên quan đến thương mại và tài nguyên môi trường như: khái niệm thương mại; khái niệm môi trường, tài nguyên. Trình bày, phân tích được mối quan hệ giữa thương mại với tài nguyên, môi trường. Nhận biết, hiểu và trình bày được các hiệp định liên quan đến vấn đề môi trường trong WTO và các thảo luận quốc tế về môi trường. Đánh giá xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới.

- *Đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để có thể nhận biết, phân tích, đánh giá các tác động của hoạt động thương mại đến tài nguyên và môi trường.

+ Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý các vấn đề trong hoạt động thương mại để đảm bảo sự phát triển bền vững, hội nhập quốc tế...

+ Yêu thích môn học kinh tế công cộng.

+ Lên lớp và lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần Thương mại và tài nguyên môi trường mô tả và phân tích về mối quan hệ không thể tách rời giữa thương mại, tài nguyên môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Học phần nêu nội dung các hiệp định trong WTO liên quan đến môi trường và các thỏa thuận quốc tế về vấn đề môi trường. Đồng thời liên hệ với tình hình thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Ngoài ra, hiểu biết về xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Chris Wold, Sanford Gaines, Greg Block (2011), *Trade and Environment: Law and Policy*, Carolina Academic Press.

2. GS. TS. Đỗ Đức Bình, TS. Nguyễn Thường Lạng (2013), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. GS. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim Dung (2013), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. UNEP (2005), *Environment and Trade - A Handbook 2nd Edition*.

2. Trần Thanh Lâm (2008), *Quan hệ quốc tế về môi trường*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
 - + Phương pháp hoạt động nhóm
 - + Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần: Yêu cầu và cách thức đánh giá được đánh giá thông qua các tiêu chí như:

- Sự hiện diện trên lớp: Không được nghỉ quá 30% số tiết học trên lớp
- Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học, giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	7			7	10	
1.1. Xu hướng tự do hóa thương mại	1			1	1	Đọc TLC 1; Đọc TLĐT 1.
1.2. Khái quát hóa về thương mại và tài nguyên môi trường <i>1.2.1. Khái quát về thương mại</i> <i>1.2.2. Khái quát về tài</i>	3			3	6	Đọc TLC 1,2 chương 1; Đọc TLĐT 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nguyên và môi trường</i>						
1.3. Môi quan hệ giữa thương mại và tài nguyên môi trường <i>1.3.1. Ảnh hưởng của thương mại đến tài nguyên môi trường trong điều kiện tự do hóa thương mại</i> <i>1.3.2. Ảnh hưởng của tài nguyên môi trường đối với thương mại</i>	3			3	3	Đọc TLC 1 chương 1;
Kiểm tra			1	1	3	
Chương 2. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	7		1	8	15	
2.1. Hiệp định chung về thương mại và thuế quan <i>2.1.1. Lịch sử hình thành</i> <i>2.1.2. Vòng đàm phán Uruguay</i> <i>2.1.3. Những ban hội thẩm GATT về những giải pháp cho môi trường</i> <i>2.1.4. Các ngoại lệ của</i>	3			3	5	Đọc TLC1 Chương 6; Đọc TLC 2,3 chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>GATT đối với bảo vệ môi trường</i> <i>2.1.5 GATT và những hiệp định môi trường quốc tế</i>						
2.2. Tổ chức thương mại thế giới <i>2.2.1. Quá trình lịch sử hình thành và cơ cấu tổ chức</i> <i>2.2.2. Mục tiêu, chức năng, nguyên tắc của WTO</i> <i>2.2.3. Các vòng đàm phán Doha của WTO</i> <i>2.2.4. Các vấn đề môi trường được quy định trong WTO</i>	4		1	5	10	Đọc TLC 1, chương 3, chương 6
Chương 3. CÁC THỎA THUẬN QUỐC TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	4		4	8	25	
3.1. Các thỏa thuận về bảo vệ đa dạng sinh học toàn cầu <i>3.1.1. Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật hoang dã nguy cấp</i> <i>3.1.2. Công ước về đa dạng</i>	1		1	2	5	Đọc TLC 1 Chương 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>sinh học</i> 3.1.3. Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học						
3.2. Công ước về bảo vệ tầng ozon 3.2.1. Công ước Vienna về bảo vệ của tầng ozon 3.2.2. Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ozon	1			1	5	Đọc TLC 1, chương 3;
3.3. Công ước về Biến đổi khí hậu 3.3.1. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu 3.3.2. Nghị định thư Kyoto về Biến đổi khí hậu	1		2	3	10	
3.4. Các công ước về quản lý hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật 3.4.1. Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các chất nguy hại 3.4.2. Công ước Stockholm	1		1	2	5	Đọc TLC 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy</p> <p>3.4.3. Công ước Rotterdam về thủ tục thỏa thuận trước đối với các hóa chất độc hại và thuốc trừ sâu</p>						
Kiểm tra			1	1		
Chương 4. THƯƠNG MẠI VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TRONG XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN	5			5	10	
4.1. Tự do hóa thương mại đối với hàng hóa dịch vụ môi trường	0,5			0,5	2	Đọc TLC 1,2,3 chương 4
4.2. Những nguyên tắc phát triển bền vững cho chính sách thương mại và môi trường	1,5			1,5	2	Đọc TLC 1, chương 4
<p>4.2.1. Định hướng lại chính sách phát triển nông nghiệp</p> <p>4.2.2. Giảm bớt rào cản trong hợp tác quốc tế</p> <p>4.2.3. Chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài</p> <p>4.2.4. Áp dụng các cơ chế</p>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>kiểm soát ô nhiễm</i> 4.2.5. Loại bỏ trợ cấp tài nguyên thiên nhiên 4.2.6. Kết hợp một cách hài hòa các tiêu chuẩn điều hành kiểm soát và đánh giá rủi ro môi trường						
4.3. Một số vấn đề thương mại và môi trường liên quan tới Việt Nam trong thời gian gần đây 4.3.1. Vấn đề môi trường liên quan đến khu vực Mậu dịch tự do ASEAN 4.3.2. Những vấn đề thương mại và môi trường xuất hiện giữa Việt Nam với Mỹ, EU và Nhật Bản trong thời gian qua 4.3.3. Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương	3			3	6	Đọc TLC 2.
Kiểm tra			1	1	1	
Cộng	23		7	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.37 Kiểm soát ô nhiễm môi trường

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: **Kiểm soát ô nhiễm môi trường**
- Tên tiếng anh: **Control of Environmental pollution**
- Mã môn học: **EVT 202**
- Số tín chỉ (Lên lớp/Thực hành/Tự nghiên cứu): 2TC
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các môn học tiên quyết: Quản lý Môi trường, Pháp luật bảo vệ môi trường
- Các môn học kế tiếp:
- Các môn học song hành:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 03 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra : 07 tiết
 - Tự học : 60 tiết
- Khoa/Bộ môn phụ trách môn học: Khoa Môi trường/ Độc học QTPTMT

2. Mục tiêu của môn học

- Kiến thức:
 - Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường;
 - Trình bày được bốn trụ cột trong hoạt động kiểm soát môi trường;
 - Nêu được các văn bản pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường;

- Nêu được các thủ tục hành chính được sử dụng trong các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Trình bày được các hoạt động cụ thể trong kiểm soát môi trường đất, nước, không khí, phế liệu, hóa chất....;
- Kỹ năng:
 - Vận dụng được các văn bản pháp luật liên quan vào kiểm soát môi trường đất, nước, không khí, phế liệu, hóa chất....;
 - Xây dựng được các kế hoạch hành động cho kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, phế liệu, hóa chất....;
- Thái độ:
 - Tích cực và chủ động trong học tập.
 - Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường

3. Tóm tắt nội dung môn học

Các nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các khái niệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường, chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Bốn trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Các quy định pháp luật liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Các thủ tục hành chính trong kiểm soát ô nhiễm môi trường
- Hướng dẫn các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, nhập khẩu phế liệu, kiểm soát ô nhiễm hóa chất;
- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường;

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đồng Kim Loan, Nguyễn Mạnh Khải, Nguyễn Thị Hà, Phạm Ngọc Hồ (2014), *Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường*, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội
2. Trần Ngọc Chân (2000), *Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải* – Tập 1,2,3. Nhà xuất bản KHKT Hà Nội
3. J. R. Mudakavi, India (2010), *Principles and Practices of Air Pollution*

Control and Analysis.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Chuyên đề “*Bốn trụ cột trong quản lý môi trường*” thuộc Dự án: Nâng cao nhận thức về môi trường và năng lực tuyên truyền cho cán bộ ngành tài nguyên và môi trường các tỉnh miền bắc, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2014.

2. Bộ tiêu chí khoanh vùng ô nhiễm (2013), Tổng Cục Môi trường;

3. Các quyết định, thông tư liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường.

4. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

5. Japan’s Experience in public Health and Medical Systems
“*Environmental pollution control measures*”

6. Jerry Spiegel and Lucien Y. Maystre, “*Environmental Pollution Control*”

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập nhóm và thảo luận

- Phương pháp đặt vấn đề
- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp thảo luận

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên, làm các bài tập chuẩn bị được giao về nhà trước khi đến lớp theo yêu cầu
- Tại lớp: Giảng viên giảng dạy lý thuyết, cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã được yêu cầu chuẩn bị ở nhà, giáo viên cùng sinh viên sửa bài tập, trao đổi các vướng mắc của sinh viên về những vấn đề của bài học (cả lý thuyết và bài tập).
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

- Sinh viên không được tham khảo tài liệu khi thi.

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC đối với sinh viên
	Lên lớp			Tổng cộng	Tự học	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	5		2	7	14	
1.1 Khái niệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường	1			1	2	Đọc tài liệu 1, tài liệu tham khảo 5
1.2. Quy định chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm	1			1	2	Đọc tài liệu 1
1.3. Bốn trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường (ĐTM; CKBVMT, QTMT, PN&KSON, TTMT)	3		2	5	10	Đọc tài liệu 2
<i>1.3.1. Khái quát chung về 4 trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường (ĐTM; CKBVMT, QTMT, PN&KSON, TTMT)</i>	1,5			1,5	3	Đọc tài liệu 2
<i>1.3.2. Ứng dụng 4 trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường công nghiệp</i>	1,5		2	3,5	7	Đọc tài liệu 2
Chương 2. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT	2		1	3	20	

Ô NHIỄM						
2.1 Tổng quan chung về các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường	1			1	2	Đọc tài liệu 1, 5
2.2. Thủ tục hành chính trong kiểm soát ô nhiễm	1		1	2	4	Đọc tài liệu 1
Chương 3. HƯỚNG DẪN CÁC HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	13	4	6	23	50	
3.1. Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí	3		1,5	4,5	9	Đọc tài liệu 1
<i>3.1.1. Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất</i>	1		0,5	1,5	3	
<i>3.1.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường nước</i>	1		0,5	1,5	3	
<i>3.1.3. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí</i>	1		0,5	1,5	3	
3.2 Bảo vệ môi trường trong quản lý nhập khẩu và sử dụng phế liệu	4		0,5	4,5	9	Đọc tài liệu 1
<i>3.2.1. Bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu</i>	2			2	4	
<i>3.2.2. Bảo vệ môi trường trong sử dụng phế liệu</i>	2		0,5	2,5	5	
3.3. Kiểm soát ô nhiễm hóa chất và sức khỏe môi trường	4		1	5	10	Đọc tài liệu 1
<i>3.3.1. Kiểm soát ô nhiễm hóa chất</i>	2		1	3,5	6	
<i>3.3.2. Kiểm soát sức khỏe môi trường</i>	2			2	4	
3.4 Hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường	1	1		2	4	Đọc tài liệu 1
Kiểm tra			1			
Tổng	20	3	7	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

4.5.38 Du lịch sinh thái

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Du lịch sinh thái**
 - Tiếng Anh: **Eco-tourism**
- Mã học phần: ECT202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Du lịch sinh thái trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái như: khái niệm, đặc trưng, các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của du lịch sinh thái, phát triển du lịch sinh thái bền vững, tài nguyên du lịch sinh thái, xây dựng quy hoạch du lịch sinh thái, một số phương pháp trong lập kế hoạch và phát triển du lịch sinh thái, đồng thời có cái nhìn tổng quan về quản lý các dự án du lịch sinh thái tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia của Việt Nam.
- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Học phần Du lịch sinh thái trang bị các phương pháp và kỹ năng để người học có thể tham gia xây dựng các bước của quá trình quy hoạch và thiết kế, một số phương pháp lập kế hoạch quản lý phát triển du lịch sinh thái tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia,...

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các lý thuyết đã được học để xây dựng các mô hình du lịch sinh thái cho phù hợp với đặc điểm của từng khu vực địa lý cụ thể.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ bài tập nhóm, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm tốt, có khả năng hợp tác tốt khi làm việc trong tập thể.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ các hoạt động du lịch sinh thái, tư duy và vận dụng một cách linh hoạt và hiệu quả các kiến thức này trong thực tế.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học du lịch sinh thái trong công việc để có hướng phấn đấu trong tương lai và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho sinh viên các nội dung như sau: các khái niệm về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng xây dựng quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Huy Bá (2006), *Du lịch sinh thái*, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bùi Thị Hải Yến (2011), *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục Việt Nam
3. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, NXB ĐHQGHN

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH SINH THÁI	3			3	6	
1.1. Những vấn đề cơ bản về du lịch sinh thái <i>1.1.1 Khái niệm về du lịch sinh thái</i> <i>1.1.2 Các đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái</i> <i>1.1.3 Các nguyên tắc cơ bản</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>của du lịch sinh thái</i> <i>1.1.4 Những yêu cầu cơ bản để phát triển DLST</i>						
1.2. Phát triển du lịch sinh thái bền vững	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 2
1.3 Một số mô hình du lịch sinh thái điển hình <i>1.3.1. Mô hình làng du lịch ở Australia</i> <i>1.3.2. Mô hình du lịch bền vững của cộng đồng châu Âu: ECOMOST</i> <i>1.3.3. Mô hình du lịch bền vững ở Hoàng Sơn – Trung Quốc</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3
CHƯƠNG 2. TÀI NGUYÊN DU LỊCH SINH THÁI	3	1		4	8	
2.1. Khái niệm về tài nguyên du lịch sinh thái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,4; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLC 3, chương 2
2.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch sinh thái cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,4; Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Chất lượng tài nguyên du lịch sinh thái <i>2.3.1. Quy mô của tài nguyên du lịch sinh thái</i> <i>2.3.2 Độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch sinh thái</i> <i>2.3.3 Sự an toàn tại điểm đến có tài nguyên du lịch sinh thái</i> <i>2.3.4 Các tiêu chí khác phản ánh chất lượng của tài nguyên du lịch sinh thái</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 1,4,6; Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG QUY HOẠCH DU LỊCH SINH THÁI	6	1		7	14	
3.1. Giới thiệu chung về quy hoạch du lịch sinh thái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.1.1. Định nghĩa quy hoạch du lịch sinh thái</p> <p>3.1.2. Mục đích của việc quy hoạch du lịch sinh thái</p>						
<p>3.2 Những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch sinh thái</p> <p>3.2.1. Tính giao thoa hóa hợp nhưng độc lập tương đối</p> <p>3.2.2. Khả năng tải của điểm du lịch</p>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2
<p>3.3 Các yêu cầu cần thiết lựa chọn khu vực để phát triển du lịch sinh thái</p>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
<p>3.4 Các nguyên tắc của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái</p> <p>3.4.1. Yếu tố sinh thái môi trường đặc thù</p> <p>3.4.2. Yếu tố thẩm mỹ sinh thái</p> <p>3.4.3. Yếu tố kinh tế</p> <p>3.4.4. Yếu tố xã hội</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 4
<p>3.5 Các bước cơ bản của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.5.1. Quy trình quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái</p> <p>3.5.2. Những điều lưu ý khi tiến hành quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái</p>						chương 4
<p>3.6. Sản phẩm của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái</p> <p>3.6.1. Quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái cho Vườn quốc gia Cát Bà</p> <p>3.6.2. Quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái Cần Giờ</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9,11 Đọc TLC 2, chương 4,5
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TRONG LẬP KẾ HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI	4	3		7	14	
6.1 Phương pháp khung luận lý (Logframe method).	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6,13 Đọc TLC 2, chương 3
6.2 Phương pháp phân tích SWOT	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6,13 Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 3
6.3 Phương pháp tính sức chứa (Carrying Capacity)	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6,13 Đọc TLC 2, chương 3
6.4 Phương pháp luận “Các giới hạn của sự thay đổi có thể chấp nhận được – Limits of Acceptable Change (LAC).	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6,13 Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 5. PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở VIỆT NAM	5	2		7	14	
5.1 Những điều kiện để phát triển DLST ở Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 15 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 3
5.2 Một số điểm du lịch sinh thái điển hình ở Việt Nam	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 15 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 3
5.3 Tiềm năng và thực trạng DLST của các khu bảo tồn	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 15

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thiên nhiên Việt Nam						Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 3
5.4 Tiềm năng và thực trạng DLST biển – đảo Việt Nam	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 15 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.39 Kiểm toán môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kiểm toán môi trường**
 - Tiếng Anh: **Environmental Auditing**
- Mã học phần: EAD213
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Nắm được những kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường như mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường.
- *Về kỹ năng*: Có thể áp dụng được những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn kiểm toán môi trường.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học và tích cực học tập, tự học, nghiên cứu tài liệu; Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn; Có ý thức chấp hành các quy định về quy trình kế toán và kiểm toán.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm và nội dung kiểm toán môi trường;
- Khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán đánh giá tác động môi trường;
- Khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán hệ thống quản lý môi trường;
- Khái niệm, quy trình thực hiện kiểm toán chất thải.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Kiểm toán môi trường*, NXB Lao động và xã hội.

2. Nguyễn Việt Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), *Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.

3. Quý Lâm, Kim Phượng (2014), *Hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn về môi trường*, NXB Lao động xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hồ Thị Lam Trà, Cao Trường Sơn (2009), *Kiểm toán môi trường*, Trường ĐH Nông Nghiệp Hà Nội.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Tiêu chuẩn Việt Nam hệ thống quản lý môi trường*.

3. TCVN ISO 14010: 1997 – ISO 14010: 1996, *Hướng dẫn đánh giá môi trường – Nguyên tắc chung*, Trang 185.

4. TCVN ISO 14011: 1997 – ISO 14011: 1996, *Hướng dẫn đánh giá môi trường – Thủ tục đánh giá. Đánh giá hệ thống quản lý môi trường*, Trang 193.

5. TCVN ISO 14012: 1997 – ISO 14012: 1996, *Hướng dẫn đánh giá môi trường – Chuẩn cứ trình độ đối với chuyên gia đánh giá môi trường*, Trang 203.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4

theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KHÁI QUÁT KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG	6			6	12	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của kiểm toán môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLC 2, chương 1.
1.2. Khái niệm, bản chất của kiểm toán môi trường <i>1.2.1. Khái niệm kiểm toán môi trường</i> <i>1.2.2. Phân loại kiểm toán môi trường</i>						
1.3. Mục tiêu, đối tượng của kiểm toán môi trường <i>1.3.1. Bản chất của kiểm toán môi trường</i> <i>1.3.2. Mục tiêu của kiểm toán môi trường</i> <i>1.3.3. Đối tượng của kiểm toán môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;
1.4. Ý nghĩa của kiểm toán môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Các tổ chức quốc tế và hoạt động của các tổ chức liên quan tới kiểm toán môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3.
1.6. Các chuẩn mực kiểm toán áp dụng trong kiểm toán môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 1. Đọc TLC 3, phần 3,4,5,6,7.
1.7. Nội dung và quy trình kiểm toán môi trường <i>1.7.1. Nội dung kiểm toán môi trường</i> <i>1.7.2. Quy trình kiểm toán môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. KIỂM TOÁN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	4	3		7	14	
2.1. Đánh giá tác động môi trường với vấn đề kiểm toán <i>2.1.1. Khái niệm và đặc điểm đánh giá tác động môi trường</i> <i>2.1.2. Đối tượng đánh giá tác động môi trường</i> <i>2.1.3. Mối quan hệ giữa đánh</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>giá tác động môi trường và kiểm toán</i> 2.1.4. Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán 2.1.5. Tiêu chuẩn đánh giá tác động môi trường						
2.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán đánh giá tác động môi trường 2.2.1. Chuẩn bị kiểm toán 2.2.2. Thực hiện kiểm toán 2.2.3. Kết thúc kiểm toán	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 5.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. KIỂM TOÁN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	4	3		7	14	
3.1. Hệ thống quản lý môi trường với vấn đề kiểm toán 3.1.1. Khái niệm và đặc điểm hệ thống quản lý môi trường 3.1.2. Mối quan hệ giữa hệ thống quản lý môi trường với kiểm toán môi trường 3.1.3. Tiêu chuẩn đánh giá hệ thống quản lý môi trường	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, phần 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.1.4. Nội dung của cuộc kiểm toán hệ thống quản lý môi trường</p> <p>3.1.5. Đối tượng liên quan đến kiểm toán hệ thống quản lý môi trường</p>						
<p>3.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán hệ thống quản lý môi trường</p> <p>3.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán</p> <p>3.2.2. Thực hiện kiểm toán</p> <p>3.2.3. Kết thúc kiểm toán</p>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6;
Chương 4. KIỂM TOÁN CHẤT THẢI	5	3		8	16	
<p>4.1. Chất thải và vấn đề kiểm toán</p> <p>4.1.1. Khái niệm và đặc điểm chất thải</p> <p>4.1.2. Nguồn phát sinh, thành phần và tính chất của chất thải</p> <p>4.1.3. Nội dung của cuộc kiểm toán chất thải</p>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6. Đọc TLC 3, phần 4 và phần 7.
<p>4.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán chất thải</p> <p>4.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán</p>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Thực hiện kiểm toán 4.2.3. Kết thúc kiểm toán						
4.3. Tình hình chất thải rắn và quá trình áp dụng kiểm toán chất thải trên thế giới và Việt Nam 4.3.1. Tình hình phát sinh chất thải rắn 4.3.2. Áp dụng kiểm toán chất thải	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	19	09	02	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.40 Thống kê tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thống kê tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Statistics for Resources and Environment**
- Mã học phần: SRE203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Nguyên lý thống kê kinh tế
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của thống kê tài nguyên và môi trường như: thống kê và phương pháp tính các loại tài nguyên đất, nước, khoáng sản và môi trường. Thống kê lao động trong ngành tài nguyên và môi trường nói riêng.
- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá, lượng giá các loại tài nguyên và môi trường. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Ý thức được tầm quan trọng của công tác thống kê trong đời sống hàng ngày cũng như trong các hoạt động của ngành tài nguyên môi trường nói riêng, của địa phương và của đất nước nói chung.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê tài nguyên và môi trường. Cụ thể:

Chương 1. Những vấn đề cơ bản của thống kê tài nguyên và môi trường: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, đối tượng và phạm vi nghiên cứu thống kê tài nguyên và môi trường, phương pháp luận và nhiệm vụ của thống kê.

Chương 2. Thống kê tài nguyên đất: giới thiệu những kiến thức về đất đai, phân loại đất và một số phương pháp tính tài nguyên đất.

Chương 3. Thống kê tài nguyên nước: giới thiệu những kiến thức về nước, phân loại nước và một số phương pháp tính tài nguyên nước.

Chương 4. Thống kê tài nguyên khoáng sản: giới thiệu những kiến thức về khoáng sản, phân loại khoáng sản và một số phương pháp tính tài nguyên khoáng sản.

Chương 5. Thống kê tài nguyên môi trường: giới thiệu những kiến thức về môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và biển đảo Việt nam

Chương 6. Thống kê lao động: giới thiệu về lao động, số lượng, chất lượng, năng suất lao động và thu nhập của lao động trong ngành tài nguyên và môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Văn Khoa (2010), *Giáo trình Con người và môi trường*, NXB giáo dục Việt nam.
2. GS.TS Phạm Ngọc Kiểm (2010), *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB lao động - xã hội.
3. Hà Văn Sơn (2010), *Giáo trình Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế*, NXB Thống Kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Phương Loan (2005), *Giáo trình tài nguyên nước*, NXB Đại học quốc gia Hà nội.
2. Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê
3. TS Bùi Đức Triệu (2012), *Giáo trình Thống kê kinh tế*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
4. ThS Phan Tuấn Triều (2009), *Giáo trình Tài nguyên đất và môi trường*, Trường đại học Bình Dương
5. TS. Chu Văn Tuấn (2010), *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
6. Bộ Tài nguyên và môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011 – 2015*.
7. Thông tư số 29/2013/TT-BTNMT ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường*.
8. Tổng cục thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Giảng dạy lý thuyết, bài tập hoạt động theo nhóm và tự nghiên cứu

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2			2	6	
1.1 Khái niệm về thống kê tài nguyên và môi trường	0,5			0,5		Đọc TLC 1, chương 1,2;
1.2 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu thống kê tài nguyên và môi trường	0,5			0,5		Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2.1 Đối tượng nghiên cứu thống kê tài nguyên và môi trường</p> <p>1.2.2 Phạm vi nghiên cứu thống kê tài nguyên và môi trường</p>						1,2;
1.3 Phương pháp luận của thống kê tài nguyên và môi trường	0,5					Đọc TLC 1, chương 1,2;
1.4 Nhiệm vụ của thống kê tài nguyên và môi trường	0,5					Đọc TLC 1, chương 1,2;
CHƯƠNG 2. THỐNG KÊ TÀI NGUYÊN ĐẤT	3	1		4	12	
2.1 Khái niệm đất đai	0,5			0,5		Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 6, chương 1.
2.2 Phân loại đất đai	0,5			0,5		Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 6, chương 7.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3 Phương pháp tính tài nguyên đất 2.3.1 Thống kê diện tích và cơ cấu sử dụng đất 2.3.2 Thống kê biến động diện tích 2.3.3 Thống kê đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.3.4 Thống kê kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và xây dựng bảng giá đất	2	1		3		Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 6, chương 7.
CHƯƠNG 3. THỐNG KÊ TÀI NGUYÊN NƯỚC	3	1		4	12	
3.1 Khái niệm tài nguyên nước	0,5			0,5		Đọc TLC1, chương 3 TLĐT 1, chương 2.
3.2 Phân loại tài nguyên nước	0,5			0,5		Đọc TLĐT 1, chương 2.
3.3 Phương pháp tính tài nguyên nước 3.3.1 Thống kê diện tích được điều tra, đánh giá nước dưới đất 3.3.2 Thống kê tổng lượng nước mặt một số lưu vực sông chính 3.3.3 Thống kê tổng lượng khai	2	1		3		Đọc TLC2, chương 4; TLĐT 1, chương 3,5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>cấp</i>						
Kiểm tra			1			
CHƯƠNG 5. THỐNG KÊ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	5	1	1	7	21	
5.1 Môi trường <i>5.1.1 Khái niệm</i> <i>5.1.2 Chất thải và ô nhiễm môi trường</i>	1		1	2		Đọc TLC 1, chương 8;
5.2 Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu <i>5.2.1 Khái niệm</i> <i>5.2.2 Thống kê số giờ nắng, lượng mưa, độ ẩm không khí, nhiệt độ không khí và tốc độ gió</i> <i>5.2.3 Thống kê lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người</i>	2	0,5		2,5		Đọc TLC 1, chương 8;
5.3 Biển và hải đảo <i>5.3.1 Khái niệm</i> <i>5.3.2 Thống kê số vụ, số lượng dầu tràn và hóa chất rò rỉ trên biển, diện tích bị ảnh hưởng</i>	2	0,5		2,5		Đọc TLC 1, chương 8;
CHƯƠNG 6. THỐNG KÊ LAO ĐỘNG	6	1	1	8	24	
6.1 Khái niệm lao động ngành tài	0,5			0,5		Đọc TLC

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nguyên và môi trường						2, chương 5; Đọc TLĐT 6, chương 3,4.
6.2 Phân loại lao động ngành tài nguyên và môi trường	0,5			0,5		Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLĐT 6, chương 3,4.
6.3 Phương pháp tính lao động ngành tài nguyên và môi trường 6.3.1 Thống kê số lượng lao động trong ngành tài nguyên và môi trường 6.3.2 Thống kê chất lượng lao động trong ngành tài nguyên và môi trường 6.3.3 Thống kê năng suất lao động trong ngành tài nguyên và môi trường 6.3.4 Thống kê thời gian lao động trong ngành tài nguyên và môi trường 6.3.5 Thống kê thu nhập của lao động trong ngành tài nguyên và môi trường	5	1		6		Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLĐT 6, chương 3,4.
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	22	5	3	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.41 Đánh giá tác động môi trường

19. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Đánh giá tác động môi trường**
 - Tiếng Anh: **Environmental Impact Assessment**
- Mã học phần: EIA 424
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Để học học phần này, sinh viên phải học qua các học phần trong Khối kiến thức chung bắt buộc, Khối kiến thức cơ sở ngành Thủy văn: Cơ sở khoa học môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 03 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

20. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội.

- *Về kỹ năng*: áp dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên.
- *Về đạo đức nghề nghiệp*: có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến tài nguyên và môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên và môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

21. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về đánh giá tác động môi trường
- Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường
- Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường

22. Tài liệu học tập

4.5. Tài liệu chính (TLC)

6. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2014), *Giáo trình Đánh giá tác động môi trường* (hệ đại học), Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
7. Trần Văn Ý (Chủ biên) (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, NXB Thống kê.
8. Phạm Ngọc Hồ & Hoàng Xuân Cơ (2006), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB ĐHQG HN.

4.6. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Xuân Hồng (2006), *Cơ sở đánh giá tác động môi trường*, NXB Thống kê.
2. Cục Môi trường (biên dịch) (1995), *Đánh giá tác động môi trường*.
3. UNEP/NEA (1997), *Đánh giá tác động môi trường*, Tài liệu hướng dẫn nguồn lực đào tạo.
4. SEACAM (2000), *Environmental assessment for Coastal Aquaculture Development*.

23. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận nhóm, case study.

24. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra giữa kì. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

25. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

26. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

27. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	3		1	4	8	
1.1. Định nghĩa, mục đích, ý nghĩa, đối tượng của đánh giá tác động môi trường	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 07-27; Đọc TLC (2) trang 01-17; Đọc TLC (2) trang 48-69; Đọc TLC (1) trang 4-6
1.2. Nội dung cơ bản của đánh giá tác động môi trường						
1.3. Phân biệt các hình thức đánh giá môi trường	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4. Hệ thống cơ sở pháp lý liên quan đến đánh giá tác động môi trường						
1.5. Tổ chức và quản lý công tác đánh giá tác động môi trường	1			1	2	
1.6. Sử dụng kết quả đánh giá tác động môi trường						
CHƯƠNG 2. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	7	1	4	12	24	
<i>* Quy trình chung</i>	1				2	
2.1. Lược duyệt						
2.2. ĐTM sơ bộ (Xác định mức độ, phạm vi đánh giá)	1			1	2	
2.3. ĐTM chi tiết, đầy đủ 2.3.1. Chuẩn bị tài liệu và lập đề cương 2.3.2. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	3	1	3	7	14	Đọc TLC (1) trang 33-71; Đọc TLC (2) trang 27-75;
2.4. Tham vấn cộng đồng	1			1	2	
2.5. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.6. Quản lí và giám sát môi trường (hậu thẩm định) 2.6.1. <i>Nghiệm thu công trình môi trường trước giai đoạn vận hành dự án</i> 2.6.2. <i>Quản lí và giám sát môi trường khi thực hiện dự án</i>						
Kiểm tra			1	1	2	Ôn tập chương 1 & 2
CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	10	2	2	14	28	
3.1. Phương pháp phân tích logic (LFA)	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 73-94 Đọc TLC (3) trang 165-231;
3.2. Phương pháp liệt kê số liệu	1			1	2	
3.3. Phương pháp danh mục	1		1	2	4	
3.4. Phương pháp ma trận môi trường	1	1		2	4	
3.5. Phương pháp chấp bản đồ môi trường	1			1	2	
3.6. Phương pháp sơ đồ mạng	3		1	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lưới						
3.7. Phương pháp đánh giá nhanh bằng ước tính tải lượng ô nhiễm		1				
3.8. Phương pháp mô hình hóa môi trường	1				2	
3.9. Phương pháp phân tích chi phí – lợi ích mở rộng	1				2	
Cộng	20	3	7	30	60	

28. Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

4.5.42 Kinh tế tài nguyên 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên I**
 - Tiếng Anh: **Economics of Resources I**
- Mã học phần: EOR213
- Số tín chỉ: 05
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 75 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 51 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 9 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 150 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần Kinh tế tài nguyên 1, người học phải hiểu và trình bày được một số nét khái quát về kinh tế tài nguyên nói chung; trình bày và phân tích được các mô hình trong sử dụng, khai thác và quản lý tài nguyên đất, tài nguyên thủy sản và tài nguyên rừng.
 - *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên đất, thủy sản và rừng.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu đối với từng loại tài nguyên đất, thủy sản và rừng.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Đưa ra được những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và Nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên đất, thủy sản, rừng một cách bền vững, hiệu quả.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về sử dụng, khai thác và quản lý các loại tài nguyên, cụ thể đối với tài nguyên đất, tài nguyên thủy sản và tài nguyên rừng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên trong đó sẽ đưa ra những nét chung nhất, khái quát nhất về tài nguyên và kinh tế tài nguyên; Những nội dung cơ bản về đất đai, cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất, đặc biệt học phần tập trung vào việc phân tích kinh tế, xã hội trong việc sử dụng đất; khái quát về kinh tế thủy sản, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác thủy sản, một số công cụ sử dụng trong quản lý thủy sản; một số nét chung về tài nguyên rừng, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ và quản lý rừng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Kinh tế đất*, NXB Lao động.
3. Nguyễn Thế Chinh (2009), *Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường*, NXB Thống Kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Đình Thắng, Nguyễn Việt Trung (2005), *Giáo trình Kinh tế thủy sản*, NXB Lao động xã hội.
2. Nguyễn Văn Song (2006), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, NXB Nông nghiệp.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như:

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- 02 đầu điểm hệ số 1
- 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN	7			7	14	
1.1 Khái quát chung về tài nguyên <i>1.1.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên</i> <i>1.1.2. Quyền sở hữu tài nguyên</i> <i>1.1.3. Tài nguyên và phát triển kinh tế</i>	6			6	12	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 4
1.2. Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2.1. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ</p> <p>1.2.2. Phương pháp cơ bản tiếp cận học phần kinh tế tài nguyên</p>						
Chương 2. KINH TẾ TÀI NGUYÊN ĐẤT	20	7	3	30	62	
<p>2.1. Giới thiệu chung</p> <p>2.1.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của đất đai</p> <p>2.1.2. Vai trò của đất đai trong sự phát triển kinh tế xã hội</p>	2,5			2,5	5	<p>Đọc TLC 1, chương 3;</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>
<p>2.2. Cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất</p> <p>2.2.1. Địa tô</p> <p>2.2.2. Chi phí cơ hội</p> <p>2.2.3. Lợi thế tuyệt đối và lợi thế tương đối</p> <p>2.2.4. Mô hình ba mặt</p> <p>2.2.5. Lý thuyết cung cầu trong sử dụng đất</p> <p>2.2.6. Phân tích tài chính và phân tích lợi ích chi phí trong kinh tế đất</p>	11,5	4		15,5	31	<p>Đọc TLC 1, chương 3;</p> <p>Đọc TLC 2, chương 2</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Phân tích kinh tế, xã hội trong sử dụng đất	4	3		7	14	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 1, chương 5
2.4. Thuận lợi và thách thức trong quản lý tài nguyên đất ở Việt Nam	2		3	5	10	Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN THỦY SẢN	16	4	3	23	46	
3.1. Giới thiệu chung	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5;
3.2. Mô hình sinh học của thủy sản	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
3.3. Mô hình cân bằng sinh học thủy sản	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 5
3.4. Mô hình kinh tế khai thác thủy sản	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 5
3.5. Đường cung ngành thủy sản	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
3.6. Một số công cụ quản lý thủy sản	2		3	5	10	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. KINH TẾ TÀI NGUYÊN RỪNG	8	2	3	13	28	
4.1. Giới thiệu chung	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4
4.2. Mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 4
4.3. Quản lý rừng	2		3	5	10	Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	51	13	11	75	150	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.43 Kinh tế tài nguyên 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên II**
 - Tiếng Anh: **Economics of Resources II**
- Mã học phần: EOR224
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế tài nguyên I
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 43 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên 2, người học hiểu và phân tích được các nội dung cơ bản liên quan đến các loại tài nguyên như khái niệm, đặc điểm, phân loại cũng như các mô hình sử dụng, khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên năng lượng; các vấn đề kinh tế liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học; Thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý các tài nguyên này tại Việt Nam.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên nước, khoáng sản, năng lượng; bảo tồn đa dạng sinh học có hiệu quả về chi phí.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu đối với từng loại tài nước, khoáng sản, năng lượng; thực hiện có hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Đưa ra được những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và Nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản, năng lượng một cách bền vững, hiệu quả.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về sử dụng, khai thác và quản lý các loại tài nguyên, cụ thể đối

với tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên năng lượng và góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái quát về chung về tài nguyên nước như khái niệm, đặc điểm, vai trò của nước, các nguyên nhân dẫn đến sự khan hiếm nguồn nước; thị trường nước; phân tích một số dự án tài nguyên nước, các biện pháp tăng cường hiệu quả sử dụng nước.

- Khái quát chung về tài nguyên khoáng sản như khái niệm, đặc điểm; các mô hình cơ bản trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản.

- Những đặc trưng của tài nguyên năng lượng, mối quan hệ giữa năng lượng và tăng trưởng kinh tế; vấn đề giá năng lượng và sự phát triển của ngành năng lượng tại Việt Nam.

- Vai trò, lợi ích cũng như sự cần thiết của bảo tồn đa dạng sinh học; bảo tồn đa dạng sinh học có hiệu quả về chi phí; thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), Giáo trình Kinh tế tài nguyên, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Bá Uân, Ngô Thị Thanh Vân (2006), *Giáo trình Kinh tế thủy lợi*, NXB Xây dựng.
3. Nguyễn Thế Chinh (2009), *Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường*, NXB Thống Kê

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Song (2006), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, NXB Nông nghiệp.
2. Nguyễn Mộng (2011), *Giáo trình bảo tồn đa dạng sinh học*, Đại học Huế.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như:

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- 02 đầu điểm hệ số 1
- 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KINH TẾ TÀI NGUYÊN NƯỚC	14	3	3	20	40	
1.1. Khái quát chung về tài nguyên nước <i>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tài nguyên nước</i> <i>1.1.2. Tài nguyên nước trên thế giới và Việt Nam</i>	3				6	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>1.1.3. Các nguyên nhân dẫn đến sự khan hiếm nguồn nước</i>						
1.2. Thị trường nước <i>1.2.1. Cung về nước</i> <i>1.2.2. Cầu về nước</i> <i>1.2.3. Thị trường nước và giá cả nước</i>	5	1			12	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 3
1.3. Phân tích kinh tế một số dự án tài nguyên nước <i>1.3.1. Phân tích kinh tế dự án cấp nước sinh hoạt</i> <i>1.3.2. Phân tích kinh tế dự án cấp nước nông nghiệp</i> <i>1.3.3. Phân tích kinh tế dự án cấp nước thủy điện</i>	4	2			16	Đọc TLC 1, chương 3,4,5
1.4. Quản lý tài nguyên nước <i>1.4.1. Sự cần thiết phải quản lý tài nguyên nước</i> <i>1.4.2. Các biện pháp tăng cường hiệu quả sử dụng nước</i> <i>1.4.3. Quản lý tài nguyên nước ở Việt Nam</i>	2		3		10	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2
Chương 2. KINH TẾ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN	10	2	2	14	30	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.1. Khái niệm và đặc điểm của tài nguyên khoáng sản.</p> <p><i>2.1.1. Khái niệm</i></p> <p><i>2.1.2. Đặc điểm tài nguyên khoáng sản</i></p>	1				2	Đọc TLC 1, chương 6
<p>2.2. Các mô hình cơ bản trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản</p> <p><i>2.2.1. Mô hình cơ bản của lý thuyết khai thác tài nguyên khoáng sản trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo</i></p> <p><i>2.2.2. Mô hình phân tích hướng thời gian, hướng khai thác và hướng giá trong khai thác tài nguyên khoáng sản</i></p> <p><i>2.2.3. Khai thác trong điều kiện chất lượng quặng không thay đổi trong một mỏ, chỉ có sản lượng thay đổi.</i></p> <p><i>2.2.4. Mô hình khai thác với khoáng sản quý, bền (vàng, đồng, bạch kim)</i></p> <p><i>2.2.5. Khai thác khoáng sản trong thị trường độc quyền</i></p>	8	2			20	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam	1		2		6	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN NĂNG LƯỢNG	10		3	13	26	
3.1. Khái quát chung về tài nguyên năng lượng <i>3.1.1. Khái niệm và phân loại năng lượng</i> <i>3.1.2. Đặc trưng của nguồn năng lượng</i> <i>3.1.3. Quá trình biến đổi năng lượng</i> <i>3.1.4. Các lĩnh vực sử dụng năng lượng</i>	3				6	Đọc TLC 3, chương 4
3.2. Năng lượng và tăng trưởng kinh tế <i>3.2.1. Cường độ năng lượng và các yếu tố ảnh hưởng</i> <i>3.2.2. Hệ số đàn hồi</i> <i>3.2.3. Năng lượng và hàm sản xuất</i>	3				6	Đọc TLC 3, chương 4
3.3. Giá năng lượng <i>3.3.1 Giá năng lượng: Biến</i>	3				6	Đọc TLC 3, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>số kinh tế và sự can thiệp của Nhà nước</i> 3.3.2 Những nguyên tắc chung của một chính sách giá năng lượng						
3.4. Phát triển ngành năng lượng ở Việt Nam	1		3		8	Đọc TLC 3, chương 5
Chương 4. KINH TẾ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	9		2	11	24	
4.1. Luật bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng	1				2	Đọc TLC 1, chương 7
4.2 Bài toán Noah 4.2.1 Tác động đến sự sống còn 4.2.2 Các lợi ích của sự sống còn 4.2.3 Lợi ích đa dạng của sự sống còn	3				6	Đọc TLC 1, chương 7
4.3 Sự bảo tồn đa dạng sinh học có hiệu quả về chi phí 4.3.1 Các điểm nóng 4.3.2 Chi phí bảo vệ sự đa dạng sinh học 4.3.3 Các khuyến khích kinh	4				8	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>tế và sự bảo tồn môi trường sống</i>						
4.4. Bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	1		2		6	Đọc TLC 1, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	43	5	12	60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.44 Quản lý dự án tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý dự án tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Resources and Environmental Project Management**
- Mã học phần: REPM203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế đầu tư
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết

- Bài tập: 09 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
 - Thời gian tự học: 90 giờ
 - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản lý dự án tài nguyên và môi trường; các nội dung cơ bản trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường như lập kế hoạch quản lý, điều phối thực hiện dự án, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án...
- *Về kỹ năng*: Sau khi kết thúc môn học người học có thể vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý các dự án thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường
- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật. Tuân thủ theo các quy định và chính sách về quản lý dự án đối với các dự án về tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Quản lý dự án tài nguyên và môi trường tập trung nghiên cứu về các hoạt động trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường. Môn học cung cấp một số khái niệm cơ bản như dự án, quản lý dự án, tầm quan trọng của quản lý các dự án tài nguyên và môi trường. Môn học tập trung cung cấp các nội dung cơ bản của hoạt động quản lý dự án tài nguyên và môi trường bao gồm lập kế hoạch, điều phối thực hiện dự án, đánh giá và giám sát dự án...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS. Từ Quang Phương (2014), *Giáo trình Quản lý dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Lập dự án đầu tư*, NXB Thống kê
3. PGS.TS. Từ Quang Phương, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2013), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đỗ Phú Trần Tình (2009), *Giáo Trình Lập Và Thẩm Định Dự Án Đầu Tư*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bùi Xuân Phong (2008), *Quản trị dự án*, NXB học viện công nghệ bưu chính viễn thông.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như:

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động:
 - + Phương pháp hoạt động nhóm
 - + Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Lên lớp và lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ
- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5			5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1 Dự án tài nguyên và môi trường <i>1.1.1 Khái niệm, đặc trưng của dự án tài nguyên và môi trường</i> <i>1.1.2 Sự khác biệt giữa chương trình, dự án và nhiệm vụ</i>	1			1	5	Đọc TLC 1,,2,3 chương 1;
1.2 Quản lý dự án tài nguyên và môi trường <i>1.2.1 Khái niệm, mục tiêu của quản lý dự án</i> <i>1.2.2 Sự cần thiết trong công tác quản lý dự án tài nguyên và môi trường</i> <i>1.2.3 Nội dung của quản lý dự án tài nguyên và môi trường</i> <i>1.2.4 Các mô hình tổ chức quản lý dự án</i>	4			4	5	Đọc TLC 1,2 chương 1;
Chương 2. LẬP KẾ HOẠCH VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	9	2		11	20	
2.1 Lập kế hoạch dự án tài nguyên và môi trường <i>2.1.1 Công tác nghiên cứu lập dự án môi trường</i> <i>2.1.2 Khái niệm, ý nghĩa của kế hoạch dự án</i> <i>2.1.3 Nội dung của kế hoạch dự án tài nguyên và môi trường</i>	5			5	5	Đọc TLC 1, chương 2;
2.2 Phân tách công việc của dự án	1			1	5	Đọc TLC 1, chương 2;
2.3 Lựa chọn phương án dự án tài nguyên và môi trường <i>2.3.1 Lựa chọn trên phương</i>	3	2		5	10	Đọc TLC 1,,2,3 chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>diện tài chính</i> 2.3.2 Lựa chọn trên phương diện kinh tế xã hội						
Chương 3. ĐIỀU PHỐI THỰC HIỆN DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	14	7		21	40	
3.1 Quản lý thời gian và tiến độ dự án tài nguyên và môi trường 3.1.1 Mạng công việc 3.1.2 Kỹ thuật tổng quan và đánh giá dự án (PERT) và phương pháp đường găng (CPM) 3.1.3 Phương pháp biểu đồ GANTT	6	4		10	10	Đọc TLC 1, chương 3,4,5,6,7;
3.2 Phân phối các nguồn lực dự án tài nguyên và môi trường 3.2.1 Biểu đồ phụ tải nguồn lực và điều chỉnh nguồn lực 3.2.2 Phân phối nguồn lực cho dự án bằng phương pháp ưu tiên	3	3		6	10	Đọc TLC 1, chương 3,4,5,6,7;
3.3 Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án tài nguyên và môi trường 3.3.1 Dự toán ngân sách 3.3.2 Quản lý chi phí dự án	4			4	10	Đọc TLC 1, chương 3,4,5,6,7;;
3.4 Quản lý chất lượng dự án tài nguyên và môi trường	1			1	5	Đọc TLC 1, chương 3,4,5,6,7;
Kiểm tra			1	1	5	
Chương 4. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	3			3	15	
4.1 Giám sát dự án tài	2			2	7	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nguyên và môi trường 4.1.1 Khái niệm, tác dụng của giám sát dự án 4.1.2 Phương pháp giám sát, hệ thống giám sát và các loại hình giám sát 4.1.3 Một số căn cứ đánh giá trong giám sát dự án						8;
4.2 Đánh giá dự án tài nguyên và môi trường 4.2.1 Khái niệm, mục tiêu và phân loại đánh giá dự án 4.2.2 Các bước tiến hành đánh giá dự án	1			1	8	Đọc TLC 1, chương 8;
Chương 5. QUẢN LÝ RỦI RO DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	3			3	15	
5.1 Khái niệm, phân loại và quản lý rủi ro 5.1.1 Khái niệm và phân loại rủi ro 5.1.2 Quản lý rủi ro	1			1	7	Đọc TLC 1, chương 9;
5.2 Nội dung quản lý rủi ro dự án tài nguyên và môi trường 5.2.1 Nhận diện rủi ro và đánh giá, đo lường khả năng thiệt hại 5.2.2 Phân tích đánh giá mức độ rủi ro 5.2.3 Các phương pháp quản lý rủi ro	2			2	8	Đọc TLC 1, chương 9;
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	34	9	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.45 Hạch toán quản lý môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hạch toán quản lý môi trường**
 - Tiếng Anh: **Environmental management accounting**
- Mã học phần: EMA204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Environmental Management major
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết kế toán; Kế toán tài chính
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn kế toán, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

Hiểu và vận dụng được để ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí môi trường và dự toán chi phí môi trường cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí. Bên cạnh đó, sinh viên nắm bắt được mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích môi trường để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu và nắm vững toàn bộ công việc hạch toán quản lý môi trường tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các công cụ của hạch toán quản lý môi trường trong việc phân tích và kiểm soát chi phí môi trường, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính liên quan đến môi trường của doanh nghiệp.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Yêu thích môn học kế toán nói chung và hạch toán quản lý môi trường nói riêng.

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về hạch toán quản lý môi trường; Phương pháp hạch toán quản lý nguyên vật liệu và năng lượng; Phương pháp hạch toán chi phí môi trường và lợi ích môi trường; Hướng dẫn phương pháp lập Báo cáo Chi phí – lợi ích môi trường; Phương pháp thẩm định đầu tư môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, NXB Thống Kê
2. IFAC, (2005). *International Guidance Document: EMA. International Federation of Accountants*, New York.

3. Phạm Đức Hiếu (2012), *Giáo trình kế toán môi trường trong doanh nghiệp*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. D. Jalaludin, M. Sulaiman, N.N.N. d Ahmad (2011), *Understanding Environmental Management Accounting adoption: A New Institutional Sociology Perspective*, *Social Responsibility Journal*, 7 (4) (2011), pp. 540-557t

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: Giảng dạy chủ động, thuyết trình và thảo luận nhóm.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ HẠCH TOÁN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	5			5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Khái niệm hạch toán quản lý môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
1.2. Hạch toán môi trường truyền thống	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
1.3. Nội dung hạch toán quản lý môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
1.4. Kinh nghiệm ứng dụng hạch toán quản lý môi trường	2			2	4	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
1.4.1. Kinh nghiệm hạch toán quản lý môi trường trên thế giới	1					
1.4.2. Kinh nghiệm hạch toán quản lý môi trường tại Việt Nam	1					
Chương 2. HẠCH TOÁN QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ NĂNG LƯỢNG	10	5		15	30	
2.1. Sự cần thiết áp dụng hạch toán nguyên liệu và năng lượng trong các doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
2.2. Nhiệm vụ của hạch toán nguyên liệu và năng lượng	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
2.3. Phương pháp hạch toán dòng nguyên liệu và năng lượng	8	5		13	26	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
2.3.1. Xây dựng sơ đồ dòng nguyên liệu và năng lượng của quá trình sản xuất	2	1		3	6	
2.3.2. Xây dựng bảng thống kê						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đầu vào và đầu ra cho mỗi quá trình sản xuất	2	1		3	6	
2.3.3. Phân loại và tập hợp thông tin về nguyên liệu và năng lượng						
2.3.4. Phân bổ dòng nguyên liệu và năng lượng	2	1		3	6	
2.3.5. Đánh giá, phân tích các kết quả và ra các quyết định quản trị môi trường	1	1		2	4	
	1	1		2	4	
Chương 3. HẠCH TOÁN QUẢN LÝ CHI PHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ LỢI ÍCH MÔI TRƯỜNG	10	5		15	30	
3.1. Vai trò của hạch toán chi phí và doanh thu môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
3.2. Nhiệm vụ kế toán hạch toán chi phí và doanh thu môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
3.3. Hạch toán chi phí môi trường	6	5		11	22	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
3.3.1 Khái niệm chi phí môi trường	2	1		3	6	
3.3.2. Phân loại chi phí môi trường	2	2		4	8	
3.3.3 Phương pháp hạch toán quản lý chi phí môi trường	2	2		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4. Báo cáo chi phí – lợi ích môi trường	2			2	4	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. THẨM ĐỊNH ĐẦU TƯ MÔI TRƯỜNG TRONG DOANH NGHIỆP	5	3		8	16	
4.1. Sự cần thiết của hoạt động thẩm định đầu tư môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
4.2. Mục tiêu thẩm định đầu tư môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
4.3. Phương pháp thẩm định đầu tư môi trường	3	3		6	12	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
4.3.1. Thẩm định đầu tư môi trường vật chất	1	1		2	4	
4.3.2. Thẩm định đầu tư môi trường về mặt giá trị	2	2		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.46 Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Resources and Environmental Economic Management**
- Mã học phần: REEM204
- Số tín chỉ: 05

- Đối tượng học: Bachelor, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Kinh tế môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 75 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 65 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 150 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý môi trường trong các lĩnh vực tự nhiên, kinh tế, xã hội đặc biệt là về tự nhiên và kinh tế. Các vấn đề về quản lý môi trường tự nhiên, tài nguyên thiên ở cả góc độ vi mô và vĩ mô.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng linh hoạt các chính sách về quản lý môi trường và quản lý tài nguyên vào thực tiễn công việc.
- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đến quản lý tài nguyên và môi trường. Đảm bảo tuân thủ đúng các quy định, các chính sách ban hành trong quá trình quản lý các vấn đề liên quan đến tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường

- Quản lý nhà nước về môi trường
- Quản lý tài nguyên
- Quản lý môi trường trong doanh nghiệp

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
3. GS. TS. Nguyễn Hoàng Toàn, PGS, TS. Mai Văn Bưu, (2008), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đỗ Thị Lan Anh, Đỗ Anh Tài (2007), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên đất*, NXB Nông nghiệp.
2. Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như:

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- 02 đầu điểm hệ số 1: Điểm kiểm tra 1 tiết/ điểm tiểu luận/ thảo luận nhóm/ điểm chuyên cần trong quá trình học tập.
- 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHẬP MÔN QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	02			02	04	
1.1. Đối tượng của môn học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Nhiệm vụ của môn học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1 chương 1;
1.3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học <i>1.3.1. Phương pháp nghiên cứu chung</i> <i>1.3.2. Phương pháp nghiên cứu thực tế</i> <i>1.3.3. Phương pháp chuyên</i>	1			1	2	Đọc TLC 1 chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>gia</i>						
Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ VÀ THÁCH THỨC ĐẶT RA ĐÒI HỎI PHẢI QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	06			06	12	
2.1. Những vấn đề tài nguyên và môi trường cơ bản toàn cầu <i>2.1.1. Nước ngọt</i> <i>2.1.2. Suy giảm rừng và đa dạng sinh học</i> <i>2.1.3. Năng lượng</i> <i>2.1.4. Biến đổi khí hậu</i> <i>2.1.5. Ô nhiễm môi trường</i>	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 1;
2.2. Những thách thức đối với môi trường toàn cầu <i>2.2.1. Dân số tiếp tục gia tăng</i> <i>2.2.2. Nghèo đói và bất bình đẳng</i> <i>2.2.3. Lương thực và nông nghiệp</i> <i>2.2.4. Quá trình toàn cầu hóa</i>	2			2	3	Đọc TLC 1 chương 1;
2.3. Tác động của các vấn đề	2			2	3	Đọc TLC 1 chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>môi trường toàn cầu đối với Việt Nam</p> <p>2.2.1. Vấn đề môi trường của lưu vực sông Mê Kong và sông Hồng</p> <p>2.2.2. Vấn đề môi trường của các vùng rừng chung biên giới</p> <p>2.2.3. Vấn đề mưa axit</p> <p>2.2.4. Vấn đề ô nhiễm tầng khí quyển, hiệu ứng nhà kính và suy giảm tầng ozon</p> <p>2.3.5. Vấn đề ô nhiễm biển và đại dương</p> <p>2.3.6. Vấn đề chuyển dịch ô nhiễm</p>						1;
2.4. Những vấn đề thách thức đối với môi trường Việt Nam hiện nay	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 1;
Chương 3. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	09			09	18	
3.1. Khái niệm quản lý tài nguyên và môi trường	2			2	3	Đọc TLC 1,3 chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.1.1. Định nghĩa</p> <p>3.1.2. Bản chất quản lý tài nguyên và môi trường</p> <p>3.1.3. Quản lý tài nguyên và môi trường là môn khoa học</p> <p>3.1.4. Quản lý tài nguyên và môi trường là một nghề</p>						
3.2. Đối tượng của quản lý tài nguyên và môi trường	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 1;
3.3. Mục tiêu quản lý tài nguyên và môi trường	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 1;
3.4. Nguyên tắc trong quản lý tài nguyên và môi trường	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 1;
<p>3.5. Các phương pháp quản lý tài nguyên và môi trường</p> <p>3.5.1. Khái quát về phương pháp quản lý tài nguyên và môi trường</p> <p>3.5.2. Phương pháp quản lý nội bộ hệ thống</p> <p>3.5.3. Các phương pháp tác động lên hệ thống tài nguyên môi trường khác</p> <p>3.5.4. Nghệ thuật quản lý tài nguyên và môi trường</p>	2			2	3	Đọc TLC 1,3 chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.6. Các chức năng quản lý tài nguyên và môi trường</p> <p><i>3.6.1. Phân loại chức năng quản lý tài nguyên và môi trường</i></p> <p><i>3.6.2. Chức năng hoạch định</i></p> <p><i>3.6.3. Chức năng tổ chức</i></p> <p><i>3.6.4. Chức năng điều khiển</i></p> <p><i>3.6.5. Chức năng kiểm soát điều chỉnh</i></p>	2			2	3	Đọc TLC 1,3 chương 1;
Chương 4. CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	08		02	10	20	
<p>4.1. Chiến lược bảo vệ môi trường toàn cầu và khu vực</p> <p><i>4.1.1. Chiến lược bảo vệ môi trường toàn cầu</i></p> <p><i>4.1.2. Chiến lược bảo vệ môi trường khu vực Đông Nam Á</i></p>	2					Đọc TLC 1,3 chương 2;
<p>4.2. Các văn bản pháp lý quốc tế về bảo vệ môi trường</p> <p><i>4.2.1. Công ước Ramsar về đất ngập nước 1971</i></p> <p><i>4.2.2. Công ước về Buôn bán</i></p>	2					Đọc TLC 1 chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>các loài động vật hoang dã có nguy cơ bị đe dọa (CITES)</i>						
4.3. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia <i>4.3.1. Khái niệm về chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia</i> <i>4.3.2. Nội dung của chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia</i>	2					Đọc TLC 1 chương 2;
4.4. Các văn bản pháp luật bảo vệ môi trường quốc gia <i>4.4.1. Các văn bản luật</i> <i>4.4.2. Các văn bản dưới luật</i>	1					Đọc TLC 1 chương 2;
4.5. Các tiêu chuẩn trong quản lý tài nguyên và môi trường <i>4.5.1. Khái niệm về tiêu chuẩn tài nguyên và môi trường</i> <i>4.5.2. Các loại tiêu chuẩn tài nguyên và môi trường</i>	1		2			Đọc TLC 1 chương 2;
Chương 5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG	3			3	6	
5.1. Khái niệm quản lý Nhà	1			1	2	Đọc TLC 1,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nước về môi trường <i>5.1.1. Khái niệm chung</i> <i>5.1.2. Vai trò của quản lý Nhà nước về môi trường</i> <i>5.1.3. Đặc điểm quản lý Nhà nước về môi trường</i>						chương 2;
5.2. Nội dung và hình thức quản lý Nhà nước về môi trường <i>5.2.1. Những nội dung quản lý Nhà nước về môi trường theo quy định của luật pháp</i> <i>5.2.2. Các hình thức quản lý môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,3 chương 2;
5.3. Cơ cấu tổ chức quản lý Nhà nước về môi trường <i>5.3.1. Cơ quan quản lý trung ương</i> <i>5.3.2. Cơ quan quản lý địa phương</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,3 chương 2;
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	6			6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.1. Quy hoạch môi trường và phát triển bền vững</p> <p><i>6.1.1. Mối quan hệ quy hoạch môi trường và phát triển bền vững</i></p> <p><i>6.1.2. Hiện trạng quy hoạch môi trường ở Việt Nam và sự cần thiết xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển tài nguyên và môi trường</i></p>	2			2	4	Đọc TLC 1 chương 2;
<p>6.2. Cơ sở tiền đề cho quy hoạch tổng thể phát triển tài nguyên và môi trường</p> <p><i>6.2.1. Cơ sở pháp lý</i></p> <p><i>6.2.2. Cơ sở thực tiễn</i></p> <p><i>6.2.3. Các mối liên hệ trong xây dựng quy hoạch môi trường</i></p> <p><i>6.2.4. Tổng quan quá trình xây dựng quy hoạch môi trường</i></p>	2			2	4	Đọc TLC 1 chương 2;
<p>6.3. Quy hoạch tổng thể phát triển tài nguyên và môi trường</p> <p><i>6.3.1. Đánh giá các nguồn tài nguyên và môi trường</i></p>	2			2	4	Đọc TLC 1 chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.3.2. Đánh giá tác động môi trường</p> <p>6.3.3. Đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>6.3.4. Quy hoạch quản lý môi trường</p> <p>6.3.5. Hệ thống các chỉ tiêu và chỉ số môi trường</p>						
Chương 7. MÔ HÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG DOANH NGHIỆP	11		01	12	24	
<p>7.1. Khái quát về mối quan hệ kinh doanh và môi trường</p> <p>7.1.1. Quan điểm tiếp cận</p> <p>7.1.2. Kinh doanh</p> <p>7.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh</p>	2			2	4	Đọc TLC 1 chương 5,
<p>7.2. Chiến lược kinh doanh và môi trường</p> <p>7.2.1. Một số khái niệm</p> <p>7.2.2. Gắn kết vấn đề môi trường trong hoạt động kinh doanh</p> <p>7.2.3. Cách thức xây dựng</p>	2			2	4	Đọc TLC 1 chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>chiến lược công ty thân thiện với môi trường</i>						
7.3. Tổ chức quản lý và kiểm toán môi trường <i>7.3.1. Chiến lược quản trị môi trường và các công cụ</i> <i>7.3.2. Quản trị môi trường và hệ thống tiêu chuẩn EMA</i> <i>7.3.3. Hệ thống tiêu chuẩn ISO14000 và ISO14001</i> <i>7.3.4. Hiện trạng và triển vọng áp dụng hệ thống quản trị môi trường doanh nghiệp</i>	2			2	4	Đọc TLC 1 chương 5
7.4. Bảo vệ môi trường tại các cấp quản lý của doanh nghiệp <i>7.4.1. Marketing môi trường</i> <i>7.4.2. Quản lý đầu tư và các yếu tố môi trường</i> <i>7.4.3. Quản lý nhân lực có định hướng môi trường</i> <i>7.4.4. Khía cạnh môi trường của quản lý tài chính doanh nghiệp</i>	2			2	4	Đọc TLC 1 chương 5
7.5. Các công cụ sử dụng trong hệ thống quản trị môi	2			2	4	Đọc TLC 1 chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trường doanh nghiệp <i>7.5.1. Các công cụ quản lý môi trường của doanh nghiệp</i> <i>7.5.2. Kế toán và kiểm toán môi trường của doanh nghiệp</i> <i>7.5.3. Các chỉ số phản ảnh hoạt động môi trường của doanh nghiệp</i> <i>7.5.4. Đánh giá chu trình vòng đời của sản phẩm</i> <i>7.5.5. Kiểm soát môi trường</i>						
7.6. Các mô hình quản lý môi trường thông dụng <i>7.6.1. Mô hình xử lý cuối đường ống</i> <i>7.6.2. Mô hình sản xuất sạch hơn</i>	1		1	1	4	Đọc TLC 1 chương 5
Chương 8. QUẢN LÝ KINH TẾ VỀ TÀI NGUYÊN	08		02	10	20	
8.1. Quản lý tài nguyên đất <i>8.1.1. Suy giảm chất lượng đất</i> <i>8.1.2. Quản lý môi trường</i>	2			2	4	Đọc TLC 2 chương 3,4,5,6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>đất</i>						
8.2. Quản lý tài nguyên nước 8.2.1. Suy giảm chất lượng nguồn nước sạch 8.2.2. Quản lý nguồn nước sạch 8.2.3. Kiểm soát nguồn nước bị ô nhiễm	2			2	4	Đọc TLC 2 chương 3,4,5,6
8.3. Quản lý tài nguyên rừng và đa dạng sinh học 8.3.1. Nguyên nhân suy giảm rừng và đa dạng sinh học 8.3.2. Quản lý rừng và đa dạng sinh học 8.3.3. Quản lý các khu bảo tồn và vườn quốc gia	2			2	4	Đọc TLC 2 chương 3,4,5,6
8.4. Quản lý môi trường biển và dải ven bờ 8.4.1. Vai trò của biển và dải ven bờ đối với phát triển kinh tế-xã hội 8.4.2. Ô nhiễm môi trường biển và dải ven bờ 8.4.3. Quản lý ô nhiễm môi trường biển và dải ven bờ	1			1	4	Đọc TLC 2 chương 3,4,5,6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.5. Quản lý môi trường không khí <i>8.5.1. Suy giảm chất lượng môi trường không khí</i> <i>8.5.2. Kiểm soát chất lượng môi trường không khí</i> <i>8.5.3. Chính sách cho suy giảm tầng ozon và nóng lên toàn cầu</i>	1		2	3	4	Đọc TLC 2 chương 3,4,5,6
Chương 9. QUẢN LÝ KINH TẾ VỀ CHẤT THẢI	12		03	15	30	
9.1. Tổng quan về chất thải <i>9.1.1. Khái niệm về chất thải</i> <i>9.1.2. Phân loại chất thải</i> <i>9.1.3. Thuộc tính của chất thải</i> <i>9.1.4. Sự lan truyền chất gây ô nhiễm</i>	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 6
9.2. Ô nhiễm môi trường do các nguồn thải <i>9.2.1. Khái niệm ô nhiễm do nguồn thải</i> <i>9.2.2. Ô nhiễm do các ngành sản xuất trong nền kinh tế</i> <i>9.2.3. Ô nhiễm do các doanh</i>	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nghiệp</i> 9.2.4. Ô nhiễm do tiêu dùng xã hội						
9.3. Thực trạng về phát sinh chất thải hiện nay ở Việt Nam	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 6
9.4. Kinh tế chất thải 9.4.1. Phòng ngừa và giảm thiểu chất thải từ nguồn phát sinh 9.4.2. Tái sử dụng và tái chế chất thải 9.4.3. Những chất thải loại bỏ phải xử lý 9.4.4. Quản lý chất thải từ hoạt động sản xuất và tiêu dùng	2			2	3	Đọc TLC 1 chương 6
9.5. Các phương pháp nghiên cứu chất thải 9.5.1. Cách tiếp cận của kinh tế học vĩ mô 9.5.2. Cách tiếp cận của kinh tế học vi mô 9.5.3. Cách tiếp cận từ phân tích chi phí-lợi ích	2			2	3	Đọc TLC 1 chương 6
9.6. Kinh tế học về chất thải	1			1	3	Đọc TLC 1 chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sinh hoạt						6
9.7. Kinh tế học về chất thải công nghiệp	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 6
9.8. Kinh tế học chất thải có nguồn gốc khác <i>9.8.1. Chất thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp</i> <i>9.8.2. Chất thải rắn làng nghề</i> <i>9.8.3. Chất thải rắn thương mại</i>	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 6
9.9. Kinh tế học quản lý chất thải nguy hại	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 6
9.10. Các công cụ trong quản lý chất thải <i>9.10.1. Các công cụ pháp luật</i> <i>9.10.2. Các công cụ kinh tế</i> <i>9.10.3. Các công cụ tuyên truyền giáo dục nhận thức</i> <i>9.10.4. Kinh tế chất thải có sự tham gia của cộng đồng</i>	1		3	4	3	Đọc TLC 1 chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	65		10	75	150	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.47 Kinh tế môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế môi trường**
 - Tiếng Anh: **Environment Economics**
- Mã học phần: EVE202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu môn học Kinh tế môi trường, người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học Kinh tế môi trường; trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường, phát triển và phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như khái niệm ô

nhiệm, khái niệm ngoại ứng,...; xác định được mức ô nhiễm tối ưu và phân tích được các công cụ kiểm soát ô nhiễm; phân tích các công cụ và chính sách quản lý môi trường. Trang bị những cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; trang bị những cơ sở lý luận để nhìn nhận, phân tích đánh giá môi trường trong bối cảnh của cơ chế thị trường. Đánh giá những tác động (tích cực và tiêu cực) của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường. Tiếp cận phân tích kinh tế của những tác động tới môi trường, góp phần thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển thông qua phân tích chi phí – lợi ích và phân tích chi phí – hiệu quả, góp phần hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển những phương thức quản lý môi trường hợp lý.

- *Về kỹ năng:*

+ **Kỹ năng nhận thức:** Phân tích, đánh giá được mức ô nhiễm và những ảnh hưởng về mặt môi trường của từng hoạt động kinh tế; phân tích được các chỉ tiêu cơ bản đánh giá tác động môi trường; phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích lợi ích – chi phí trong quản lý môi trường. Nâng cao nhận thức về môi trường, về mối quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc và quy định lẫn nhau giữa môi trường và phát triển để mọi cá nhân, mọi cộng đồng có hành vi đúng đắn vì mục đích phát triển bền vững. Đặc biệt là đối với các chuyên gia kinh tế và quản trị kinh doanh.

+ **Kỹ năng nghề nghiệp:** Vận dụng các phương pháp xác định mức ô nhiễm tối ưu cho từng hoạt động kinh tế cụ thể.

+ **Kỹ năng làm việc nhóm:** Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ **Kỹ năng tư duy:** Từ những phân tích, đánh giá về tình hình ô nhiễm do từng hoạt động kinh tế cụ thể gây ra có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý và điều khiển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp đồng thời bảo vệ được môi trường

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Kinh tế môi trường nghiên cứu các vấn đề về môi trường với viễn cảnh và những ý tưởng, phân tích của kinh tế học. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu

nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra những quy định, những chính sách kiểm soát ô nhiễm để giảm được suy thoái môi trường.

- Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, trợ cấp giảm thải, tiêu chuẩn môi trường... bao hàm trong các vấn đề: Những khái niệm ban đầu về môi trường; mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường; các vấn đề kinh tế về ô nhiễm môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. TS Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài Chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Field B. và N. Olewiler (2005), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản McGraw – Hill Ryerson Limited, Canada.
2. Nguyễn Văn Song (2008), *Bài giảng Kinh tế tài nguyên môi trường*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu,...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần: Yêu cầu và cách thức đánh giá được đánh giá thông qua các tiêu chí như:

- Sự hiện diện trên lớp: Không được nghỉ quá 30% số tiết học trên lớp
- Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận
- Trong quá trình học, giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHẬP MÔN KINH TẾ MÔI TRƯỜNG	2			2	4	
1.1. Sự ra đời của Kinh tế môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, Chương mở đầu
1.2. Khái niệm, đối tượng và nội dung môn học <i>1.2.1. Khái niệm kinh tế tài nguyên và môi trường</i> <i>1.2.2. Đối tượng và nội dung môn học.</i>						Đọc TLC 2,3 Chương 1
1.3. Phương pháp nghiên cứu môn học <i>1.3.1. Phương pháp phân tích hệ thống</i> <i>1.3.2. Phương pháp toán học và đồ thị</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, Chương mở đầu

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>1.3.3. Phương pháp phân tích biên và phân tích lợi ích – chi phí</i>						
Chương 2. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	5			5	10	
2.1. Một số khái niệm cơ bản <i>2.1.1. Khái niệm và phân loại môi trường</i> <i>2.1.2. Khái niệm và phân loại tài nguyên</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 Chương 1 Đọc TLC 3 Chương 2
2.2. Mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế và môi trường <i>2.2.1. Vai trò của hệ thống môi trường</i> <i>2.2.2. Hoạt động của hệ thống kinh tế và tác động của nó đến môi trường</i>	2			2	4	Đọc TLC 1,2 Chương 1 Đọc TLC 3 Chương 2
2.3. Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển bền vững <i>2.3.1. Các quan điểm về mối quan hệ giữa môi</i>	2			2	4	Đọc TLC 1,2 Chương 1 Đọc TLC 3 Chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trường và phát triển</i> 2.3.2. <i>Phát triển bền vững</i>						
Chương 3. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ MÔI TRƯỜNG	8	4		12	24	
3.1. Lợi ích ròng xã hội	2			2	8	Đọc TLC 1 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 3
3.2. Thất bại thị trường 3.2.1. <i>Khái quát về thất bại thị trường</i> 3.2.2. <i>Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường</i>	1			1	8	Đọc TLC 1 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 3
3.3. Ngoại ứng 3.3.1. <i>Khái niệm và phân loại ngoại ứng</i> 3.3.2. <i>Tác động của ngoại ứng tiêu cực</i> 3.3.3. <i>Tác động của ngoại ứng tích cực</i>	5	4		9	8	Đọc TLC 1 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ Ô NHIỄM	15	4		19	38	
4.1. Ô nhiễm tối ưu	3			3	8	Đọc TLC 1,2 Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.1.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường</p> <p>4.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu</p>						2 Đọc TLC 3 Chương 3
<p>4.2. Định lý Ronald Coase</p> <p>4.2.1. Quyền sở hữu và cơ sở hình thành lý thuyết</p> <p>4.2.2. Lý thuyết Ronald Coase và khả năng thỏa thuận thông qua thị trường</p> <p>4.2.3. Khả năng áp dụng và hạn chế của lý thuyết Ronald Coase</p>	2			2	15	Đọc TLC 1,2 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 3,4
<p>4.3. Các công cụ kiểm soát ô nhiễm</p> <p>4.3.1. Thuế môi trường</p> <p>4.3.2. Trợ cấp giảm thải</p> <p>4.3.3. Phí xả thải và tiêu chuẩn môi trường</p> <p>4.3.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng</p> <p>4.3.5. Một số công cụ khác</p>	10	4		14	15	Đọc TLC 1,2 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 4
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 5. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC CÔNG CỤ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM			5	5	10	
5.1. Thực trạng ô nhiễm môi trường			2	2	5	Đọc TLC 1 Chương 5 Đọc TLC 2 Chương 4,5 Đọc TLC 3 Chương 5,6
5.2. Thực trạng áp dụng các công cụ kiểm soát ô nhiễm môi trường tại Việt Nam			3	3	5	Đọc TLC 1 Chương 5 Đọc TLC 2 Chương 4,5 Đọc TLC 3 Chương 5,6
Cộng	30	08	07	45		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.48 Kinh tế tài nguyên biển

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên biển**
Tiếng Anh: **Marine resource economics**
- Mã học phần: MRE212
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên Biển, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay; Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh và tài nguyên biển không có khả năng tái sinh; Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển, và những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Ý nghĩa của việc đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển và các phương pháp đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển.

+ Phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nhận thức: Hình thành nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác và quản lý hiệu quả tài nguyên biển.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác và quản lý tài nguyên biển vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm.

+ *Kỹ năng tư duy*: Thông qua vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Hình thành thái độ tích cực trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Kinh tế Tài nguyên Biển nghiên cứu tài nguyên biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay.

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về một số mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên biển; Những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Các phương pháp cơ bản đánh giá giá trị tài nguyên biển.

Ngoài ra, học phần còn làm rõ những vấn đề thực tiễn về khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên) (2003), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý Môi trường*, NXB Thống kê.
3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), *Quản lý biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Hồng Thao (2003), *Bảo vệ Môi trường biển - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi- đáp về biển đảo*, NXB Thông tin và Truyền thông.
3. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Diễn đàn Phát triển Việt Nam.
4. Nguyễn Chu Hồi, Trần Thị Hoa, Vũ Thị Thảo, Nguyễn Văn Công (2012), *Cẩm nang Quy hoạch không gian biển và vùng bờ cấp địa phương*.
5. Nguyễn Lâm Anh, Trần Văn Phước, Nguyễn Trọng Lương (2011), *Quản lý tổng hợp vùng ven biển*, Đại học Nha Trang.
6. Tổng cục Thủy sản (2012), *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*.
7. Tổng công ty dầu khí Việt Nam (2005), *Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam*.
8. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2013), *Đề án Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển đến năm 2020*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần bao gồm: Thuyết trình, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu tài liệu, ...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trên lớp, bao gồm: nghe giảng, phát biểu, làm bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, ...
- Tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của giảng viên giao, bao gồm: tự đọc tài liệu, làm bài tập ở nhà, ...
- Thực hiện đầy đủ 2 bài kiểm tra hệ số 1 theo quy định.
- Chấp hành quy định về thời gian lên lớp, nội quy trong giờ học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN	4			4	8	
1.1. Tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 + chương 2; Đọc TLC 2, chương 1.
1.1.1. Khái niệm, phân loại tài nguyên biển	0,5			0,5	1	
1.1.2. Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân	0,5			0,5	1	
1.2. Kinh tế tài nguyên biển	2,5			2,5	5	Đọc TLĐT 1; Đọc TLĐT 2; Đọc TLĐT 3.
1.2.1. Khái niệm, tầm quan trọng của Kinh tế tài nguyên biển	1			1	2	
1.2.2. Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay	1,5			1,5	3	
1.3. Đối tượng, nội dung và mục tiêu nghiên cứu của học phần Kinh tế tài nguyên biển	0,5			0,5	1	
Chương 2. CÁC MÔ HÌNH	10			10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LÝ THUYẾT CƠ BẢN TRONG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN BIỂN						
2.1. Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh	6			6	12	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 4.
2.1.1. Mô hình tăng trưởng theo thời gian	0,5			0,5	1	
2.1.2. Mô hình cân bằng sinh học	1,5			1,5	3	
2.1.3. Mô hình khai thác trong điều kiện tự do tiếp cận và điều kiện sở hữu tư nhân	2			2	4	
2.1.4. Đường cung của ngành						
2.2. Các mô lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển không có khả năng tái sinh	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 4.
2.2.1. Mô hình khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo	2			2	4	
2.2.2. Mô hình khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh trong thị trường độc quyền	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN BIỂN	6			6	12	
3.1. Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 4.
3.2. Một số biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển	5			5	10	Đọc TLC 3, chương 4; Đọc TLC 1, chương 5+ chương 6.
3.2.1. Quản lý tài nguyên biển thông qua công cụ thuế	1			1	2	Đọc TLĐT 4;
3.2.2. Quản lý tài nguyên biển thông qua công cụ hạn ngạch, can thiệp giá	1			1	2	Đọc TLĐT 5.
3.2.3. Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên biển	1			1	2	
3.2.4. Quy hoạch không gian biển	1			1	2	
3.2.5. Quản lý tổng hợp vùng ven biển	1			1	2	
Chương 4. ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ KINH TẾ CỦA TÀI NGUYÊN BIỂN	4			4	8	
4.1. Giá trị kinh tế tài nguyên và ý nghĩa của việc đánh giá giá trị tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Một số phương pháp đánh giá giá trị kinh tế tài nguyên biển	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 3.
4.2.1. Phương pháp chi phí lợi ích	0,5			0,5	1	
4.2.2. Phương pháp giá trị thị trường	0,5			0,5	1	
4.2.3. Phương pháp sử dụng các hàng hoá liên quan, thay thế	0,5			0,5	1	
4.2.4. Phương pháp chi phí du lịch	0,5			0,5	1	
4.2.5. Phương pháp tạo dựng thị trường	0,5			0,5	1	
4.2.6. Phương pháp chuyển đổi lợi ích	0,5			0,5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN VIỆT NAM	3		1	4	8	
5.1. Tài nguyên biển Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3. Đọc TLĐT 2.
5.2. Khai thác và quản lý tài nguyên biển Việt Nam	2		1	3	6	Đọc TLĐT 6; Đọc TLĐT 7; Đọc TLĐT 8.
Cộng	27		3	30	60	

9. Nội dung chi tiết học phần

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.49 Kiến tập môn học – Kinh tế tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kiến tập môn học – Kinh tế tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Internship in Natural Resources And Enviromental Economics**
- Mã học phần: ITSE203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế môi trường, Phân tích chi phí - lợi ích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 4 tuần (20 ngày)
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Quan sát và tiếp xúc được với thực tế khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường ở Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được các tác động của hoạt động kinh tế đến môi trường tự nhiên, thực trạng khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường của địa phương trong thực tế.

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, thực trạng ô nhiễm môi trường.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

- + Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- + Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.
- + Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.
- + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
- + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu trữ lượng tài nguyên, thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên.
- Tìm hiểu thực trạng ô nhiễm môi trường và các cách xử lý ô nhiễm môi trường.
- Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập

4. Tài liệu học tập

Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sinh viên tiến hành thực hành tại đơn vị kiến tập dựa trên những kiến thức đã được trang bị của học phần.
- Phương pháp lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.
- Tiêu chí đánh giá bài kiến tập môn học:
 - + Về kết cấu chung: Báo cáo kiến tập môn học phải đảm bảo hoàn thiện đủ 3 nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;
 - + Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo kiến tập môn học của khoa.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung kiến tập môn học theo trọng số, cụ thể:

Nội dung	Điểm đánh giá quá trình kiến tập môn học	Điểm đánh giá báo cáo kiến tập môn học
Trọng số	50%	50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1	8	16	
Tìm hiểu các chủ đề nghiên cứu			
Nội dung 2	7	14	Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của người hướng dẫn và nội quy kiến tập tại đơn vị
Đến đơn vị kiến tập: Sinh viên tự chọn đơn vị kiến tập. Nghe báo cáo giới thiệu về tình hình tài nguyên, thực trạng môi trường nơi kiến tập.			
Tìm hiểu thực trạng khai thác, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường tại nơi kiến tập.			
Nội dung 3	5	10	Thực hiện theo mẫu báo cáo kiến tập môn học.
Viết báo cáo kiến tập môn học			
Cộng	20	40	

4.5.50 Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Independent Study in Natural Resources and Environmental Economics**
- Mã học phần: IDSE204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Natural Resources and Environmental Economics
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý kinh tế tài nguyên môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 4 tuần (20 ngày)
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Nghiên cứu sâu về các vấn đề lý thuyết thuộc nội dung các môn học chuyên ngành;

+ Bước đầu rèn luyện khả năng nghiên cứu và giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành và vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn hoạt động quản lý Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường ở nước ta;

+ Thực hành các kỹ năng chuyên môn đã được trang bị vào các tình huống nghiên cứu cụ thể.

- Về kỹ năng:

+ Nêu cao tinh thần tích cực suy nghĩ, chịu khó tìm tòi, học hỏi, chủ động sáng tạo trong quá trình viết đề án; đảm bảo nộp đề án đúng thời gian quy định.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế của trường và kế hoạch của khoa về việc viết đề án môn học.

+ Chấp hành hướng dẫn và những yêu cầu cụ thể của giáo viên phụ trách.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Đề án môn học chuyên ngành là một công trình NCKH độc lập của sinh viên dựa trên cơ sở thu thập dữ liệu thứ cấp để làm rõ hơn, sâu hơn một vấn đề của môn học chuyên ngành, là bước khởi đầu trong quá trình NCKH của sinh viên.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2013), *Kinh tế và quản lý môi trường*, NXB Thống kê.
2. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), *Lượng giá tài nguyên và môi trường từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam*, NXB Giao thông vận tải.
3. Trần Hùng Sơn (2003), *Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí*, Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Barry Field & Nancy Olewiler, (2005), *Kinh tế môi trường*, Chương trình Kinh tế và Môi trường Đông Nam Á, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phạm Thị Bích Thủy, (2010), *Kinh tế tài nguyên và môi trường*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sinh viên có thể lựa chọn 1 trong 2 phương thức sau:

+ Phương thức thứ nhất: Sinh viên tự lựa chọn đề tài và đăng ký dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

+ Phương thức thứ hai: Giáo viên trực tiếp giao đề tài phù hợp với điều kiện và sở trường của sinh viên/nhóm sinh viên.

Trong đó khuyến khích sinh viên thực hiện theo phương thức thứ nhất.

Ngoài ra, các phương pháp học tập chủ yếu mà sinh viên cần thực hiện là phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu thứ cấp. Bởi vậy các kỹ năng về tìm, đọc, tập hợp, hệ thống hoá dữ liệu, phát hiện vấn đề của sinh viên rất được chú trọng. Phần kết luận và kiến nghị trong đề án yêu cầu có mức độ tương đối.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên thực hiện theo các nhiệm vụ sau:

- Về nội dung:

+ Đề tài phải thuộc phạm vi kiến thức các môn học chuyên ngành mà sinh viên đã và đang được giới thiệu.

+ Đề tài phải có mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, phù hợp với tầm mức của đề án chuyên ngành, không quá rộng hoặc quá hẹp.

+ Đề tài không trùng lặp với đề tài của sinh viên khác trong cùng khóa.

+ Nội dung đảm bảo tính khoa học và thực tiễn: có thể là 1 vấn đề lý thuyết mới về Kinh tế - Quản lý Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường; thực tế Quản lý các nguồn Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường ở Việt Nam; vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã được trang bị vào nghiên cứu thí điểm tại một doanh nghiệp, một ngành, một tổ chức, hay một địa phương cụ thể...

- Về hình thức:

+ Đề án môn học phải được trình bày theo đúng quy định chung của trường và khoa, số lượng trang không vượt quá 30 trang tiêu chuẩn chưa kể phần phụ lục; phông chữ Times New Roman, cỡ 13, cách dòng 1,3; kiểu gõ Unicode, cách lề trên/dưới/phải 2cm, lề trái 3,5cm; số trang đánh ở giữa, trên đầu trang.

+ Đề án môn học nên được chia thành các phần (Phần I, Phần II, Phần III...), được chia tách thành các trang riêng biệt.

+ Nên sơ đồ hóa, vẽ biểu đồ hoặc hình để minh họa. Tiêu đề của các bảng, biểu, sơ đồ, hình minh họa đặt trước nội dung, chữ in đậm, căn chính giữa. Nguồn gốc số liệu, bảng, biểu, sơ đồ được đặt dưới nội dung, dùng chữ in nghiêng, căn phải.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung theo trọng số, cụ thể:

Nội dung	Điểm đánh giá đề cương đề án	Điểm đánh giá đề án hoàn chỉnh
Trọng số	50%	50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Viết đề cương	4	8	
Bài 1. Tập hợp tài liệu tham khảo liên quan Bài 2. Viết đề cương sơ bộ Bài 3. Viết đề cương chi tiết			Sinh viên viết đề cương sơ bộ. Giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết theo đúng thời gian quy định.
Nội dung 2: Viết bản thảo	10	20	
Bài 4. Viết chương 1 Bài 5. Viết chương 2 Bài 6. Viết chương 3			Sinh viên viết bản thảo gửi giáo viên hướng dẫn chữa.
Nội dung 3: Hoàn thiện bài đề án	6	12	
Bài 7. Chỉnh sửa bản thảo Bài 8. Nộp bài đề án hoàn thiện			Sinh viên hoàn thiện bản cuối và gửi cho giáo viên hướng dẫn.
Cộng	20	40	

4.5.51 Thực tập tốt nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Internship**
- Mã học phần: ITS204
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phân tích chi phí - lợi ích, Kinh tế tài nguyên 1,2, Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 08 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Nắm được tình hình thực tế của công tác khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường; Các vấn đề về lượng giá giá trị tài nguyên, môi trường; Thực tế sử dụng phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn các dự án tài nguyên, môi trường ...tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phân lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường trong thực tiễn.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng được các kiến thức đã học để áp dụng trong thực tiễn khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua việc xuống đơn vị thực tập thực hành để hợp tác với các thành viên khác trong nhóm;

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể để đưa ra những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp; Tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao; Tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;

- Tìm hiểu về các hoạt động khai thác và quản lý, lượng giá giá trị tài nguyên môi trường, phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn phương án khai thác quản lý tài nguyên và môi trường;

- Thực tập các hoạt động trong khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường.

4. Tài liệu tham khảo

Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, nghiên cứu, thu thập tài liệu.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải có thái độ nghiêm cứu, học tập nghiêm túc;

- Có tinh thần trách nhiệm khi nhận công việc được giao, làm đến nơi đến chốn, chính xác, kịp thời.

- Chủ động chuẩn bị và tích lũy tài liệu, số liệu để viết báo cáo thực tập;

- Giữ mối quan hệ lành mạnh với tất cả cán bộ công nhân viên tại đơn vị thực tập;

- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và phong trào tại đơn vị thực tập;

- Hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp đúng thời hạn quy định;

/- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá bài thực tập:

+ Về kết cấu chung: Báo cáo thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo hoàn thiện đủ 3 nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;

+ Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp của khoa.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%

8.2. Điểm đánh giá của Trường: Trọng số 60%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Tổng quan về đặc điểm kinh tế - kĩ thuật và tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập	15	30	
Bài 1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin sơ lược về công ty, cơ sở hình thành và phát triển của công ty, các mốc lịch sử cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, các thành tựu cơ bản của đơn vị thực tập...
Bài 2. Chức năng nhiệm vụ/ Đặc điểm hoạt động sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động sản

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
			xuất kinh doanh, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của đơn vị thực tập
Bài 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động ² sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	5	10	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận trong đơn vị thực tập
Bài 4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị thực tập/ Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị thực tập	4	8	Thông tin cơ bản về doanh thu, chi phí, tài sản, nguồn vốn, các thông tin về cơ sở vật chất, lao động... của đơn vị thực tập trong ít nhất 03 năm gần năm thực tập nhất, đồng thời cần phân tích sơ lược ý nghĩa của các thông tin đó
Nội dung 2: Tìm hiểu về hoạt động khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường của đơn vị thực tập	16	32	
Bài 5. Vấn đề khai thác và sử dụng tài nguyên, môi trường tại đơn vị thực tập	8	16	Trình bày về thực trạng quy trình khai thác và sử dụng tài nguyên, môi

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành về khai thác tài nguyên hiệu quả - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến quá trình sử dụng tài nguyên, dịch vụ môi trường 			trường tại đơn vị thực tập.
<p>Bài 6. Vấn đề quản lý tài nguyên, môi trường tại đơn vị thực tập”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành về quy trình quản lý tài nguyên, môi trường - Thực hành về quy trình xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường 	8	16	Trình bày về thực trạng quy trình quản lý tài nguyên, môi trường; Quy trình xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường tại đơn vị thực tập.
Nội dung 3: Đánh giá về tình hình khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên, môi trường tại đơn vị thực tập	9	18	
Bài 7. Đánh giá chung về công tác khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên, môi trường.	4	8	Nêu được những mặt được và hạn chế về công tác khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên, môi trường của đơn vị thực tập.
Bài 8. Kiến nghị, đề xuất về công tác khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên, môi trường.	5	10	Đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện công tác công tác khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên, môi trường tại đơn vị thực tập.
Cộng	40	80	

4.5.52 Khóa luận tốt nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Disertation**
- Mã học phần: DTT209
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 08 tuần (40 ngày)
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được lựa chọn giữa các phương án về khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường.

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của công tác khai thác, quản lý hiệu quả tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Tổng quan đề tài nghiên cứu

- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.

- Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo

Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

Sinh viên xuống cơ sở thực tập để thu tập tài liệu sau đó viết thành báo cáo.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc và có chất lượng chương trình thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường, chấp hành đầy đủ các quy định và kỷ luật lao động của cơ sở nơi thực tập.

- Trong quá trình thực tập, sinh viên phải thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết để viết khóa luận tốt nghiệp.

- Sau khi chọn đề tài các sinh viên viết đề cương chi tiết và liên hệ với các giáo viên hướng dẫn được phân công hướng dẫn để được góp ý, sửa chữa cho đề cương hoàn chỉnh, tạo điều kiện khi viết khóa luận được thuận lợi.

- Trên cơ sở đề cương chi tiết được sửa, sinh viên tiến hành viết và hoàn thiện khóa luận.

- Kết thúc quá trình thực tập, mỗi sinh viên phải hoàn thành một khóa luận tốt nghiệp (có nhận xét của cơ quan thực tập và giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định....

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp:

+ Về kết cấu chung: Báo cáo khóa luận tốt nghiệp phải đảm bảo hoàn thiện đủ các nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;

+ Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo

khóa luận tốt nghiệp của khoa.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá khóa luận là điểm trung bình của 5 thành viên trong hội đồng bảo vệ khóa luận đã được phân công.

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 1÷5	Đăng ký đề tài khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên liên hệ với đơn vị thực tập, giáo viên hướng dẫn được khoa phân công để lựa chọn đề tài viết khóa luận - Gửi bản đăng ký đề tài khóa luận theo lớp và nộp về khoa theo đúng thời gian quy định
Ngày 6÷10	Duyệt đề cương chi tiết của khóa luận tốt nghiệp	Viết đề cương chi tiết theo định hướng của giáo viên hướng dẫn
Ngày 11÷13	Đi thực tế thu thập số liệu	Liên hệ với đơn vị thực tập
Ngày 14÷18	Tổng hợp số liệu và viết tổng quan	
Ngày 19÷28	Xử lý số liệu, viết khóa luận sơ bộ thông qua giáo viên hướng dẫn	
Ngày 29÷31	Báo cáo tiến độ	Khi đã được giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa, sinh viên sẽ nộp một bản để báo cáo tiến độ
Ngày 32÷36	Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	
Ngày	Nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa	Kết thúc thực tập, sinh viên hoàn

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
37÷38		thiện Khóa luận, gửi về Khoa kèm theo xác nhận của cơ sở thực tập và Nhận xét của GVHD đồng ý cho bảo vệ
Ngày 39÷40	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	Chuẩn bị công tác để bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

4.5.53 Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên**
 - Tiếng Anh: **Natural Resources Economics Meta - analysis**
- Mã học phần: NREM204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế tài nguyên I, Kinh tế tài nguyên II
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên, người học trình bày và phân tích được các mô hình trong sử dụng, khai thác và quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, các công cụ quản lý kinh tế về tài nguyên đất, nước, rừng và đa dạng sinh học.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên đất, tài nguyên nước và tài nguyên rừng. Trình bày được các công cụ quản lý tài nguyên.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu đối với từng loại tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng. Cách sử dụng các công cụ kinh tế để quản lý hiệu quả các tài nguyên.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Đưa ra được những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và Nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên đất, nước, rừng một cách bền vững, hiệu quả.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về sử dụng, khai thác và quản lý các loại tài nguyên, cụ thể đối với tài nguyên đất, tài nguyên nước và tài nguyên rừng. Áp dụng các công cụ kinh tế quản lý tài nguyên một cách hợp lý hiệu quả.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên trong đó sẽ đưa ra những nét chung nhất về tài nguyên và kinh tế tài nguyên; Những nội dung cơ bản về đất đai, cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất, đặc biệt học phần tập trung vào việc phân tích kinh tế, xã hội trong việc sử dụng đất; khái quát về kinh tế thủy sản, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác thủy sản, một số

công cụ sử dụng trong quản lý thủy sản; một số nét chung về tài nguyên rừng, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ và quản lý rừng. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp một số công cụ chính để quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, và tài nguyên rừng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), Giáo trình Kinh tế tài nguyên, (2009), NXB Tài chính.
2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Kinh tế đất, NXB Lao Động.
3. Nguyễn Thế Chinh (2003), Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Song (2006), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, NXB Nông nghiệp.
2. Nguyễn Thị Phương Loan (2005), *Giáo trình tài nguyên nước*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như:

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN	4			4	8	
1.1 Khái quát chung về tài nguyên <i>1.1.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên</i> <i>1.1.2. Quyền sở hữu tài nguyên</i> <i>1.1.3. Tài nguyên và phát triển kinh tế</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần <i>1.2.1. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ</i> <i>1.2.2. Phương pháp cơ bản tiếp cận học phần kinh tế tài nguyên</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. KINH TẾ TÀI NGUYÊN ĐẤT	11	3	3	17	34	
2.1. Giới thiệu chung <i>2.1.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của đất đai</i> <i>2.1.2. Vai trò của đất đai trong sự phát triển kinh tế xã hội</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất 2.2.1. Địa tô 2.2.2. Chi phí cơ hội 2.2.3. Lợi thế tuyệt đối và lợi thế tương đối 2.2.4. Mô hình ba mặt 2.2.5. Lý thuyết cung cầu trong sử dụng đất 2.2.6. Phân tích tài chính và phân tích lợi ích chi phí trong kinh tế đất	7,5	2		9,5	19	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
2.3. Phân tích kinh tế, xã hội trong sử dụng đất	2	1	2	5	10	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN NƯỚC	8	2	2	12	24	
3.1. Khái quát chung về tài nguyên nước 3.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tài nguyên nước 3.1.1.2. Tài nguyên nước trên thế giới và Việt Nam 3.1.3. Các nguyên nhân dẫn đến sự khan hiếm nguồn nước	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLĐT 2, chương 1
3.2. Thị trường nước 3.2.1. Cung về nước 3.2.2. Cầu về nước 3.2.3. Thị trường nước và giá cả	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nước</i>						
3.3. Phân tích kinh tế một số dự án tài nguyên nước <i>3.3.1. Phân tích kinh tế dự án cấp nước sinh hoạt</i> <i>3.3.2. Phân tích kinh tế dự án cấp nước nông nghiệp</i> <i>3.3.3. Phân tích kinh tế dự án cấp nước thủy điện</i>	3	1	2	6	12	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 4. KINH TẾ TÀI NGUYÊN RỪNG	5	1		6	12	
4.1. Giới thiệu chung	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
4.2. Mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4
Chương 5. QUẢN LÝ KINH TẾ VỀ TÀI NGUYÊN	5		1	6	12	
5.1. Quản lý tài nguyên đất <i>5.1.1. Suy giảm chất lượng đất</i> <i>5.1.2. Quản lý môi trường đất</i>	1					Đọc TLC 3, chương 3
5.2. Quản lý tài nguyên nước <i>5.2.1. Suy giảm chất lượng nguồn nước sạch</i> <i>5.2.2. Quản lý nguồn nước sạch</i> <i>5.2.3. Kiểm soát nguồn nước bị ô nhiễm</i>	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 4;
5.3. Quản lý tài nguyên rừng và đa dạng sinh học <i>5.3.1. Nguyên nhân suy giảm rừng và đa dạng sinh học</i>	2			3	6	Đọc TLC 3, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.2. Quản lý rừng và đa dạng sinh học 5.3.3. Quản lý các khu bảo tồn và vườn quốc gia						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33	6	6	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

4.5.54 Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường**
 - Tiếng Anh: **Environment Economics Meta - analysis**
- Mã học phần: EEM204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế môi trường, Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập: 08 tiết

- Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường người học trình bày và phân tích được các mô hình kinh tế trong sử dụng và quản lý môi trường. Trang bị những phương pháp nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; trang bị những cơ sở lý luận để nhìn nhận, phân tích đánh giá môi trường trong bối cảnh của cơ chế thị trường. Đánh giá những tác động (tích cực và tiêu cực) của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường. Tiếp cận phân tích kinh tế của những tác động tới môi trường, góp phần thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển thông qua phân tích chi phí – lợi ích và phân tích chi phí – hiệu quả, góp phần hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển những phương thức quản lý môi trường hợp lý.

- *Về kỹ năng:* Phân tích, đánh giá được mức ô nhiễm và những ảnh hưởng về mặt môi trường của từng hoạt động kinh tế; phân tích được các chỉ tiêu cơ bản đánh giá tác động môi trường; phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích lợi ích – chi phí trong quản lý môi trường. Vận dụng các phương pháp xác định mức ô nhiễm tối ưu cho từng hoạt động kinh tế cụ thể. Từ những phân tích, đánh giá về tình hình ô nhiễm do từng hoạt động kinh tế cụ thể gây ra có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý và điều khiển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp đồng thời bảo vệ được môi trường

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra những quy định, những chính sách kiểm soát ô nhiễm để giảm được suy thoái môi trường.
- Mô hình quản lý kinh tế môi trường ở góc độ vi mô và góc độ vĩ mô.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Song (2008), *Bài giảng Kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.
2. Field B. và N. Olewiler (2005), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản McGraw – Hill Ryerson Limited, Canada.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Lý thuyết, thảo luận, tự học, tự nghiên cứu,...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ MÔI TRƯỜNG	5	3		8	22	
1.1. Lợi ích ròng xã hội	1			1	6	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLTK 1,2 chương 1
1.2. Thất bại thị trường <i>1.2.1. Khái quát về thất bại thị trường</i> <i>1.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường</i>	1			1	8	Đọc TLC 1 chương 1; Đọc TLTK 1,2 chương 1
1.3. Ngoại ứng <i>1.3.1. Khái niệm và phân loại ngoại ứng</i> <i>1.3.2. Tác động của ngoại ứng tiêu cực</i> <i>1.3.3. Tác động của ngoại ứng tích cực</i>	3	3		4	8	Đọc TLC 1 chương 1; Đọc TLTK 1,2 chương 1
Chương 2. KINH TẾ Ô NHIỄM	6	4		10	20	
2.1. Ô nhiễm tối ưu <i>2.1.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường</i> <i>2.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu</i>	1			1	4	Đọc TLC 2 chương 2; Đọc TLTK 1,2 chương 2
2.2. Định lý Ronald Coase	2			2	8	Đọc TLC 2 chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.2.1. Quyền sở hữu và cơ sở hình thành lý thuyết</p> <p>2.2.2. Lý thuyết Ronald Coase và khả năng thỏa thuận thông qua thị trường</p> <p>2.2.3. Khả năng áp dụng và hạn chế của lý thuyết Ronald Coase</p>						Đọc TLTK 1,2 chương 2
<p>2.3. Các công cụ kiểm soát ô nhiễm</p> <p>2.3.1. Thuế môi trường</p> <p>2.3.2. Trợ cấp giảm thải</p> <p>2.3.3. Phí xả thải và tiêu chuẩn môi trường</p> <p>2.3.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng</p> <p>2.3.5. Một số công cụ khác</p>	3	4		7	8	Đọc TLC 2 chương 2; Đọc TLTK 1,2 chương 2
Kiểm tra			1	1		
Chương 3. MÔ HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG	3			3	6	
<p>3.1. Khái niệm quản lý Nhà nước về môi trường</p> <p>3.1.1. Khái niệm chung</p> <p>3.1.2. Vai trò của quản lý Nhà nước về môi trường</p> <p>3.1.3. Đặc điểm quản lý Nhà nước về môi trường</p>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 3; Đọc TLTK 1,2 chương 3
3.2. Nội dung và hình thức	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quản lý Nhà nước về môi trường <i>3.2.1. Những nội dung quản lý Nhà nước về môi trường theo quy định của luật pháp</i> <i>3.2.2. Các hình thức quản lý môi trường</i>						Đọc TLTK 1,2 chương 3
3.3. Cơ cấu tổ chức quản lý Nhà nước về môi trường <i>3.3.1. Cơ quan quản lý trung ương</i> <i>3.3.2. Cơ quan quản lý địa phương</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 3; Đọc TLTK 1,2 chương 3
Chương 4. QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	6			3	6	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLTK 1,2 chương 4
4.1. Quy hoạch môi trường và phát triển bền vững <i>4.1.1. Mối quan hệ quy hoạch môi trường và phát triển bền vững</i> <i>4.1.2. Hiện trạng quy hoạch môi trường ở Việt Nam và sự cần thiết xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển tài nguyên và môi trường</i>	2			2	2	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLTK 1,2 chương 4
4.2. Cơ sở tiền đề cho quy hoạch tổng thể phát triển tài	2			2	2	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLTK 1,2 chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nguyên và môi trường <i>4.2.1. Cơ sở pháp lý</i> <i>4.2.2. Cơ sở thực tiễn</i> <i>4.2.3. Các mối liên hệ trong xây dựng quy hoạch môi trường</i> <i>4.2.4. Tổng quan quá trình xây dựng quy hoạch môi trường</i>						
4.3. Quy hoạch tổng thể phát triển tài nguyên và môi trường <i>4.3.1. Đánh giá các nguồn tài nguyên và môi trường</i> <i>4.3.2. Đánh giá tác động môi trường</i> <i>4.3.3. Đánh giá môi trường chiến lược</i> <i>4.3.4. Quy hoạch quản lý môi trường</i> <i>4.3.5. Hệ thống các chỉ tiêu và chỉ số môi trường</i>	2			2	2	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLTK 1,2 chương 4
Chương 5. MÔ HÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG DOANH NGHIỆP	6			6	12	
5.1. Khái quát về mối quan hệ kinh doanh và môi trường <i>5.1.1. Quan điểm tiếp cận</i> <i>5.1.2. Kinh doanh</i> <i>5.1.3. Những yếu tố ảnh</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hướng đến hoạt động kinh doanh</i>						
5.2. Chiến lược kinh doanh và môi trường <i>5.2.1. Một số khái niệm</i> <i>5.2.2. Gắn kết vấn đề môi trường trong hoạt động kinh doanh</i> <i>5.2.3. Cách thức xây dựng chiến lược công ty thân thiện với môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5
5.3. Tổ chức quản lý và kiểm toán môi trường <i>5.3.1. Chiến lược quản trị môi trường và các công cụ</i> <i>5.3.2. Quản trị môi trường và hệ thống tiêu chuẩn EMA</i> <i>5.3.3. Hệ thống tiêu chuẩn ISO14000 và ISO14001</i> <i>5.3.4. Hiện trạng và triển vọng áp dụng hệ thống quản trị môi trường doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5
5.4. Bảo vệ môi trường tại các cấp quản lý của doanh nghiệp <i>5.4.1. Marketing môi trường</i> <i>5.4.2. Quản lý đầu tư và các yếu tố môi trường</i> <i>5.4.3. Quản lý nhân lực có định hướng môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4.4. <i>Khía cạnh môi trường của quản lý tài chính doanh nghiệp</i>						
5.5. Các công cụ sử dụng trong hệ thống quản trị môi trường doanh nghiệp <i>5.5.1. Các công cụ quản lý môi trường của doanh nghiệp</i> <i>5.5.2. Kế toán và kiểm toán môi trường của doanh nghiệp</i> <i>5.5.3. Các chỉ số phản ánh hoạt động môi trường của doanh nghiệp</i> <i>5.5.4. Đánh giá chu trình vòng đời của sản phẩm</i> <i>5.5.5. Kiểm soát môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5
5.6. Các mô hình quản lý môi trường thông dụng <i>5.6.1. Mô hình xử lý cuối đường ống</i> <i>5.6.2. Mô hình sản xuất sạch hơn</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5
Chương 6. QUẢN LÝ KINH TẾ VỀ CHẤT THẢI	7		3	10	24	
6.1. Tổng quan về chất thải <i>6.1.1. Khái niệm về chất thải</i> <i>6.1.2. Phân loại chất thải</i> <i>6.1.3. Thuộc tính của chất thải</i>	1				2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1.4. Sự lan truyền chất gây ô nhiễm						
6.2. Ô nhiễm môi trường do các nguồn thải 6.2.1. Khái niệm ô nhiễm do nguồn thải 6.2.2. Ô nhiễm do các ngành sản xuất trong nền kinh tế 6.2.3. Ô nhiễm do các doanh nghiệp 6.2.4. Ô nhiễm do tiêu dùng xã hội	0,5				2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.3. Thực trạng về phát sinh chất thải hiện nay ở Việt Nam	0,5				2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.4. Kinh tế chất thải 6.4.1. Phòng ngừa và giảm thiểu chất thải từ nguồn phát sinh 6.4.2. Tái sử dụng và tái chế chất thải 6.4.3. Những chất thải loại bỏ phải xử lý 6.4.4. Quản lý chất thải từ hoạt động sản xuất và tiêu dùng	1				2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.5. Các phương pháp nghiên cứu chất thải 6.5.1. Cách tiếp cận của kinh tế học vĩ mô	0,5				2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.5.2. Cách tiếp cận của kinh tế học vi mô 6.5.3. Cách tiếp cận từ phân tích chi phí-lợi ích						
6.6. Kinh tế học về chất thải sinh hoạt	0,5				2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.7. Kinh tế học về chất thải công nghiệp	0,5				2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.8. Kinh tế hoặc chất thải có nguồn gốc khác 6.8.1. Chất thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp 6.8.2. Chất thải rắn làng nghề 6.8.3. Chất thải rắn thương mại	0,5				4	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.9. Kinh tế học quản lý chất thải nguy hại	1		1		2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.10. Các công cụ trong quản lý chất thải 6.10.1. Các công cụ pháp luật 6.10.2. Các công cụ kinh tế 6.10.3. Các công cụ truyền giáo dục nhận thức 6.10.4. Kinh tế chất thải có sự tham gia của cộng đồng	1		2		4	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
Kiểm tra			1	1		Đọc TLC 1 chương 6;
Cộng	33	7	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.6 Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

4.6.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

Trụ sở chính:

- Tổng diện tích đất của Trường: 69.485 m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa: 25.787m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 2000 chỗ ở.

4.6.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành máy Trung tâm Công nghệ thông tin	Bao gồm 22 phòng máy với hơn 1100 máy tính cấu hình cao được sử dụng để phục vụ công tác đào tạo

4.6.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	04
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	6
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	160
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	24
5	Số phòng học đa phương tiện	66

4.6.1.4. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin1	Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2011), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		Minh), Nxb CTQG, HN.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo (2013), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
4	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	9. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), <i>Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác</i> , NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh. 10. Nguyễn Văn Đồng (2011), <i>Giáo trình Tâm lý học giao tiếp</i> , NXB Chính trị - Hành chính. 11. Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i> , NXB Kinh tế quốc dân.
5	Pháp luật đại cương	1. TS. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2009), <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), <i>Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> , NXB Công An Nhân Dân, Hà Nội 3. GVC.TS. Vũ Quang (2013), <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i> , NXB Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
6	Tiếng Anh 1 New cutting Edge (Elementary)	New cutting Edge (Elementary)
7	Tiếng Anh 2	New cutting Edge (Pre-Intermediate)
8	Toán cao cấp	Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 1998, Toán học cao cấp (Tập 1, 2, 3), Nhà xuất bản Giáo Dục.
9	Tin học đại cương	1. <i>Tự học windows 7, Tự học Microsoft Excel 2010</i> , NXB Văn hóa Thông tin.. 2. <i>Tự học Word 2010</i> , NXB Hồng Bàng.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		3. Tự học PowerPoint 2010, NXB Hồng Bàng.
10	Xác suất thống kê	1. Nguyễn Ngọc Linh (2015), <i>Xác suất và thống kê toán</i> , NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
11	Giáo dục thể chất	
12	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
13	Tài chính - Tiền tệ	1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2014), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i> , NXB Tài chính. 2. TS.Lê Thị Mận (2013), <i>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i> , NXB Lao động Xã hội. 3. Nguyễn Văn Tiến (2015), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i> , NXB Thống kê.
14	Kinh tế vi mô 1	1. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), <i>GT Nguyên lý kinh tế học vi mô</i> , NXB Lao động – Xã hội. 2. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2014), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. 3. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2010), <i>Kinh tế học vi mô</i> , NXB Đại học KTQD.
15	Kinh tế vĩ mô	1. Nguyễn Văn Công (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô</i> , Nhà xuất bản Lao động (ĐH Kinh tế quốc dân). 2. Nguyễn Văn Dân (2008), <i>Kinh tế học vĩ mô</i> , Nhà xuất bản Tài chính 3. Nguyễn Văn Ngọc (2011), <i>Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vĩ mô</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	1. Mai Văn Nam (2008), <i>Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế</i> , NXB Văn hóa thông tin. 2. Hà Văn Sơn (2010), <i>Giáo trình Lý thuyết</i>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p><i>thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế</i>, NXB Thống Kê</p> <p>3. Ngô Thị Thuận (2006), <i>Nguyên lý thống kê kinh tế</i>, NXB Đại học Nông nghiệp</p>
17	Phân tích định lượng	<p>1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), <i>Giáo trình Mô hình toán kinh tế</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Lê Đình Thúy (2010), <i>Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
18	Cơ sở khoa học môi trường	<p>1. Lưu Đức Hải (2008), <i>Cơ sở khoa học môi trường</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>2. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2008), <i>Khoa học môi trường</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>3. Bùi Thị Nga (2008), <i>Giáo trình Cơ sở khoa học môi trường</i>, Trường Đại học Cần Thơ.</p>
19	Lý thuyết kế toán	<p>1. Trần Văn Thuận, Phạm Thành Long (2011), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Võ Văn Nhị (2012), <i>Bài tập Nguyên lý kế toán</i>, NXB Phương Đông.</p> <p>3. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thi Hồng Vân (2014), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Tài chính.</p>
20	Quản trị học	<p>1. Nguyễn Hoàn, Nguyễn Thu Hiền (2013), <i>Giáo trình Quản trị học</i>, NXB Lao động.</p> <p>2. Bùi Văn Danh (2011), <i>Quản trị học</i> –</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p><i>Bài tập và nghiên cứu tình huống</i>, NXB Lao động.</p> <p>3. Nguyễn Thị Liên Diệp (2009), <i>Giáo trình quản trị học</i>, NXB Thống kê.</p>
21	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	<p>1. Vũ Danh Tuyên và nnk (2013), <i>Cơ sở viễn thám</i>, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>2. Dương Đăng Khôi (2012), <i>Hệ thống thông tin địa lý</i>, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>3. Thomas M.Lillesand, Jonathan W.Chipman, Ralph W.Kiefer (2012), <i>Remote sensing and Image interpretation</i>, Wiley India.</p>
22	Tài chính công	<p>1. Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016), <i>Giáo trình Quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Hoàng Thị Thuý Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh (2016), <i>Giáo trình Lý thuyết Quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Phan Huy Đường (2014), <i>Giáo trình quản lý công</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.</p>
23	Kinh tế đầu tư	<p>1. PGS.TS.Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), <i>Giáo trình Kinh đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p>2. TS.Đỗ Phú Trần Tình (2009), <i>Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư</i>, NXB Giao thông vận tải.</p> <p>3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
24	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<p>1. Trần Bình Trọng (2009), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. TS.Hà Quý Tình và Ths.Trần Hậu Hùng (2008), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Phạm Văn Chiến, Nguyễn Ngọc Thanh (2010), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.</p>
25	Quản lý nhà nước về kinh tế	<p>1. GS.TS Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS Mai Văn Bru (2008), <i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>2. TS Nguyễn Văn Sáu (2013), <i>Giáo trình quản lý kinh tế</i>, NXB Chính trị – Hành chính Quốc gia.</p> <p>3. Richard Lehne (2013), <i>Government and Business: American Political Economy in Comparative Perspective</i>, CQ Press, an Imprint of SAGE Publications, Inc.</p>
26	Tâm lý quản lý	<p>1. Đỗ Văn Phúc (2009), <i>Tâm lý trong quản lý doanh nghiệp</i>, NXB Bách Khoa.</p> <p>2. Nguyễn Văn Đồng (2011), <i>Giáo trình Tâm lý học giao tiếp</i>, NXB Chính trị - Hành chính.</p> <p>3. Nguyễn Bá Dương (2000), <i>Tâm lý học Quản lý</i>, NXB Chính trị Quốc gia.</p>
27	Kinh tế vi mô 2	<p>1. PGS.TS Phạm Văn Minh (2011), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô 2</i>, NXB lao động - xã hội.</p> <p>2. David Begg, S. Fisher, R. Dornbush (2011), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Thống kê.</p> <p>3. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2008), <i>Kinh tế vi mô phần 2</i>, NXB Kinh tế quốc dân.</p>
28	Kinh tế công cộng	<p>1. TS. Vũ Cương, PGS.TS Phạm Văn Vận, (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>bản Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. PGS. TS Nguyễn Văn Dân, TS Đỗ Thị Thực, (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Học viện tài chính, Nhà xuất bản tài chính.</p> <p>3. PGS. TS Vũ Kim Dũng, PGS. TS Nguyễn Văn Công, (2012), <i>Giáo trình Kinh tế học (Tập II)</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
29	Phân tích chi phí - lợi ích	<p>1. Trần Võ Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí</i>, Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Phạm Thị Bích Thủy (2011), <i>Phân tích Lợi ích chi phí</i>, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>3. Campbell, H., and Brown (2003), <i>Benefit-Cost Analysis: Financial and Economic Appraisal Using Spreadsheets</i>, Cambridge.</p>
30	Kinh tế học biến đổi khí hậu	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>2. Trần Thọ Đạt (2012), <i>Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển</i>, Nhà xuất bản Giao thông vận tải Hà Nội.</p> <p>3. Vũ Kim Dũng (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Lao động – xã hội.</p>
31	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>1. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi trường: Từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam</i>, Nhà xuất bản Giao thông vận tải.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Lượng giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm, suy thoái môi trường</i>, NXB Chính trị Quốc gia.</p> <p>3. Bateman J. (2003), <i>Economic Valuation with state preference techniques: a manual</i>, Edward elgar Publishing, London.</p>
32	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	<p>1. Vũ Cao Đàm (2014), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
33	Kế toán tài chính	<p>1. Đặng Thị Loan (2011), <i>Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp</i>, NXB Trường Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Nguyễn Thị Đông (2013), <i>Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán</i>, NXB Trường Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Phan Đức Dũng (2014), <i>Bài tập và bài giải Kế toán tài chính</i>, NXB lao động – xã hội.</p>
34	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	<p>1. Huỳnh Quang Tín (2011), <i>Giáo trình Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở phát triển cộng đồng</i>, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.</p> <p>2. Nguyễn Văn Song (2013), <i>Kinh tế tài nguyên rừng</i>, NXB Đại học Nông nghiệp.</p> <p>3. Trần Đức Viên, Nguyễn Vinh Quang, Mai Văn Thành (2005), <i>Phân cấp trong quản lý tài nguyên rừng và sinh kế người dân</i>, NXB Nông nghiệp.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
35	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	<p>1. Bộ môn Dự báo, Khoa kế hoạch và phát triển, Trường đại học Kinh tế Quốc Dân (2014), <i>Dự báo phát triển kinh tế xã hội</i>, NXB Thống kê.</p> <p>2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy (2009), <i>Dự báo và phân tích dữ liệu trong Kinh tế và Tài chính</i>, NXB Thống kê.</p>
36	Thương mại và tài nguyên môi trường	<p>1. Chris Wold, Sanford Gaines, Greg Block (2011), <i>Trade and Environment: Law and Policy</i>, Carolina Academic Press.</p> <p>2. GS. TS. Đỗ Đức Bình, TS. Nguyễn Thường Lạng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế quốc tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. GS. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim Dung (2013), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p>
37	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	<p>4. Đồng Kim Loan, Nguyễn Mạnh Khải, Nguyễn Thị Hà, Phạm Ngọc Hồ (2014), <i>Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường</i>, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội</p> <p>5. Trần Ngọc Chấn (2000), <i>Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải – Tập 1,2,3</i>. Nhà xuất bản KHKT Hà Nội</p> <p>6. J. R. Mudakavi, India (2010), <i>Principles and Practices of Air Pollution Control and Analysis</i>.</p>
38	Du lịch sinh thái	<p>1. Lê Huy Bá (2006), <i>Du lịch sinh thái</i>, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. Bùi Thị Hải Yến (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>3. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiền (2001), <i>Du lịch bền vững</i>, NXB ĐHQGHN</p>
39	Kiểm toán môi trường	<p>1. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Kiểm toán môi trường</i>, NXB Lao động và xã hội.</p> <p>2. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), <i>Lý thuyết kiểm toán</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Quý Lâm, Kim Phương (2014), <i>Hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn về môi trường</i>, NXB Lao động xã hội.</p>
40	Thống kê tài nguyên và môi trường	<p>1. Lê Văn Khoa (2010), <i>Giáo trình Con người và môi trường</i>, NXB giáo dục Việt nam.</p> <p>2. GS.TS Phạm Ngọc Kiểm (2010), <i>Giáo trình Thống kê doanh nghiệp</i>, NXB lao động - xã hội.</p> <p>3. Hà Văn Sơn (2010), <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế.</i>, NXB Thống Kê.</p>
41	Đánh giá tác động môi trường	<p>9. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2014), <i>Giáo trình Đánh giá tác động môi trường</i> (hệ đại học), Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>10. Trần Văn Ý (Chủ biên) (2006), <i>Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển</i>, NXB Thống kê.</p> <p>11. Phạm Ngọc Hồ & Hoàng Xuân Cơ (2006), <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB ĐHQG HN.</p>
42	Kinh tế tài nguyên 1	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đất</i>, NXB Lao động.</p> <p>3. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống Kê.</p>
43	Kinh tế tài nguyên 2	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Bá Uân, Ngô Thị Thanh Vân (2006), <i>Giáo trình Kinh tế thủy lợi</i>, NXB Xây dựng.</p> <p>3. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống Kê</p>
44	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	<p>1. PGS.TS. Từ Quang Phương (2014), <i>Giáo trình Quản lý dự án đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), <i>Lập dự án đầu tư</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. PGS.TS. Từ Quang Phương, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
45	Hạch toán quản lý môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, NXB Thống Kê</p> <p>2. IFAC, (2005). <i>International Guidance Document: EMA. International Federation of Accountants</i>, New York.</p> <p>3. Phạm Đức Hiếu (2012), <i>Giáo trình kế toán môi trường trong doanh nghiệp</i>, NXB Giáo dục.</p>
46	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>2. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		3. GS. TS. Nguyễn Hoàng Toàn, PGS, TS. Mai Văn Bưu, (2008), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
47	Kinh tế môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>2. Hoàng Xuân Cơ (2005), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.</p> <p>3. TS Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất Tàì Chính.</p>
48	Kinh tế tài nguyên biển	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên) (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý Môi trường</i>, NXB Thống kê.</p> <p>3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), <i>Quản lý biển</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
49	Kiến tập môn học – Kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê.</p> <p>2. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi trường từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam</i>, NXB Giao thông vận tải.</p> <p>3. Trần Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí</i>, Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.</p>
50	Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê.</p> <p>2. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi</i></p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>trường từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam, NXB Giao thông vận tải.</p> <p>3. Trần Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí</i>, Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.</p>
51	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.
52	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.
53	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, (2009), NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đất</i>, NXB Lao Động.</p> <p>3. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê.</p>
54	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>2. Hoàng Xuân Cơ (2005), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.</p> <p>3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính.</p>

4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Hà Thị Thanh Thủy	TS	Kinh tế học	Khoa KTTN&MT
2	Bùi Thị Thùy	ThS	Máy tính (Khoa học máy tính)	Khoa CNTT

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
3	Đàm Thanh Tuấn	ThS	Toán học	Khoa KHĐC
4	Đỗ Minh Anh	ThS	Triết học	Khoa LLCT
5	Hoàng Thị Ngọc Minh	ThS	Hồ Chí Minh học	Khoa LLCT
6	Lê Đắc Trường	ThS	Khoa học môi trường	Khoa MT
7	Đào Thị Thương	ThS	Thương mại	Khoa KTTN&MT
8	Phạm Thị Hồng Quế	ThS	Ngôn ngữ Anh	BMNN
9	Mai Thị Hiền	ThS	Lý luận và PP giảng dạy tiếng anh	BMNN
10	Phạm Thị Thương Huyền	ThS	Kỹ thuật trắc địa	Khoa TĐBĐ
11	Trần Lệ Thu	ThS	Luật	Khoa LLCT
12	Nguyễn Thị Trang	ThS	Toán học	Khoa KHĐC
13	Nguyễn Thị Diệu Linh	ThS	Kế toán	Khoa KTTN&MT
14	Đỗ Diệu Linh	ThS	Kinh tế	Khoa KTTN&MT
15	Đỗ Thị Ngọc Thúy	ThS	Kinh tế và Quản lý môi trường	Khoa KTTN&MT
16	Đỗ Thị Phương	ThS	Quản trị kinh doanh	Khoa KTTN&MT
17	Đặng Thị Hiền	ThS	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT
18	Nguyễn Thị Hiền	ThS	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT

4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi -0sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo./